Công ty TNHH Panasonic Electric Works Việt Nam
Số 01 VSIP II-A, đường số 12, KCN Việt Nam - Singapore II-A, Phường Vĩnh Tân, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Showroom TP.HCM
Tầng 6, 675-677 Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
Website: https://panasonic.net/pewvn/
Hotline: 19006711

Ghé thăm kênh Youtube của Panasonic Electric Works để tìm hiểu thêm về sản phẩm

Panasonic®
Panasonic Electric Works Vietnam Co., Ltd

Panasonic

SẢN PHẨM

CẦU DAO TỰ ĐỘNG

JAPAN QUALITY

mở ra kỷ nguyên mới

Trong hơn 25 năm có mặt tại thị trường Việt Nam, thương hiệu Panasonic đã mang lại dấu ấn mạnh trong lòng người tiêu dùng với các sản phẩm chất lượng từ Thiết bị gia dụng đến các Thiết bị điện xây dựng. Giữ vai trò chủ chốt trong lịch sử hình thành và phát triển của tập đoàn suốt từ năm 1918, tính tiện nghi, an toàn và bền bỉ của Thiết bị điện Panasonic đã vinh danh trên toàn thế giới.

Các sản phẩm cầu dao tự động và bộ ngắt mạch an toàn của Panasonic đã mang lại sự bảo vệ tối ưu chất cho các công trình dân dụng và chuyên dụng trong các năm qua.

Những nỗ lực không ngừng phát triển công nghệ sản phẩm và nâng cao dây chuyền sản xuất, cho phép Panasonic liên tục vượt giới hạn để mang lại các dòng sản phẩm đa dạng hơn, thoả mãn nhu cầu của người tiêu dùng Việt Nam.

giới thiệu

Kể từ khi thành lập tập đoàn Panasonic vào năm 1918, công ty đã luôn dựa vào Triết Lý Kinh Doanh Nền Tảng của nó. Thông qua hoạt động kinh doanh, Panasonic đã không ngừng đóng góp vào tiến trình xây dựng xã hội phát triển nhằm mục tiêu ngày càng cải thiện đời sống của con người trên toàn thế giới. Thông qua quá trình này, chúng tôi hướng đến nâng cao cuộc sống cho con người, đồng thời cũng chính là những khách hàng của chúng tôi.

Panasonic Electric Works đang có chuỗi sản phẩm đa dạng. Bao gồm các thiết bị trong hệ thống cung cấp năng lượng như thiết bị nối dây, bảng tủ điện, thiết bị đóng cắt và bảo vệ an toàn,.v.v..
Tất cả các sản phẩm được tiêu chuẩn hóa theo dây chuyền sản xuất quốc tế, đảm bảo tuân thủ quy chuẩn cam kết chất lượng và tiêu chuẩn an toàn điện chặt chẽ của Panasonic.

Từ những định hướng trên, chúng tôi đang đóng góp vào quá trình xây dựng môi trường sống hài hòa trong khi giảm thiểu tác động đến môi trường xung quanh. Sự hài hòa gắn liền với thân thiện và thoải mái chính là phương châm làm việc của chúng tôi. Chúng tôi luôn cống hiến để tạo ra giải pháp về nhà ở và các công trình bằng những sản phẩm của mình, vươn đến xây dựng giải pháp cho một xã hội phát triển bền vững.

Panasonic Electric Works
Bình Dương, Việt Nam

Panasonic Corporation Electric
Works Company Osaka, Japan

Công Trình Tiêu Biểu

- CÔNG TRÌNH SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT
- CÔNG TRÌNH GARDEN PLAZA
- CÔNG TRÌNH RIVERPARK RESIDENCE - PMH
- CÔNG TRÌNH THE PANORAMA
- CÔNG TRÌNH CẢNH VIÊN - PMH
- CÔNG TRÌNH SKY GARDEN
- CÔNG TRÌNH SKY CENTER
- CÔNG TRÌNH LUCKY STAR RESORT
- CÔNG TRÌNH MIA SAIGON
- CÔNG TRÌNH HOI AN SOUTH RESORT
- CÔNG TRÌNH RICHMOND CITY
- CÔNG TRÌNH AKARI

ngôn ngữ thiết kế

"5 nhân tố"

Hệ thống tích hợp trong quy trình phát triển sản phẩm mà chúng tôi dựa vào cho phép chế tạo ra những sản phẩm có chất lượng cao một cách đồng bộ. Điều đó được bắt đầu bằng việc bắt kịp nhu cầu thị trường một cách chính xác tới việc phát triển những công nghệ hiện đại và không ngừng mở rộng lên kế hoạch, thiết kế, sản xuất cho tới khâu bán hàng và dịch vụ

Mục Lục

THIẾT BỊ CHỐNG SÉT LAN TRUYỀN — 8
CẦU DAO HB — 11
CẦU DAO ELB — 12
CẦU DAO MCB 6kA — 18
CẦU DAO MCB 10kA — 20
CẦU DAO RCBO — 22
CẦU DAO RCCB — 25
CẦU DAO MCCB TIÊU CHUẨN IEC — 26
DÒNG SẢN PHẨM MCCB 400 – 800AF — 30
CẦU DAO MCCB/ELB GD — 35
TỦ ĐIỆN NẮP TRONG TỪ THỔ NHĨ KỲ — 44
TỦ ĐIỆN MỚI — 49

THƯƠNG HIỆU NHẬT BẢN,
TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ

Bộ Tiêu Chuẩn Kỹ Thuật Điện Quốc Tế

Tiêu Chuẩn Công Nghiệp Nhật Bản

Tiêu Chuẩn Châu Âu Về Hạn Chế Chất Độc Hại

Tiêu Chuẩn Chất Lượng Việt Nam

thiết bị

CHỐNG SÉT LAN TRUYỀN

Thông Số Kỹ Thuật Và Sơ Đồ Kích Thước

Mã sản phẩm	BBDT2321BV
Tiêu chuẩn IEC 61643-11	Loại II
Điện thế hoạt động thông thường (Un)	230V
Điện thế hoạt động tốt đa (Uc)	320V (50Hz)
Dòng điện bảo vệ thông thường (8/20μs) (In)	20kA
Dòng xả bảo vệ tối đa (8/20μs) (Imax)	40kA
Điện thế bảo vệ (Up)	≤1.5kV
Nhiệt độ hoạt động tối đa	-10˚C ~ +60˚C
Độ ẩm hoạt động tối đa	85% RH, or less (Không ngưng tụ)
Dây dẫn điện phù hợp	Dây đơn: Ø1.5 ~ 5.5mm Dây nhiều lõi: 1.5 to 35 mm^2
Tiêu chuẩn kháng nước	IP20
Khối lượng	200g

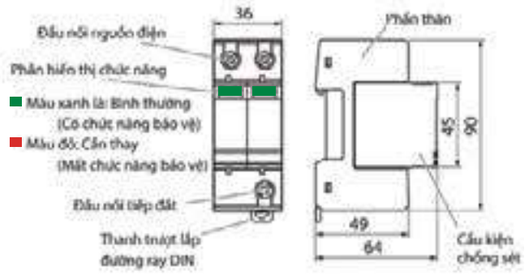

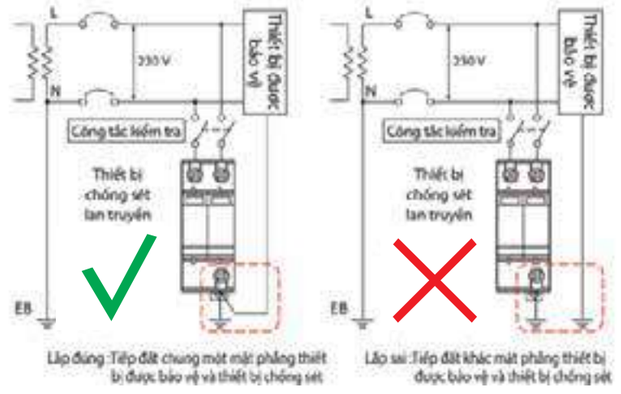

Lắp đúng :Tiếp đất chung một mặt phẳng thiết bị được bảo vệ và thiết bị chống sét

Lắp sai :Tiếp đất khác mặt phẳng thiết bị được bảo vệ và thiết bị chống sét

DÒNG SẢN PHẨM HB & ELB

cho thiết bị gia dụng

HB ELB

Cầu Dao HB

Kích thước/ *Dimension* (mm) Thiết kế/ *Appearance* Kích thước khoét lỗ/ *Mounting pitch* (mm)	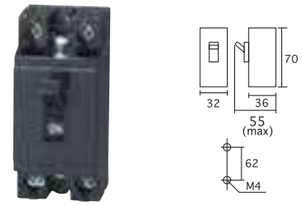		Đơn vị/ *Unit*: mm
Số cực *Number of poles & elements*	2P1E		
Loại *Type*	6A	BS11106TV	
	10A	BS1110TV	
	15A	BS1111TV	
	20A	BS1112TV	
	30A	BS1113TV	
	40A	BS1114TV	
Điện áp định mức (AC) *Rated voltage (AC) Interrupting Capacity*	AC 240V 1.0kA (6A) AC 240V 1.5kA (10·15·20·30·40A)		
Tiêu chuẩn đinh vít cần dùng *Terminal specifications*	Thiết bị đầu cuối không hàn (có dây đeo) ø1.6-ø2.6 5.5 - 8 mm²	*Solderless terminals (with strap)* *ø1.6-ø2.6* *5.5 - 8 mm²*	Lưu ý: Khi sử dụng dây điện của thiết bị điện hoặc dây nối (1.25 - 3.5 mm²) Sử dụng thiết bị đầu cuối dạng thanh	*Note: When using electrical appliance wire or other stranded wire (1.25 - 3.5 mm²)* *use bar lug terminals*
Cân nặng/ *Weight*	0.07kg		
Kết cấu *Structure* — Cơ chế đóng ngắt *Tripping mechanism*	Hoạt động nhiệt/ *Thermal operation*		
Kết cấu *Structure* — Phương phát dập tắt hồ quang điện *Arc quenching method*	Làm nguội tự nhiên/ *Natural Quenching*		
Khả năng *Capacity* — Thời gian đóng ngắt *Interrupting time*	10ms (100%)		
Khả năng *Capacity* — Tạm ngắt *Passage of short*	23 X 10^3 A^2 sec (100%)		

Chú ý:
1. Sử dụng 20A cho các mạch điện thông thường và 30A cho các mạch chuyên dụng có dung lượng cao.
2. Sử dụng 15A hoặc ít hơn để bảo vệ máy, khuyến cáo xem xét đặc tính dòng điện trước để hiểu được đó là dòng điện nhảy vọt hay dòng điện thông thường.
3. Dữ liệu được đề cập chỉ mang tính chất tham khảo, dựa theo thử nghiệm của PEW.

Note:
1. Use 20A for normal branch circuits, and 30A for high capacity dedicated circuits.
2. Use 15A or less for machine protection, after consideration of its characteristic: inrush current and usual current.
3. The data in capacity mentioned above are just for your reference, which are PEW´s experimental ones.

Đường cân bù nhiệt độ

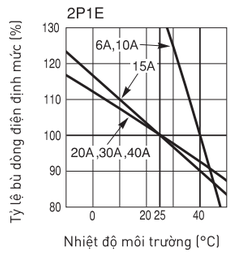

Đường cong đặc tính vận hành

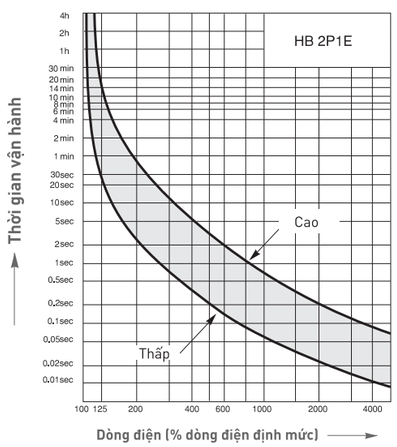

Cầu Dao ELB

Bảo vệ dòng rò và chống giật

Kích thước/ *Dimension (mm)* Thiết kế/ *Appearance* Kích thước khoét lỗ/ *Mounting pitch (mm)*	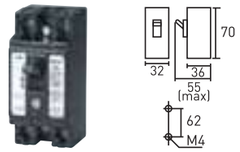 Đơn vị/ *Unit (mm)*	
Số cực/ *Number of poles and elements*	2P0E	
Dòng điện định mức (A)/ *Rated current (A)*	30A	
Loại/ *Type*	BJS3020NA2	BJS3030NA2
Điện áp định mức (AC)/ *Rated voltage (AC)*	AC120-240V	
Dòng rò có tác động (mA)/ *Residual operating current (mA)*	15mA	30mA
Dòng rò không tác động (mA)/ *Residual non-operating current (mA)*	7.5mA	15mA
Pha và kích thước dây/ *Phase and wiring configuration*	1Ø2W	
Thời gian cắt/ *Operating time*	Trong vòng 0.1 giây/ *Within 0.1 sec*	
Loại cài đặt/ *Handle type*	Dài / *long*	
Tiêu chuẩn đinh vít cần dùng *Terminal specifications*	Thiết bị đầu cuối không hàn (có dây đeo) ø1.6-ø2.6 5.5 - 8 mm² Lực siết *Tightening torque:* 1.6-2.0N·m 16.3-20.4kgf·cm *Solderless terminals (with strap) ø1.6-ø2.6 5.5 - 8 mm²*	
Phương pháp nối dây/ *Connecting method*	Trực tiếp/ *For direct installation of electrical wiring*	
Cân nặng/ *Weight*	0.09 kg	
Cơ chế ngắt khi quá tải/ *Overload current tripping mechanism*	Không có/ *None*	

Chú ý: 1. Nhiệt độ môi trường lắp đặt: -10ºC đến +50ºC.
2. Ngắt kết nối dây điện trước khi đo điện trở cách điện giữa các dây.

Note: 1. Ambient temperature rage for usage: -10ºC to +50ºC.
2. Disconnect electrical wiring before measuring insulation resistance between wires.

Cầu Dao ELB

Bảo vệ dòng rò, quá tải và ngắn mạch.

Kích thước/ *Dimension (mm)* Thiết kế/ *Appearance* Kích thước khoét lỗ/ *Mounting pitch (mm)*	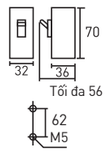 Đơn vị/ *Unit (mm)*								
Loại/ *Type*	BJS1512S1	BJS1522S1	BJS1532S1	BJS2012S1	BJS2022S1	BJS2032S1	BJS3012S1	BJS3022S1	BJS3032S1
Dòng điện định mức (A)/ *Rated current (A)*	15A			20A			30A		
Số cực/ *Number of poles and elements*	2P2E								
Điện áp định mức (AC)/ *Rated voltage (AC)*	AC100-240V								
Dòng rò có tác động (mA)/ *Residual operating current (mA)*	10mA	15mA	30mA	10mA	15mA	30mA	10mA	15mA	30mA
Dòng rò không tác động (mA)/ *Residual non-operating current (mA)*	6mA	7.5mA	15mA	6mA	7.5mA	15mA	6mA	7.5mA	15mA
Dòng ngắt định mức/ *Rated Interrupting Capacity*	1.5kA								
Thời gian ngắt/ *Operating time*	Trong vòng 0.1/ *Within 0.1 sec*								
Phương pháp nối dây/ *Connection Method*	Trực tiếp/ *For direct installation of electrical wiring*								
Pha và kích thước dây/ *Phase and wiring configuration*	1Ø2W, 1Ø3W								
Tiêu chuẩn đinh vít cần dùng *Terminal specifications*	Thiết bị đầu cuối không hàn (có dây đeo) ø1.6-ø2.6 5.5 - 8 mm² Lực siết *Tightening torque:* 1.6-2.0N·m 16.3-20.4kgf·cm *Solderless terminals (with strap) ø1.6-ø2.6 5.5 - 8 mm²*								
Cân nặng/ *Weight*	0.09kg								
Cơ chế ngắt khi quá tải/ *Overload current tripping mechanism*	Hoạt động nhiệt/ *Thermal operation*								

Chú ý: 1. Nhiệt độ môi trường lắp đặt: -10ºC đến +50ºC.
2. Ngắt kết nối dây điện trước khi đo điện trở cách điện giữa các dây.

Note: 2. Ambient temperature rage for usage: -10ºC to +50ºC.
3. Disconnect electrical wiring before measuring insulation resistance between wires.

Đường cân bù nhiệt độ

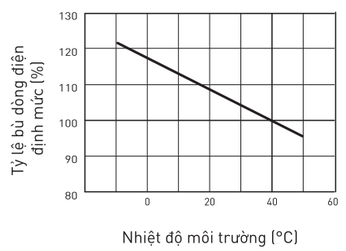

Đường cong đặc tính vận hành

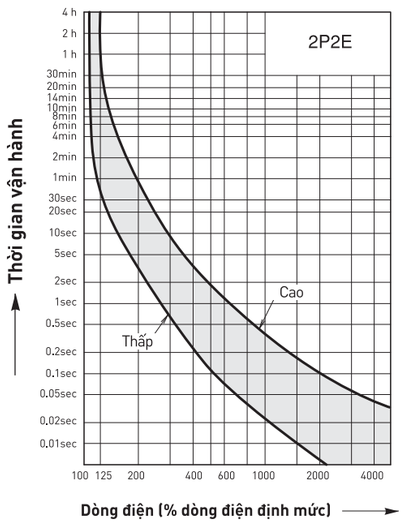

Cầu Dao ELB (Tiêu Chuẩn JIS)

Bảo vệ dòng rò và chống giật

Kích thước/ *Dimension (mm)* Thiết kế/ *Appearance* Kích thước khoét lỗ (đơn vị: mm)/ *Mounting pitch (mm)*	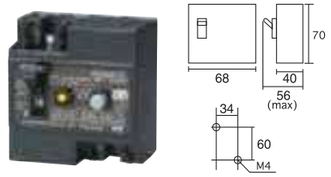 Đơn vị:mm/ *Unit (mm)*						
Số cực/ *Number of poles and elements*	2P0E	2P2E					
Dòng điện định mức (A)/ *Rated current (A)*	30A	15A		20A		30A	
Loại/ *Type*	BJJ230308V	BJJ215228V	BJJ215328V	BJJ220228V	BJJ220328V	BJJ230228V	BJJ230328V
Điện áp định mức (AC)/ *Rated voltage (AC)*	AC120-240V						
Dòng rò có tác động (mA)/ *Residual operating current (mA)*	30mA	15mA	30mA	15mA	30mA	15mA	30mA
Dòng rò không tác động / *Residual non-operating current (mA)*	15mA	7.5mA	15mA	7.5mA	15mA	7.5mA	15mA
Công suất ngắt định mức (Dòng ngắn mạch) *Rated short-time current*	(2.5kA)	1.5kA					
Thời gian cắt/ *Operating time*	Trong vòng 0.1 giây/ *Within 0.1 sec*						
Phương pháp thể hiện rò rỉ điện/ *Leakage indication method*	Nút cơ/ *Mechanic button*						
Tiêu chuẩn đinh vít cần dùng *Terminal specifications*	Thiết bị đầu cuối không hàn (có dây đeo) ø1.6-ø2.6 5.5 - 8 mm² *Solderless terminals (with strap) ø1.6-ø2.6* *5.5 - 8 mm²* Lực siết *Tightening torque:* 1.6-2.0N·m 16.3-20.4kgf·cm						
Phương pháp nối dây/ *Connecting method*	Trực tiếp/ *For direct installation of electrical wiring*						
Cân nặng/ *Weight*	0.2kg						
Cơ chế ngắt khi quá tải/ *Overload current tripping mechanism*	Hoạt động nhiệt/ *Thermal operation*						

Chú ý: 1. "Dòng ngắn mạch": mặc dù sản phẩm không chuyên dụng để chống ngắn mạch, mạch điện và dây dẫn bên trong có thể chịu được hiện tượng ngắn mạch ở 1.5kA trong vòng 0.02 giây.
2. Nhiệt độ môi trường lắp đặt: -10°C đến +50°C.
3. Ngắt kết nối dây điện trước khi đo điện trở cách điện giữa các dây.

Note: 1. "Rated short-time current" means that although short-circuit protection is not possible, the internal circuitry and conductors can withstand 1.5kA for 0.02 seconds.
2. Ambient temperature rage for usage: -10°C to +50°C.
3. Disconnect electrical wiring before measuring insulation resistance between wires.

Cầu dao ELB kiểu J

Đường cân bù nhiệt độ

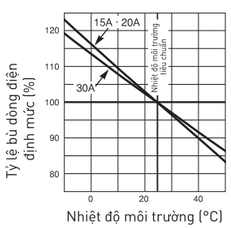

Đường cong đặc tính vận hành

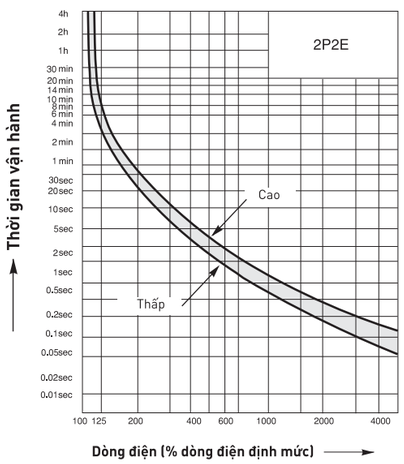

DÒNG SẢN PHẨM
MCB / RCBO / RCCB

MCB BD-63R

RCBO BDE-63R

RCCB

1 Dễ kiểm tra và sửa chữa với thanh trạng thái 3 cấp bậc

An toàn

Thanh trạng thái thông minh trên các sản phẩm MCB & RCBO của Panasonic giúp người dùng dễ dàng nhận biết cầu dao đang ở tình trạng ON (Bật), OFF (Tắt), TRIP POSITION (Ngắn mạch).

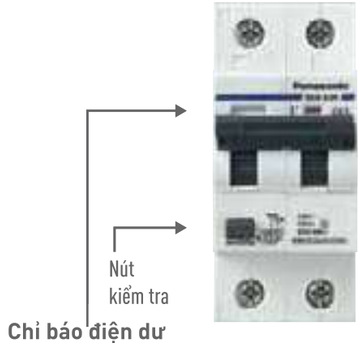

Chỉ báo điện dư

Bật/ Tắt	Màu xám
Ngắn mạch	Màu cam

* *Áp dụng trên sản phẩm MCB*

Ba cấp độ báo

Bật	Màu đỏ
Tắt	Màu xanh
Ngắn mạch	Màu trắng

* *Áp dụng trên sản phẩm MCB và RCBO*

2 Cơ chế đóng ngắt nhanh

An toàn

Cơ chế này cho phép cầu dao Panasonic đóng ngắt trong thời gian ngắn hơn và hao tổn ít điện năng hơn so với các cầu dao khác. Các sản phẩm phù hợp với tiêu chuẩn về cấp giới hạn năng lượng EN60898-1

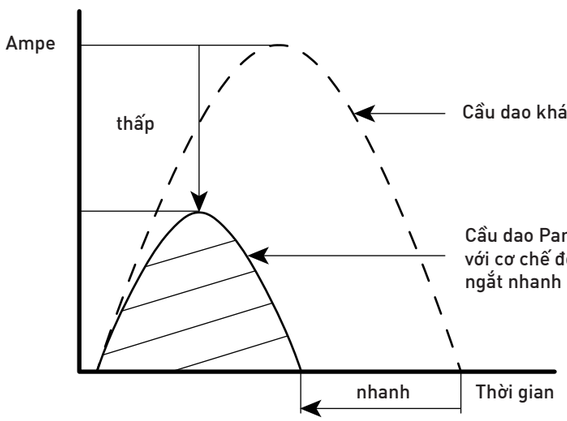

240/415V ~
6000A 3
IEC 60898-1
BBD1631CNV

Thông tin về giới hạn năng lượng

3 Cơ chế hoạt động độc lập, đóng cắt tức thì

An toàn

Tiếp điểm di chuyển độc lập cho tốc độ đáp ứng tức thì, không phụ thuộc vào tốc độ của cần gạt.

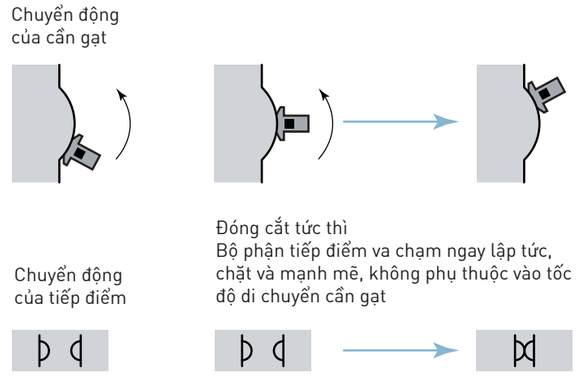

4 Kết cấu Wiping contact

An toàn

Đảm bảo dòng điện phù hợp lưu thông liên tục, tránh xảy ra các sự cố khi tiếp nối

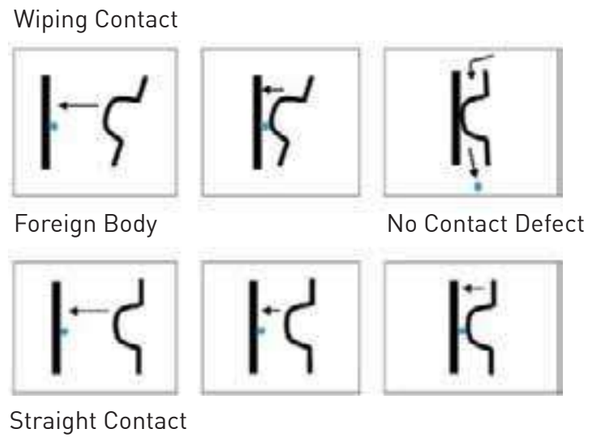

5 Màn che an toàn

An toàn | Thi công nhanh hơn

Phần màn che cách điện mang đến hiệu quả bảo vệ toàn diện. Trong quá trình nối dây, chúng giúp hướng dây dẫn về phía phần kẹp của đầu nối, và bảo vệ dây dẫn khỏi các tác nhân bên ngoài

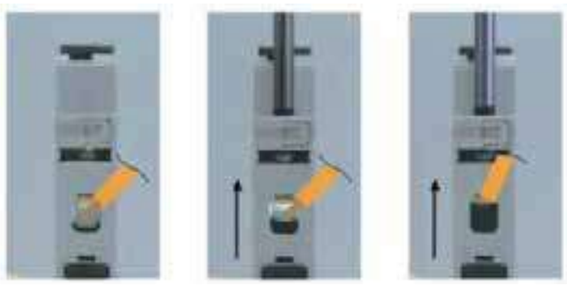

Cầu Dao MCB 6kA

Bảo vệ quá tải và ngắn mạch

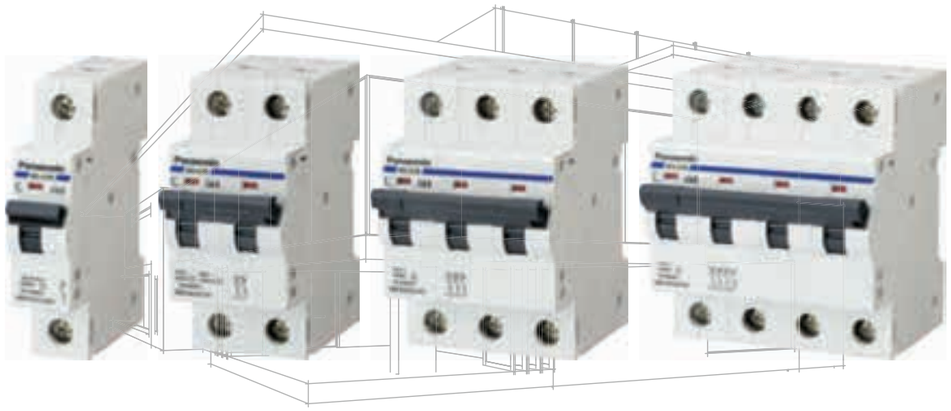

Kích thước khung *Frame size*		MCB BD-63R (Kiểu DIN/ *DIN type*)							
Số cực *Poles & elements*		1P1E		2P2E		3P3E		4P4E	
Đường cong *Instantaneous*		C	D	C	D	C	D	C	D
Dòng điện/ *Type*	6A	BBD1061CNV	BBD1061DNV	BBD2062CNV	BBD2062DNV	BBD3063CNV	BBD3063DNV	BBD4064CNV	BBD4064DNV
	10A	BBD1101CNV	BBD1101DNV	BBD2102CNV	BBD2102DNV	BBD3103CNV	BBD3103DNV	BBD4104CNV	BBD4104DNV
	16A	BBD1161CNV	BBD1161DNV	BBD2162CNV	BBD2162DNV	BBD3163CNV	BBD3163DNV	BBD4164CNV	BBD4164DNV
	20A	BBD1201CNV	BBD1201DNV	BBD2202CNV	BBD2202DNV	BBD3203CNV	BBD3203DNV	BBD4204CNV	BBD4204DNV
	25A	BBD1251CNV	BBD1251DNV	BBD2252CNV	BBD2252DNV	BBD3253CNV	BBD3253DNV	BBD4254CNV	BBD4254DNV
	32A	BBD1321CNV	BBD1321DNV	BBD2322CNV	BBD2322DNV	BBD3323CNV	BBD3323DNV	BBD4324CNV	BBD4324DNV
	40A	BBD1401CNV	BBD1401DNV	BBD2402CNV	BBD2402DNV	BBD3403CNV	BBD3403DNV	BBD4404CNV	BBD4404DNV
	50A	BBD1501CNV	BBD1501DNV	BBD2502CNV	BBD2502DNV	BBD3503CNV	BBD3503DNV	BBD4504CNV	BBD4504DNV
	63A	BBD1631CNV	BBD1631DNV	BBD2632CNV	BBD2632DNV	BBD3633CNV	BBD3633DNV	BBD4634CNV	BBD4634DNV
Điện áp định mức đóng ngắt *Rated voltage interrupting current*		AC240/415V 6kA		AC240V 10kA AC415V 6kA		AC415V 6kA		AC415V 6kA	
Cân nặng/ *Weight*		6A~32A 0.1kg 40A~63A 0.13kg		6A~32A 0.2kg 40A~63A 0.26kg		6A~32A 0.3kg 40A~63A 0.39kg		6A~32A 0.4kg 40A~63A 0.52kg	

Dòng sản phẩm MCB BD-63R theo các tiêu chuẩn IEC 60898-1
MCB BD-63R conform to the IEC 60898-1 standards

Kích thước khung *Frame size*		MCB BD-125R (Kiểu DIN/ *DIN type*)			
Số cực *Poles & elements*		1P1E	2P2E	3P3E	4P4E
Đường cong *Instantaneous*		C	C	C	C
Dòng điện *Type*	80A	BBD10801CHV	BBD20802CHV	BBD30803CHV	BBD40804CHV
	100A	BBD11001CHV	BBD21002CHV	BBD31003CHV	BBD41004CHV
	125A	BBD112511C	BBD212521C	BBD312531C	BBD412541C
Điện áp định mức đóng ngắt *Rated voltage interrupting current*		AC240V 10kA	AC415V 10kA		
Cân nặng/ *Weight*		0.16kg	0.33kg	0.50kg	0.66kg

Dòng sản phẩm MCB BD-125 theo các tiêu chuẩn IEC 60947-2
MCB BD-125 conform to the IEC 60947-2 standards

Sơ Đồ Kích Thước

•MCB (BD-63R Series)

Đơn vị/ Unit: mm

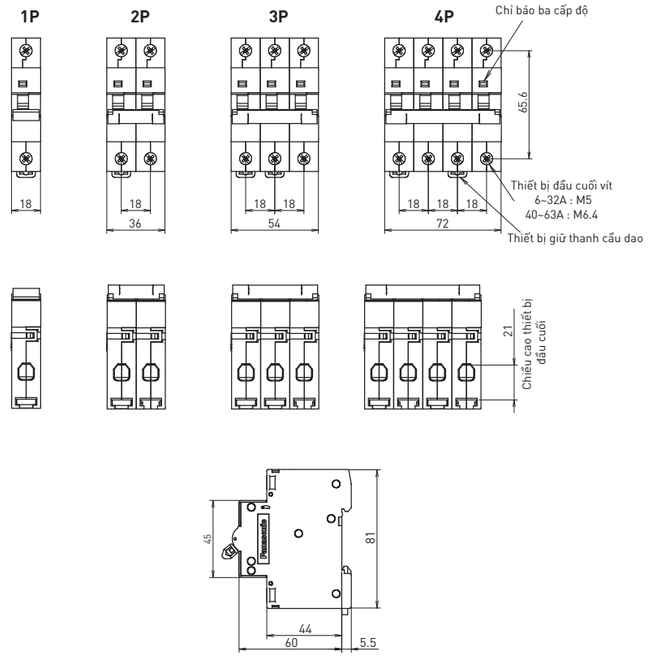

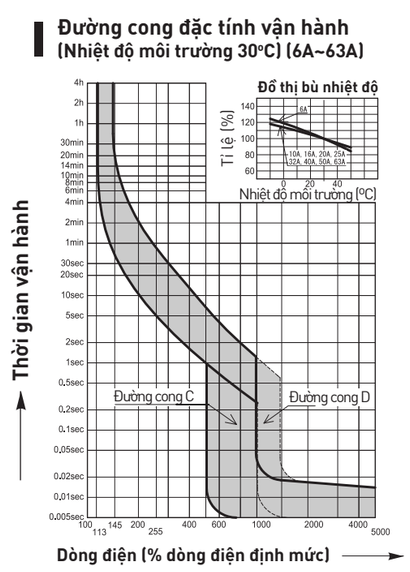

•MCB (BD-125R Series)

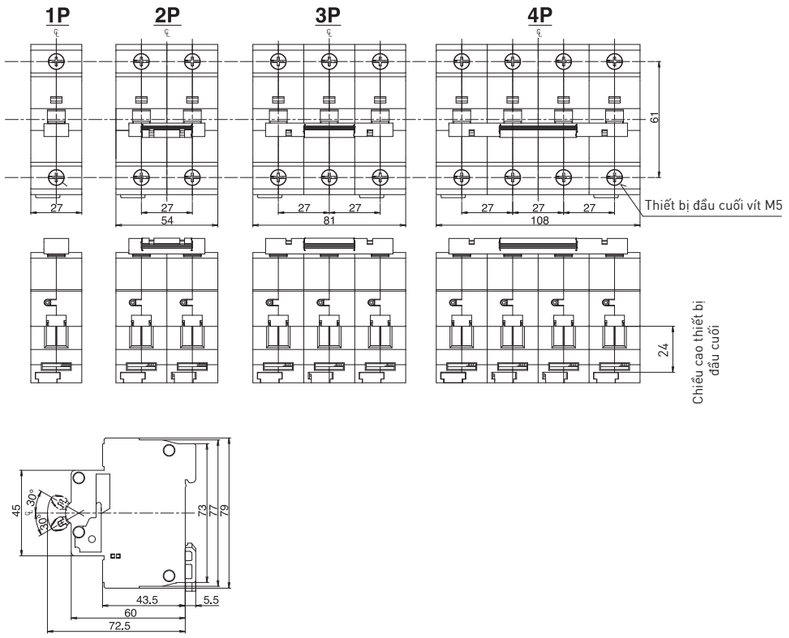

Cầu Dao MCB 10kA

Bảo vệ quá tải và ngắn mạch

Kích thước khung *Frame size*		MCB 10kA 63AF			
Số cực *Poles & elements*		1P1E	2P2E	3P3E	4P4E
Đường cong *Instantaneous*		C	C	C	C
Dòng điện/ *Type*	6A	BBD1061CHHV	BBD2062CHHV	BBD3063CHHV	BBD4064CHHV
	10A	BBD1101CHHV	BBD2102CHHV	BBD3103CHHV	BBD4104CHHV
	16A	BBD1161CHHV	BBD2162CHHV	BBD3163CHHV	BBD4164CHHV
	20A	BBD1201CHHV	BBD2202CHHV	BBD3203CHHV	BBD4204CHHV
	25A	BBD1251CHHV	BBD2252CHHV	BBD3253CHHV	BBD4254CHHV
	32A	BBD1321CHHV	BBD2322CHHV	BBD3323CHHV	BBD4324CHHV
	40A	BBD1401CHHV	BBD2402CHHV	BBD3403CHHV	BBD4404CHHV
	50A	BBD1501CHHV	BBD2502CHHV	BBD3503CHHV	BBD4504CHHV
	63A	BBD1631CHHV	BBD2632CHHV	BBD3633CHHV	BBD4634CHHV
Điện áp định mức đóng ngắt *Rated voltage interrupting current*		AC240V/415V 10kA	AC415V 10kA	AC415V 10kA	AC415V 10kA
Tổng số định mức *Rated frequency*		50Hz			
Nhiệt độ môi trường *Ambient temperature*		-10°C to +60°C			

Dòng sản phẩm MCB 10kA theo tiêu chuẩn IEC 60898-1
MCB 10kA conform to the IEC 60898-1 standard

Sơ Đồ Kích Thước

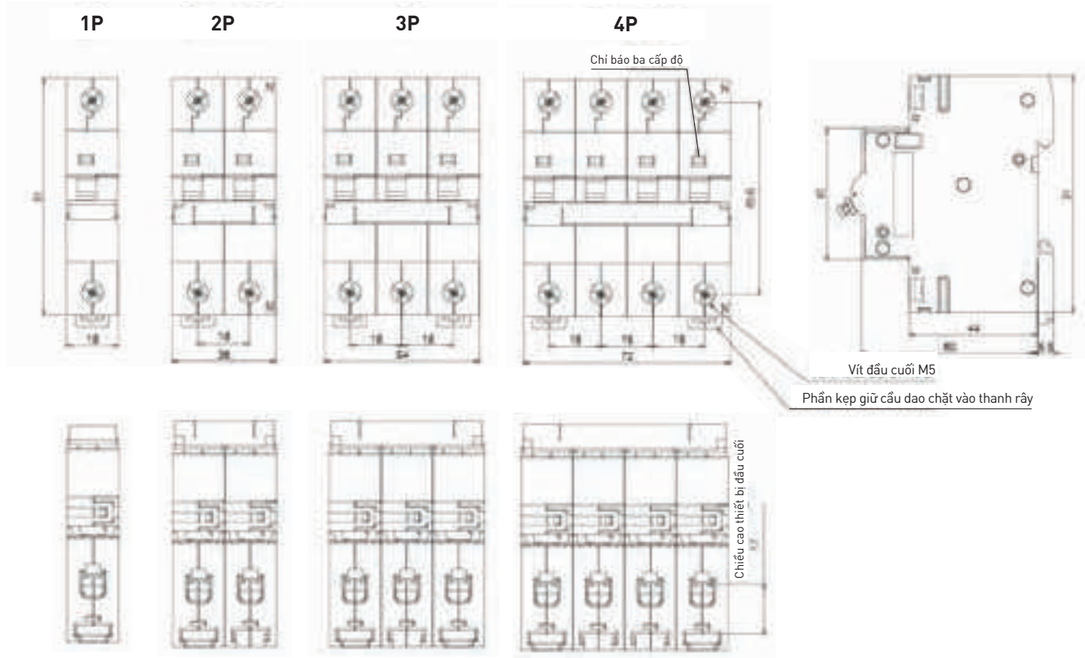

Đường cong đặc tính vận hành (Nhiệt độ môi trường 30°C (6A-63A)

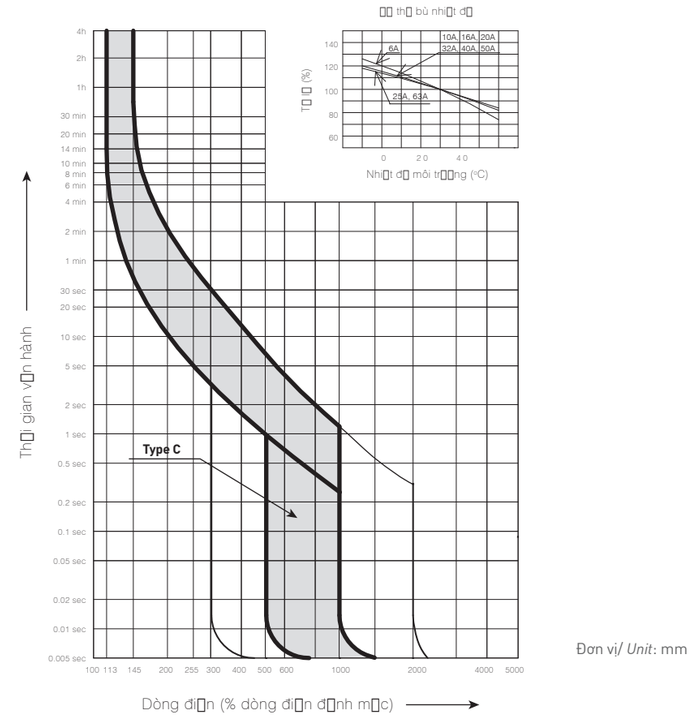

Đơn vị/ *Unit*: mm

Cầu Dao RCBO

Bảo vệ quá tải, ngắn mạch và chống rò

Kích thước khung *Frame size*		RCBO BDE-63R (Kiểu DIN/ *DIN type*)					
Số cực *Poles & elements*		2P1E					
Đường cong *Instantaneous*		C	D	C	D	C	D
Dòng điện/ *Type*	6A	BBDE20631CNV	BBDE20631DNV	BBDE20641CNV	BBDE20641DNV	BBDE20651CNV	BBDE20651DNV
	10A	BBDE21031CNV	BBDE21031DNV	BBDE21041CNV	BBDE21041DNV	BBDE21051CNV	BBDE21051DNV
	16A	BBDE21631CNV	BBDE21631DNV	BBDE21641CNV	BBDE21641DNV	BBDE21651CNV	BBDE21651DNV
	20A	BBDE22031CNV	BBDE22031DNV	BBDE22041CNV	BBDE22041DNV	BBDE22051CNV	BBDE22051DNV
	25A	BBDE22531CNV	BBDE22531DNV	BBDE22541CNV	BBDE22541DNV	BBDE22551CNV	BBDE22551DNV
	32A	BBDE23231CNV	BBDE23231DNV	BBDE23241CNV	BBDE23241DNV	BBDE23251CNV	BBDE23251DNV
	40A	BBDE24031CNV	BBDE24031DNV	BBDE24041CNV	BBDE24041DNV	BBDE24051CNV	BBDE24051DNV
	50A	BBDE25031CNV	BBDE25031DNV	BBDE25041CNV	BBDE25041DNV	BBDE25051CNV	BBDE25051DNV
	63A	BBDE26331CNV	BBDE26331DNV	BBDE26341CNV	BBDE26341DNV	BBDE26351CNV	BBDE26351DNV
Điện áp định mức *Rated Voltage* *Rated interrupting capacity*		AC240V 6kA					
Điện áp định mức (Phạm vi điện áp ứng dụng) *(Application voltage range)*		192V-264V					
Dòng rò có tác động (mA) *Rated Residual operating current (mA)*		30mA		100mA		300mA	
Dòng rò không tác động (mA) *Rated Residual non-operating current (mA)*		15mA		50mA		150mA	
Cân nặng/ *Weight*		6A-32A 0.2kg 40A-63A 0.23kg					

Dòng sản phẩm RCBO BDE-63R theo các tiêu chuẩn IEC 61009-1
RCBO BDE-63R conform to the IEC 61009-1 standards

Sơ Đồ Kích Thước

Kích thước khung *Frame size*		RCBO BDE-63R (Kiểu DIN/ *DIN type*)		
Số cực *Poles & elements*		4P4E		
Đường cong *Instantaneous*		C		
Dòng điện/ *Type*	6A	BBDE40634CNV	BBDE40644CNV	BBDE40654CNV
	10A	BBDE41034CNV	BBDE41044CNV	BBDE41054CNV
	16A	BBDE41634CNV	BBDE41644CNV	BBDE41654CNV
	20A	BBDE42034CNV	BBDE42044CNV	BBDE42054CNV
	25A	BBDE42534CNV	BBDE42544CNV	BBDE42554CNV
	32A	BBDE43234CNV	BBDE43244CNV	BBDE43254CNV
	40A	BBDE44034CNV	BBDE44044CNV	BBDE44054CNV
	50A	BBDE45034CNV	BBDE45044CNV	BBDE45054CNV
	63A	BBDE46334CNV	BBDE46344CNV	BBDE46354CNV
Điện áp định mức *Rated voltage*		AC415V 6kA		
Điện áp định mức (Phạm vi điện áp ứng dụng) *(Application voltage range)*		332V-456V		
Dòng rò có tác động (mA) *Rated residual operating current (mA)*		30mA	100mA	300mA
Dòng rò không tác động (mA) *Rated residual non-operating current (mA)*		15mA	50mA	150mA
Cân nặng/ *Weight*		6A-32A 0.63kg 40A-63A 0.75kg		

Dòng sản phẩm RCBO BDE-63R theo các tiêu chuẩn IEC 61009-1
RCBO BDE-63R conform to the IEC 61009-1 standards

•RCBO (BDE-63R)

Đơn vị/ *Unit*: mm

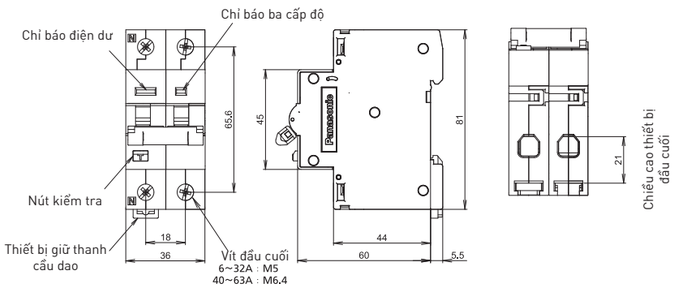

Đường cong đặc tính vận hành (Nhiệt độ môi trường 30°C) (6A~63A)

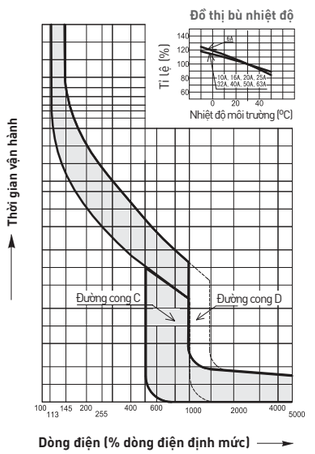

Sơ Đồ Kích Thước

•RCBO (BDE-63R)

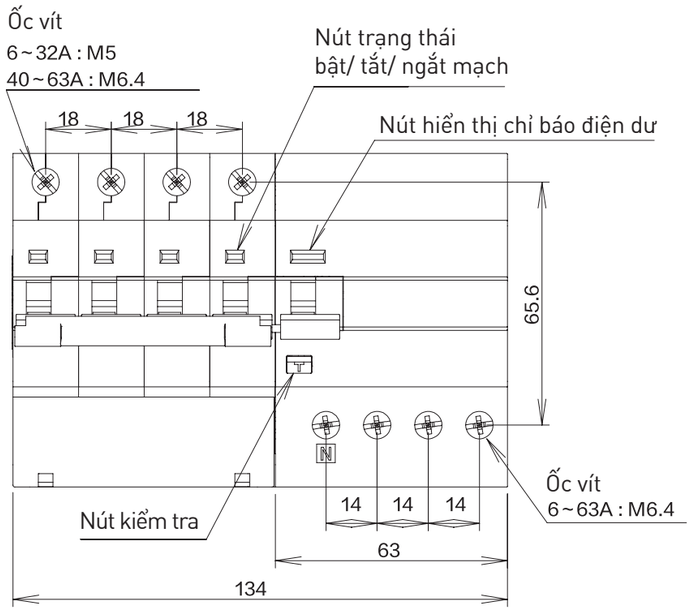

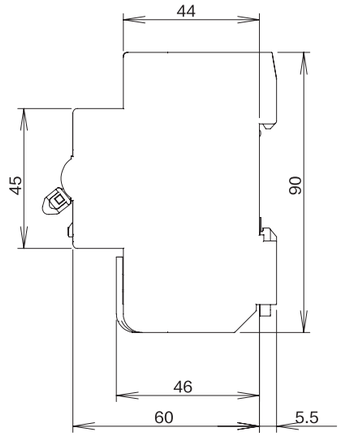

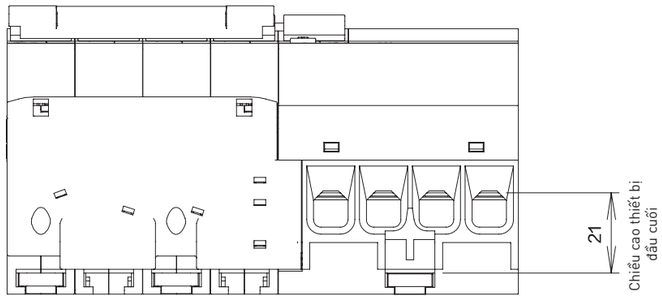

Đường cong đặc tính vận hành (Nhiệt độ môi trường 30°C) (6A~63A)

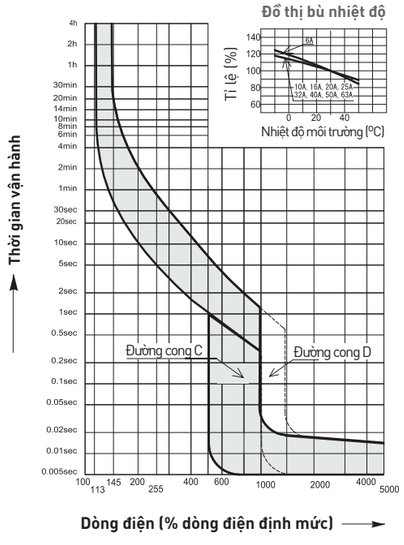

Cầu Dao RCCB

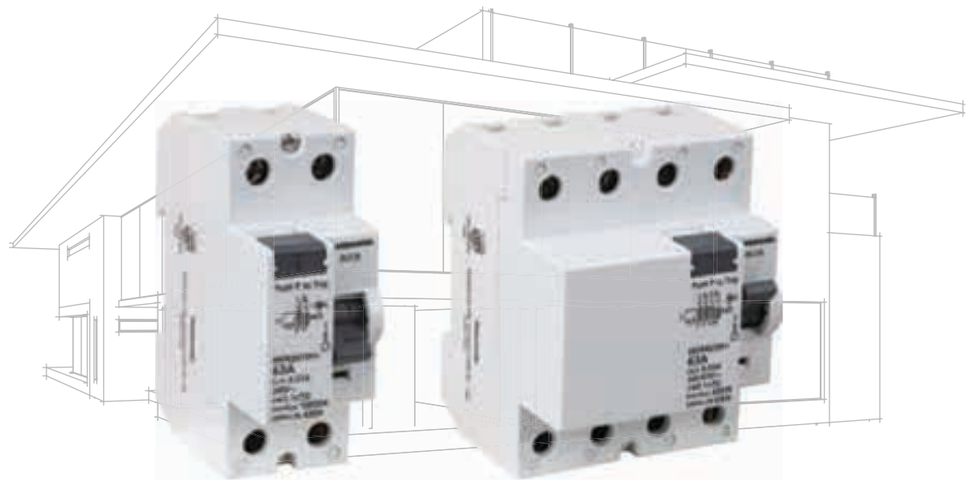

Số cực/ *Number of Poles*	2P			4P		
Điện áp định mức (AC)/ *Rated voltage (AC)*	AC240V			AC240/415V		
Dòng điện định mức (A)/ *Rated current (A)*						
25A	BBDR22530HV	BBDR22540HV	-	BBDR42530HV	BBDR42540HV	-
32A	BBDR23230HV	BBDR23240HV	-	BBDR43230HV	BBDR43240HV	-
40A	BBDR24030HV	BBDR24040HV	BBDR24050HV	BBDR44030HV	BBDR44040HV	BBDR44050HV
63A	BBDR26330HV	BBDR26340HV	BBDR26350HV	BBDR46330HV	BBDR46340HV	BBDR46350HV
Dòng rò có tác động (mA)/ *Residual operating current (mA)*	30mA	100mA	300mA	30mA	100mA	300mA
Dòng rò không tác động (mA)/ *Residual non-operating current (mA)*	15mA	50mA	150mA	15mA	50mA	150mA
Nhiệt độ môi trường/ *Ambient temperature*	-10°C to +60°C					

Dòng sản phẩm RCCB theo các tiêu chuẩn IEC61008-1.
RCCB conform to the IEC61008-1 standards.

Đơn vị/ *Unit*: mm

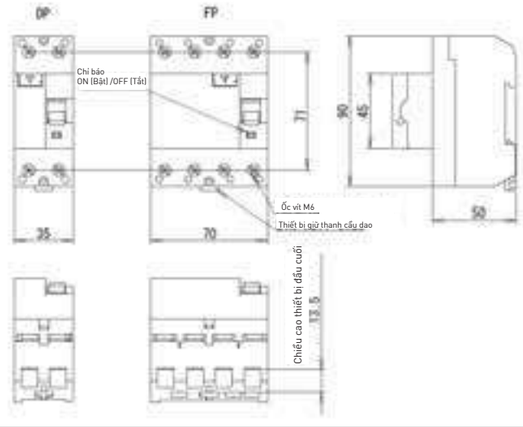

DÒNG SẢN PHẨM MCCB

tiêu chuẩn IEC

BC – 100W

BC – 250W

Cầu Dao MCCB

Dòng/ *Type*	BC-100W		BC-250W		
Tiêu chuẩn *Reference standard*	 **IEC 60947-2**		 **IEC 60947-2**		
Số cực *No. of poles*	3P		3P		
Dòng điện định mức (A) *Rated current (A)*	63A	100A	150A	200A	250A
	BBC3601YHV	BBC3100YHV	BBC31502YHV	BBC32001YHV	BBC3250YHV
Loại *Type*	Loại A/*A type*				
Thông số dòng điện/ *Current specifications*					
Dòng điện vận hành tối đa *Max. Rated operational voltage*	AC 690V				
Điện áp định mức *Rated insulation voltage*	690V				
Điện áp chịu xung *Rated Impulse withstand voltage*	6kV		8kV		
Dòng cắt Icu *Rated ultimate S.C. breaking capacity @AC 415 (Icu)*	10kA		25kA		
Dòng cắt Ics *Service short circuit breaking capacity @AC 415V (Ics)*	5kA		19kA		
Đóng cắt/ *Protection*					
Phương pháp đóng cắt *Protection method*	Dạng từ/ *FIXED thermal magnetic*				
Kích thước/ *Dimension*					
Rộng x Cao x Sâu (mm) *Width x High x Depth*	75 x 130 x 68		105 x 165 x 68		
Tính năng đặc biệt/ *Special feature*					
Khả năng đảo ngược dòng tải *Line load reversibility*	Có/ *Yes*				
Nhiệt độ hiệu chuẩn *Calibration temperature*	40°C				

Sơ Đồ Kích Thước

• BC-100W

Đơn vị/ *Unit:* mm

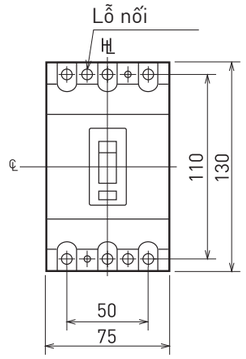

Chuẩn bị dây dẫn

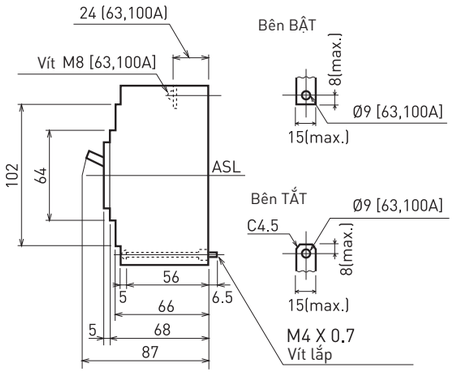

Mũi khoan (phía trước)

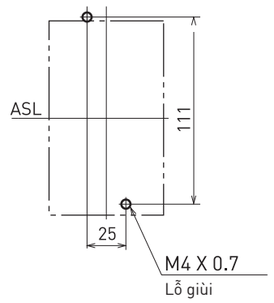

Thời gian/ Đặc tính hiện tại

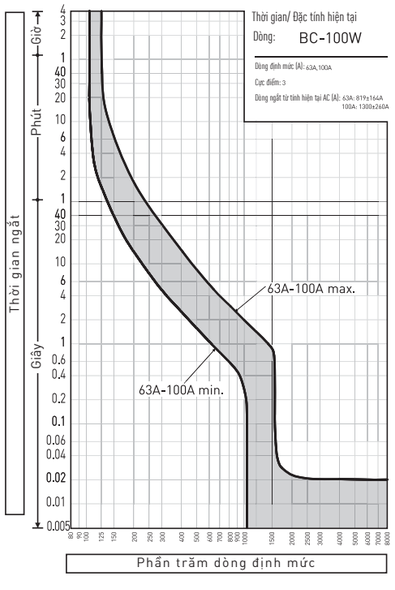

Đồ thị bù theo môi trường xung quanh

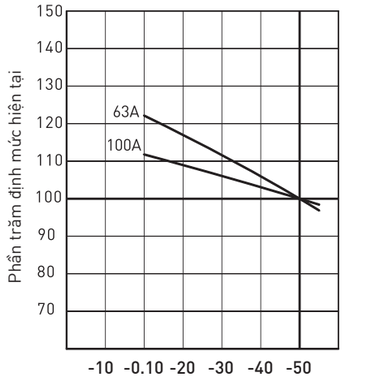

Sơ Đồ Kích Thước

• BC-250W

Đơn vị/ *Unit:* mm

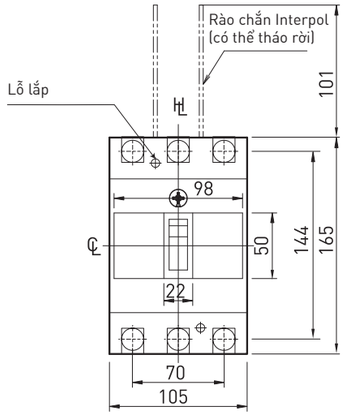

Chuẩn bị dây dẫn

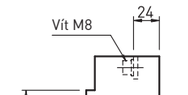

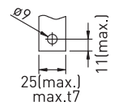

Mũi khoan (phía trước)

Lưu ý: Đối với những thanh nối, có thể dùng thanh thẳng hoặc thanh trái.

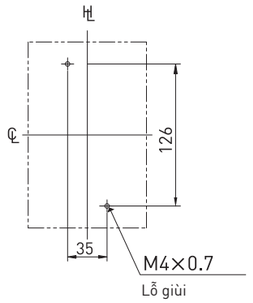

Thời gian/ Đặc tính hiện tại

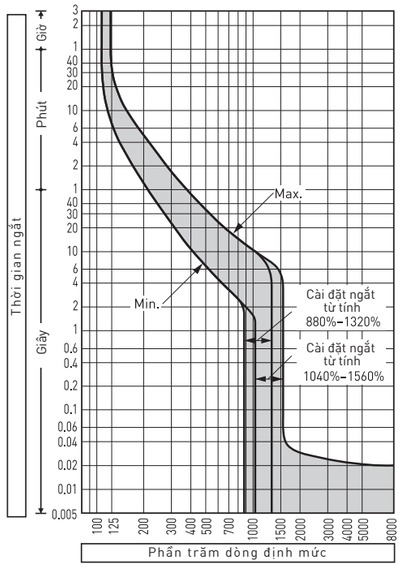

Đồ thị bù theo môi trường xung quanh

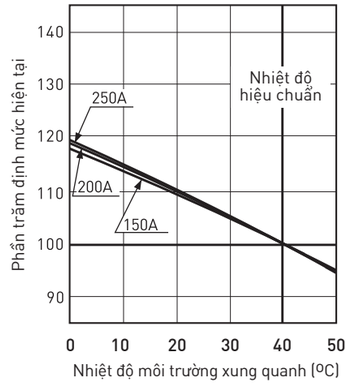

DÒNG SẢN PHẨM
MCCB 400 – 800AF

Dòng/ *Type*	BC-400W			BC-630W			BC-800W	
Tiêu chuẩn *Reference standard*	 IEC60947-2							
Số cực *No. of poles*	3P/4P			3P/4P			3P/4P	
Dòng điện định mức (A) *Rated current (A)*	300A	350A	400A	500A	600A	630A	700A	800A
3P	BBC3300YHV	BBC3350YHV	BBC3400YHV	BBC3500YHV	BBC3600YHV	BBC3630YHV	BBC3700YHV	BBC3800YHV
4P	BBC4300YHV	BBC4350YHV	BBC4400YHV	BBC4500YHV	BBC4600YHV	BBC4630YHV	BBC4700YHV	BBC4800YHV
Cấp độ sử dụng *Utilization category*	Loại A/*A type*							
Thông số dòng điện/ *Current specifications*								
Dòng điện vận hành tối đa *Max. Rated operational voltage*	AC 690V							
Điện áp định mức *Rated insulation voltage*	690V							
Điện áp chịu xung *Rated Impulse withstand voltage*	8kV							
Dòng cắt Icu *Rated ultimate S.C. breaking capacity @AC 415 (Icu)*	36kA							
Dòng cắt Ics *Service short circuit breaking capacity @AC 415V (Ics)*	36kA							
Đóng cắt/ *Protection*								
Phương pháp đóng cắt *Protection method*	Nhiệt (cố định) - Từ (có thể điều chỉnh) *Thermal (fixed) - Magnetic (adjustable)*							
Kích thước/ *Dimension*								
Rộng x Cao x Sâu (mm) *Width x High x Depth*	3P 140 x 260 x 103 4P 185 x 260 x 103			3P 210 x 273 x 103 4P 280 x 273 x 103				
Tính năng đặc biệt/ *Special feature*								
Khả năng đảo ngược dòng tải *Line load reversibility*	Có/ *Yes*							
Nhiệt độ hiệu chuẩn *Calibration temperature*	40°C							

Thông số kỹ thuật MCCB 400AF

Front-connected

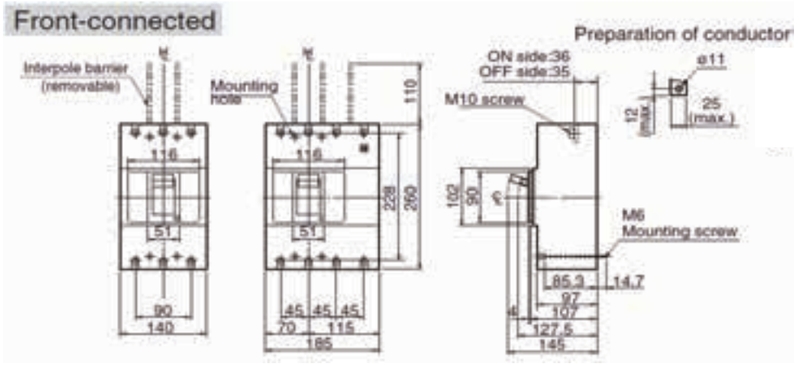

With extension bars

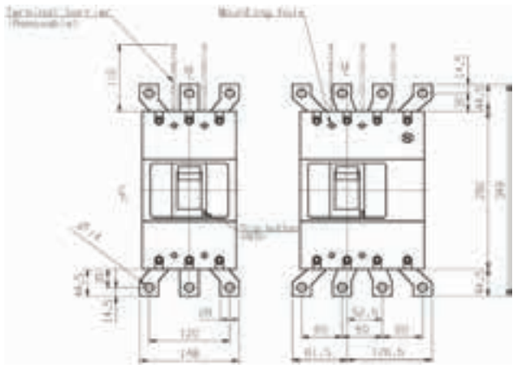

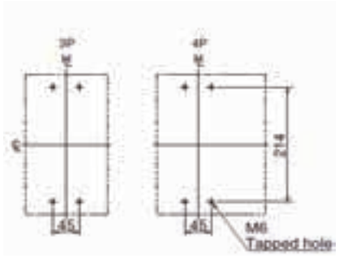

Drilling plan (front view)

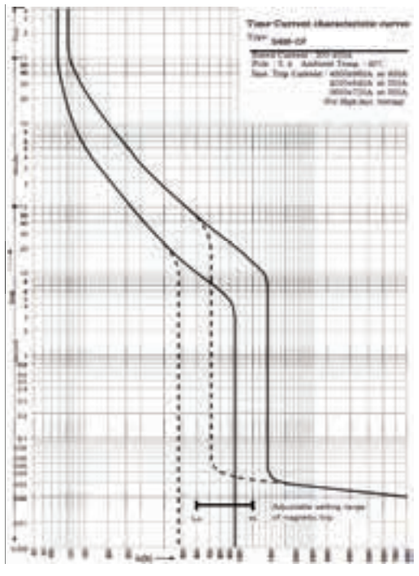

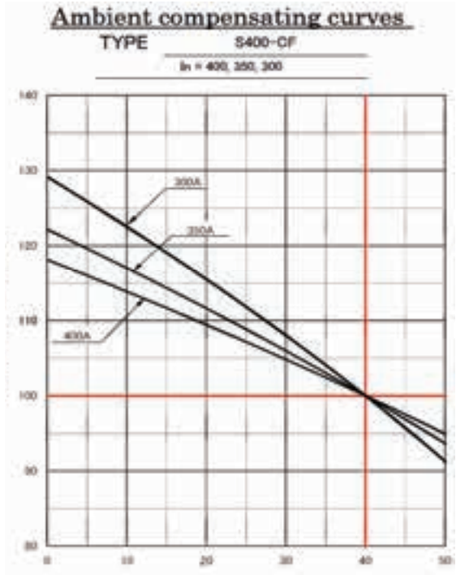

Thông số kỹ thuật MCCB 630AF

Front-connected

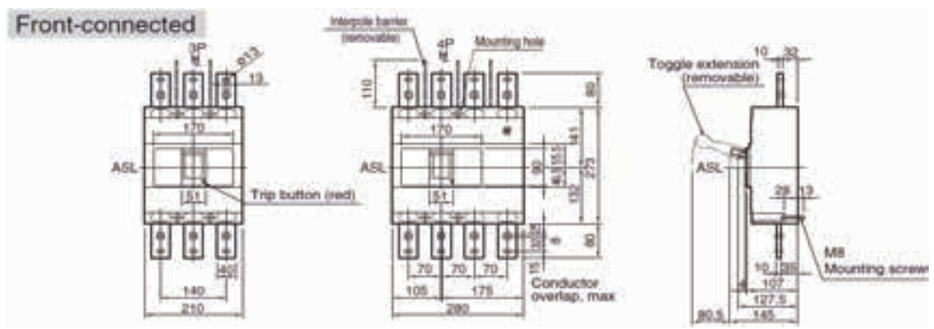

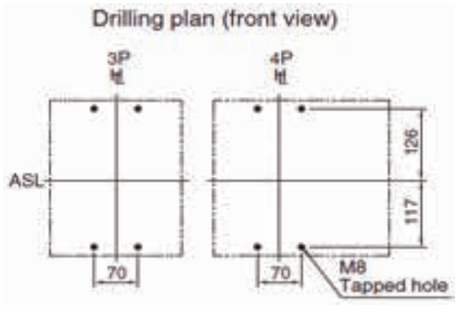

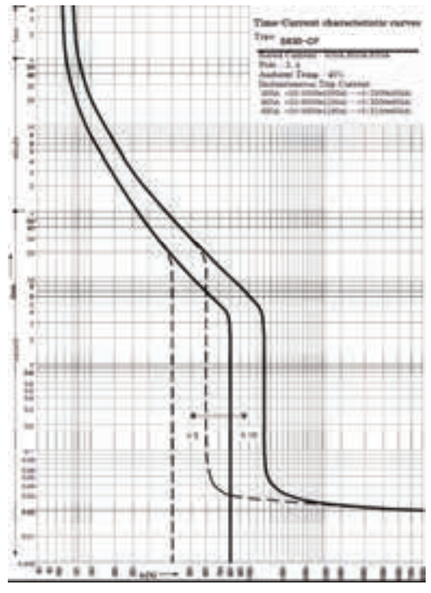

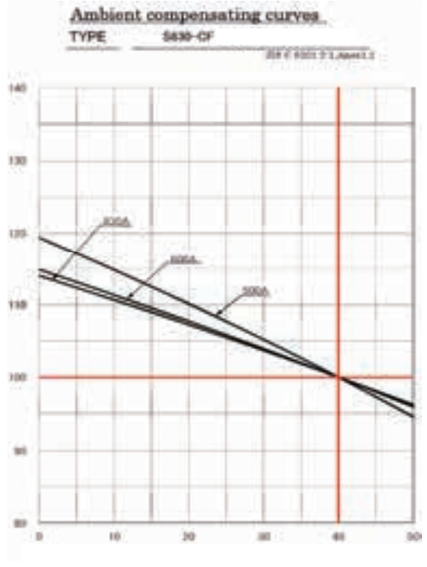

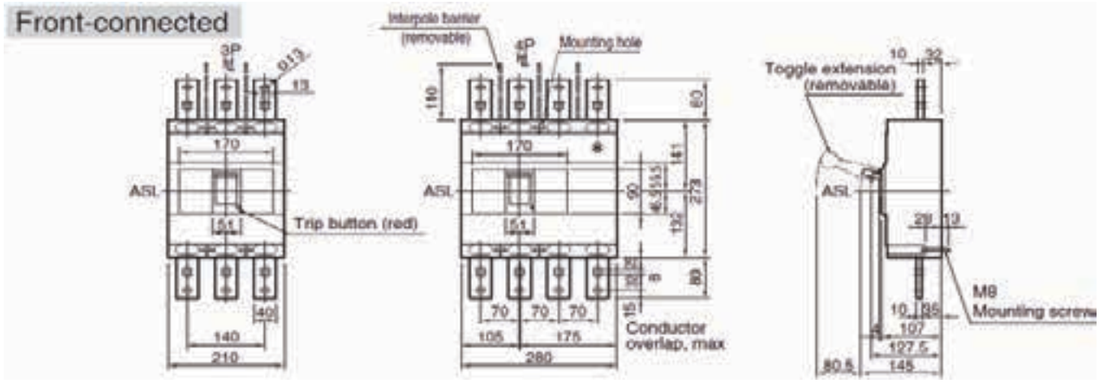

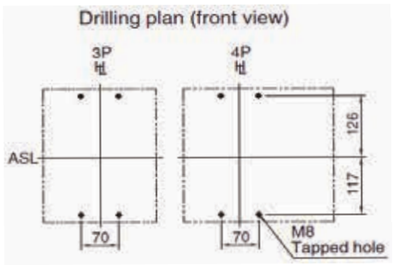

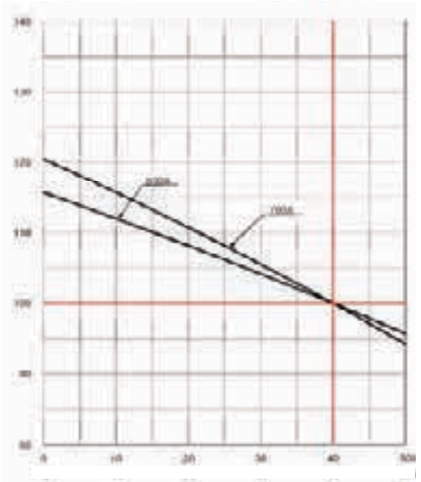

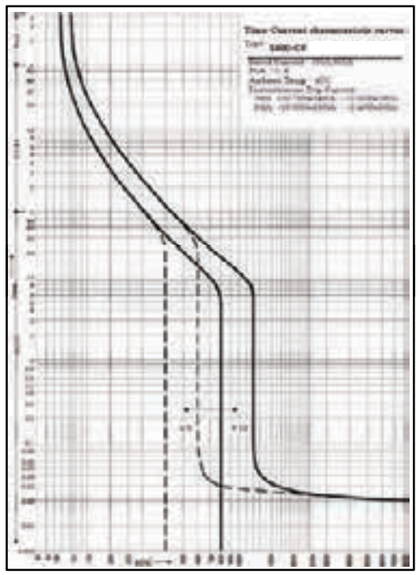

DÒNG SẢN PHẨM
MCCB / ELB GD

Molded Case Circuit Breakers
BBW Type

Earth Leakage Breakers
BKW Type

Cầu Dao MCCB GD Breaker - BBW (Tiêu Chuẩn JIS)

Kích cỡ khung/ *Frame Size*			30AF			
Loại/ *Type*			BBW-30		BBW-30C	
Thiết kế/ *Appearance*					Cầu dao gắn trên thanh ray *DIN rail mounrable*	
Số cực/ *Number of Poles*			2P	3P	2P	3P
Cat. và dòng điện định mức (A) (Nhiệt độ phòng ước tính 40°C) *Cat. No. & Rated current (A) (Nominal ambient temperature 40°C)*		3A	BBW23Y	BBW33Y	BBW23CKY	BBW33CKY
		5A	BBW25Y	BBW35Y	BBW25CKY	BBW35CKY
		10A	BBW210Y	BBW310Y	BBW210CKY	BBW310CKY
		15A	BBW215Y	BBW315Y	BBW215CKY	BBW315CKY
		20A	BBW220Y	BBW320Y	BBW220CKY	BBW320CKY
		30A	BBW230Y	BBW330Y	BBW230CKY	BBW330CKY
Điện áp cách điện định mức (V) *Rated insulation voltage (V)*	AC		500V		500V	
Công suất ngắt định mức (sym) *Rated interrupting capacity (sym)*	AC	415V	1.5kA		1.5kA	
		200V	2.5kA		2.5kA	
		100V	2.5kA		2.5kA	
Kích thước *Dimensions* 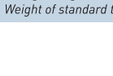	a		47	70	50	75
	b		96		96	
	c		52		60	
	ca		67.6		75.6	
Trọng lượng tiêu chuẩn *Weight of standard type*			0.3kg	0.4kg	0.3kg	0.4kg

Kích cỡ khung/ *Frame Size*			50AF			
Loại/ *Type*			BBW-50		BBW-50S	
Thiết kế/ *Appearance*					Cầu dao gắn trên thanh ray *DIN rail mounrable*	
Số cực/ *Number of Poles*			2P	3P	2P	3P
Cat. và dòng điện định mức (A) (Nhiệt độ phòng ước tính 40°C) *Cat. No. & Rated current (A) (Nominal ambient temperature 40°C)*		20A	BBW2201Y	BBW3201Y	5A BBW251SKY	BBW351SKY
		30A	BBW2301Y	BBW3301Y	10A BBW2101SKY	BBW3101SKY
		40A	BBW240Y	BBW340Y	15A BBW2151SKY	BBW3151SKY
		50A	BBW250Y	BBW350Y	20A BBW2201SKY	BBW3201SKY
					30A BBW2301SKY	BBW3301SKY
					40A BBW240SKY	BBW340SKY
					50A BBW250SKY	BBW350SKY
Điện áp cách điện định mức (V) *Rated insulation voltage (V)*	AC		500V		500V	
Công suất ngắt định mức (sym) *Rated interrupting capacity (sym)*	AC	415V	1.5kA		2.5kA	
		200V	2.5kA		10kA	
		100V	2.5kA		10kA	
Kích thước *Dimensions*	a		47	70	50	75
	b		96		96	
	c		52		60	
	ca		67.6		75.6	
Trọng lượng tiêu chuẩn *Weight of standard type*			0.3kg	0.4kg	0.3kg	0.4kg

Cầu Dao MCCB GD Breaker - BBW (Tiêu Chuẩn JIS)

Kích cỡ khung/ *Frame Size*			60AF			
Loại/ *Type*			BBW-60		BBW-60S	
Thiết kế/ *Appearance*					Cầu dao gắn trên thanh ray *DIN rail mounrable*	
Số cực/ *Number of Poles*			2P	3P	2P	3P
Cat. và dòng điện định mức (A) (Nhiệt độ phòng ước tính 40°C) *Cat. No. & Rated current (A) (Nominal ambient temperature 40°C)*		3A	BBW232Y	BBW332Y	60A BBW260SKY	BBW360SKY
		5A	BBW252Y	BBW352Y		
		10A	BBW2102Y	BBW3102Y		
		15A	BBW2152Y	BBW3152Y		
		20A	BBW2202Y	BBW3202Y		
		30A	BBW2302Y	BBW3302Y		
		40A	BBW2401Y	BBW3401Y		
		50A	BBW2501Y	BBW3501Y		
		60A	BBW260Y	BBW360Y		
Điện áp cách điện định mức (V) *Rated insulation voltage (V)*	AC		500V		500V	
Công suất ngắt định mức (sym) *Rated interrupting capacity (sym)*	AC	415V	2.5kA		2.5kA	
		200V	5kA		10kA	
		100V	5kA		10kA	
Kích thước *Dimensions*	a		47	70	50	75
	b		96		96	
	c		52		60	
	ca		67.6		75.6	
Trọng lượng tiêu chuẩn *Weight of standard type*			0.3kg	0.4kg	0.3kg	0.4kg

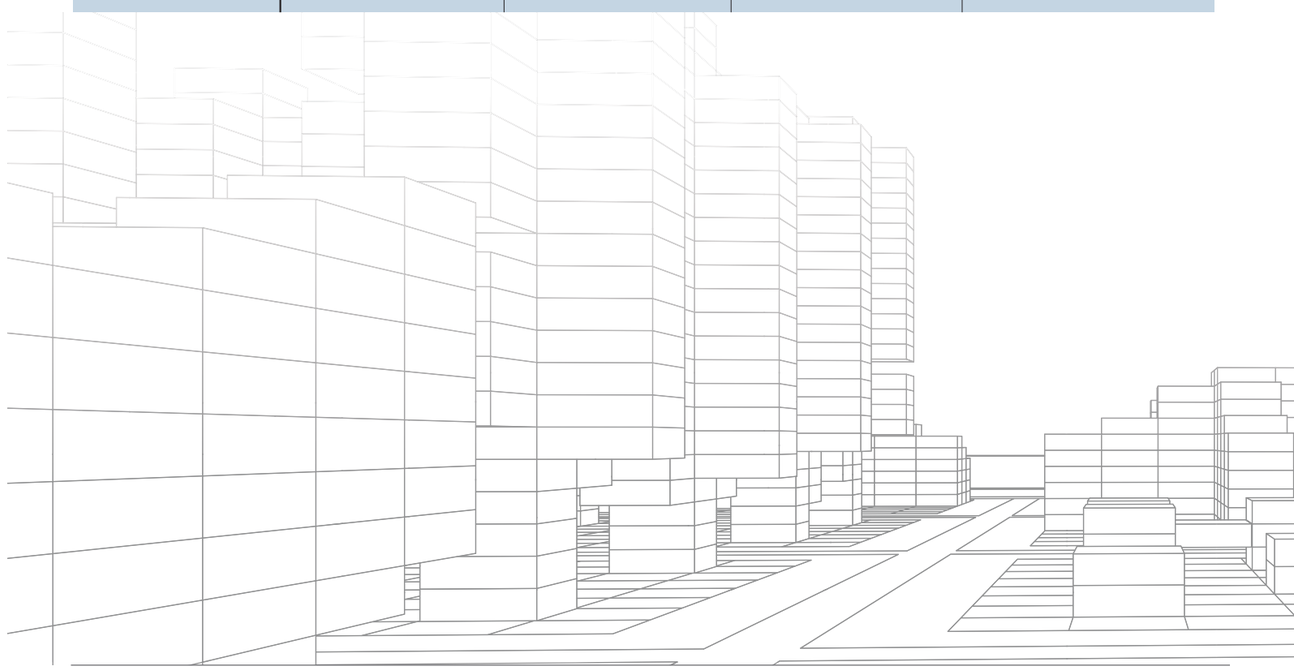

Cầu Dao MCCB GD Breaker - BBW (Tiêu Chuẩn JIS)

Kích cỡ khung/ *Frame Size*			100AF		400AF		
Loại/ *Type*			BBW-100		BBW-400		
Thiết kế/ *Appearance*			Cầu dao gắn trên thanh ray *DIN rail mounrable*				
Số cực/ *Number of Poles*			2P	3P	2P		3P
Cat. và dòng điện định mức (A) (Nhiệt độ phòng ước tính 40°C) *Cat. No. & Rated current (A) (Nominal ambient temperature 40°C)*		20A	BBW2203KY	BBW3203KY	250A	BBW22501KY	BBW32501KY
		30A	BBW2303KY	BBW3303KY	300A	BBW23001KY	BBW33001KY
		40A	BBW2402KY	BBW3402KY	350A	BBW2350KY	BBW3350KY
		50A	BBW2502KY	BBW3502KY	400A	BBW2400KY	BBW3400KY
		60A	BBW2601KY	BBW3601KY			
		75A	BBW275KY	BBW375KY			
		100A	BBW2100KY	BBW3100KY			
Điện áp cách điện định mức (V) *Rated insulation voltage (V)*	AC		500V		600V		
Công suất ngắt định mức (sym) *Rated interrupting capacity (sym)*	AC	415V	5kA		25kA		
		200V	25kA		50kA		
		100V	25kA		50kA		
Kích thước *Dimensions*	a		75		140(148)		
	b		96		260(349)		
	c		60		103		
	ca		75.6		135		
Trọng lượng tiêu chuẩn *Weight of standard type*			0.5kg	0.5kg	4.0kg		4.6kg

Lưu ý 1: Lắp đặt cầu dao dòng BBW-30, BBW-30C, BB2-50, BB2-50S, BBW-60, BBW-60S, BBW-100 trong phạm vi ± 10° của góc vuông.

Note 1: Install breakers with BBW-30, BBW-30C, BBW-50, BBW-50S, BBW-60, BBW-60S, BBW-100 within ±10° of perpendicular.

Lưu ý 2: Khi sử dụng cầu dao 3 cực với hệ thống điện 1 pha 3 dây, tính năng bảo vệ pha hở của dây dẫn trung tính sẽ bị vô hiệu.

Note 2: When using 3-poles breaker for 1Ø3W, neutral conductor cannot have open-phase protection.

Lưu ý 3: Vui lòng chọn dây dẫn phù hợp với dòng điện định mức.

Note 3: Please select conformed wire which suit to rated current.

Lưu ý 4: Kích thước trong ( ) bao gồm các thiết bị đầu cuối.

Note 4: Dimensions with ( ) is the measurement including bar terminal.

Cầu Dao ELB GD Breaker - BKW (Tiêu Chuẩn JIS)

Kích cỡ khung/ *Frame Size*			30AF				
Loại/ *Type*			BKW-30			BKW-30C	
Thiết kế/ *Appearance*					Cầu dao gắn trên thanh ray *DIN rail mounrable*		
Số cực/ *Number of Poles*			2P	3P		2P	3P
Cat. và dòng điện định mức (A) (Nhiệt độ phòng ước tính 40°C) *Cat. No. & Rated current (A) (Nominal ambient temperature 40°C)*		3A	BKW23□Y	BKW33□Y	5A	BKW25□CKY	BKW35□CKY
		5A	BKW25□Y	BKW35□Y	10A	BKW210□CKY	BKW310□CKY
		10A	BKW210□Y	BKW310□Y	15A	BKW215□CKY	BKW315□CKY
		15A	BKW215□Y	BKW315□Y	20A	BKW220□CKY	BKW320□CKY
		20A	BKW220□Y	BKW320□Y	30A	BKW230□CKY	BKW330□CKY
		30A	BKW230□Y	BKW330□Y			
Điện áp định mức/ *Rated voltage (AC V)*			100-200V Sử dụng kép/ *Dual use*				
Tốc độ cao *High speed type*	Độ nhạy dòng điện định mức (mA) *Rated sensitivity current (mA)*		15,30mA		15,30mA		15,30,100 mA
	Thời gian cắt (giây) *Operating time (sec.)*		0.1 giây/sec				
Phương pháp thể hiện rò rỉ điện *Leakage indication method*			Nút cơ/ *Mechanical button*				
Công suất ngắt định mức (sym) *Rated Interrupting capacity (sym)*	AC	415V	–				
		200V	2.5kA				
		100V	2.5kA				
Kích thước/ *Dimensions*	a		70		50		75
	b		96		96		
	c		52		60		
	ca		67.6		75.6		
Trọng lượng tiêu chuẩn/ *Weight of standard type*			0.4kg	0.5kg	0.4kg		0.5kg

■ Cat. No □ Phụ thuộc vào độ nhạy của dòng điện/ Depends on the sensitivity current

2:15mA 3:30mA 4:100mA 9:100-200-500mA

Cầu Dao ELB GD Breaker - BKW (Tiêu Chuẩn JIS)

Kích cỡ khung/ *Frame Size*			50AF					
Loại/ *Type*			BKW-50		BKW-50C			
Thiết kế/ *Appearance*					Cầu dao gắn trên thanh ray *DIN rail mounrable*			
Pha và kích thước dây *Phase and wiring configuration*			1Ø2W	3Ø3W 1Ø3W		1Ø2W		3Ø3W 1Ø3W
Số cực/ *Number of Poles*			2P	3P		2P		3P
Cat. và dòng điện định mức (A) (Nhiệt độ phòng ước tính 40°C) *Cat. No. & Rated current (A) (Nominal ambient temperature 40°C)*			20A BKW220☐1Y 30A BKW230☐1Y 40A BKW240☐Y 50A BKW250☐Y	BKW320☐1Y BKW330☐1Y BKW340☐Y BKW350☐Y		15A BKW215☐1CKY 20A BKW220☐1CKY 30A BKW230☐CKY 40A BKW240☐CKY 50A BKW250☐CKY		BKW315☐1CKY BKW320☐1CKY BKW330☐CKY BKW340☐CKY BKW350☐CKY
Điện áp định mức/ *Rated voltage (AC V)*			100-200V Sử dụng kép/ *Dual use*					
Tốc độ cao *High speed type*	Độ nhạy dòng điện định mức (mA) *Rated sensitivity current (mA)*		15mA (dưới 30A), 30,100mA (trên 40A)			15,30mA		
	Thời gian cắt (giây) *Operating time (sec.)*		0.1 giây/sec			0.1giây/sec		
Phương pháp thể hiện rò rỉ điện *Leakage indication method*			Nút co/ *Mechanical button*					
Công suất ngắt định mức (sym) *Rated Interrupting capacity (sym)*	AC	415V	—			—		
		200V	2.5kA			2.5kA		
		100V	2.5kA			2.5kA		
Kích thước/ *Dimensions*	a		70			50		75
	b		96			96		
	c		52			60		
	ca		67.6			75.6		
Trọng lượng tiêu chuẩn/ *Weight of standard type*			0.4 kg	0.5 kg		0.4 kg		0.5 kg

■ Phạm vi sử dụng điện áp định mức
Rated voltage applicable range

Điện áp định mức/ *Rated voltage*	Phạm vi sử dụng điện áp / *Applicable voltage range*
100–200V Sử dụng kép/ *Dual use*	80-242V

■ Cat. No. ☐ Phụ thuộc vào độ nhạy của dòng điện/ *Depends on the sensitivity current*
2:15mA 3:30mA 4:100mA 9:100-200-500mA Chuyển điện/ *Switchover*

Cầu Dao MCCB GD Breaker - BKW (Tiêu Chuẩn JIS)

Kích cỡ khung/ *Frame Size*			50AF				60AF					
Loại/ *Type*			BKW-50S				BKW-60			BKW-60S		
Thiết kế/ *Appearance*			Cầu dao gắn trên thanh ray *DIN rail mounrable*							Cầu dao gắn trên thanh ray *DIN rail mounrable*		
Pha và kích thước dây *Phase and wiring configuration*			1Ø2W	3Ø3W 1Ø3W			1Ø2W	3Ø3W 1Ø3W		1Ø2W	3Ø3W 1Ø3W	
Số cực/ *Number of Poles*			2P	3P			2P	3P		2P	3P	
Cat. và dòng điện định mức (A) (Nhiệt độ phòng ước tính 40°C) *Cat. No. & Rated current (A) (Nominal ambient temperature 40°C)*			15A BKW215☐1SKY 20A BKW220☐1SKY 30A BKW230☐1SKY 40A BKW240☐SKY 50A BKW250☐SKY	BKW315☐1SKY BKW320☐1SKY BKW330☐1SKY BKW340☐SKY BKW350☐SKY			15A BKW215☐Y 20A BKW220☐Y 30A BKW230☐Y 40A BKW240☐Y 50A BKW250☐Y 60A BKW260☐Y	BKW315☐Y BKW320☐Y BKW330☐Y BKW340☐Y BKW350☐Y BKW360☐Y		60A BKW260☐SKY	BKW360☐SKY	
Điện áp định mức/ *Rated voltage (AC V)*			100-200V Sử dụng kép/ *Dual use*									
Tốc độ cao *High speed type*	Độ nhạy dòng điện định mức (mA) *Rated sensitivity current (mA)*		15,30,100mA				15mA (dưới 30A), 30,100mA (trên 40A)			30,100 mA		
	Thời gian cắt (giây) *Operating time (sec.)*		0.1 giây/*sec*									
Phương pháp thể hiện rò rỉ điện *Leakage indication method*			Nút co/*Mechanical button*									
Công suất ngắt định mức (sym) *Rated Interrupting capacity (sym)*	AC	415V	—				—			—		
		200V	10kA				5kA			10kA		
		100V	10kA				5kA			10kA		
Kích thước/ *Dimensions*	a		50	75			70			50	75	
	b		96				96			96		
	c		60				52			60		
	ca		75.6				67.6			75.6		
Trọng lượng tiêu chuẩn/ *Weight of standard type*			0.4kg	0.5kg			0.4kg	0.5kg		0.4kg	0.5kg	

Kích cỡ khung/ *Frame Size*			100AF			400AF	
Loại/ *Type*			BKW-100			BKW-400	
Thiết kế/ *Appearance*			Cầu dao gắn trên thanh ray *DIN rail mounrable*				
Pha và kích thước dây *Phase and wiring configuration*			1Ø2W	3Ø3W 1Ø3W		3Ø3W 1Ø3W	
Số cực/ *Number of Poles*			2P	3P		3P	
Cat. và dòng điện định mức (A) (Nhiệt độ phòng ước tính 40°C) *Cat. No. & Rated current (A) (Nominal ambient temperature 40°C)*			60A BKW260☐1KY 75A BKW275☐KY 100A BKW2100☐KY	BKW360☐1KY BKW375☐KY BKW3100☐KY		250A BKW3250☐1KY 300A BKW3300☐1KY 350A BKW3350☐KY 400A BKW3400☐KY	
Điện áp định mức/ *Rated voltage (AC V)*			100-200V Sử dụng kép/ *Dual use*			100-200-415V Sử dụng kép/ *Dual use*	
Tốc độ cao *High speed type*	Độ nhạy dòng điện định mức (mA) *Rated sensitivity current (ma)*		30mA			30, 100/200/500	
	Thời gian cắt (giây) *Operating time (sec.)*		0.1 giây/*sec*				
Phương pháp thể hiện rò rỉ điện *Leakage indication method*			Nút co/*Mechanical button*				
Công suất ngắt định mức (sym) *Rated interrupting capacity (sym)*	AC	415V	—			25kA	
		200V	25kA			50kA	
		100V	25kA			50kA	
Kích thước/ *Dimensions*	a		75			140 (148)	
	b		96			260 (349)	
	c		60			103	
	ca		75.6			135	
Trọng lượng tiêu chuẩn/ *Weight of standard type*			0.6kg	0.6kg		4.8kg	

Lưu ý/ *Note:*
1. Khi sử dụng cầu dao 3 cực với hệ thống điện 1 pha 3 dây, tính năng bảo vệ pha hở của dây dẫn trung tính sẽ bị vô hiệu.
2. Khi sử dụng mạch điều khiển tần số (biến tần), hãy nhớ lắp đặt cầu dao theo mặt chính của máy biến tần.
3. Cầu dao có thể được kết nối ngược. Tuy nhiên, không đảo ngược kết nối 400 khi sử dụng mạch điện 415V.
4. Lắp đặt BKW-30, BKW-30C, BKW-50, BKW-50C, BKW-50S, BKW-60, BKW-60S, trong phạm vi ± 10° của góc vuông.
5. Vui lòng chọn dây phù hợp với dòng điện tương ứng
6. Kích thước với ( ) bao gồm cả thanh đầu cuối.

1. *When using 3-pole breaker for 1Ø 3W configuration apply voltage to two end terminal. In this case neutral conductor cannot have open-phase protection.*
2. *When using on frequency control circuit (inverter) be sure to install breaker on primary side of inverter.*
3. *Breaker can be connected in reverse. However do not reverse connect 400 when used on a 415V circuit.*
4. *Install BKW-30, BKW-30C, BKW-50, BKW-50C, BKW-50S, BKW-60, BKW-60S within ±10° of perpendicular.*
5. *Please select conformed wire which suit to related current*
6. *Dimensions with ( ) is the measurement including bar terminal.*

Sơ Đồ Kích Thước

1. BBW-30, BBW-50, BBW-60, BKW-30, BKW-50, BKW-60

Đơn vị: mm

Loại kết nối phía trước

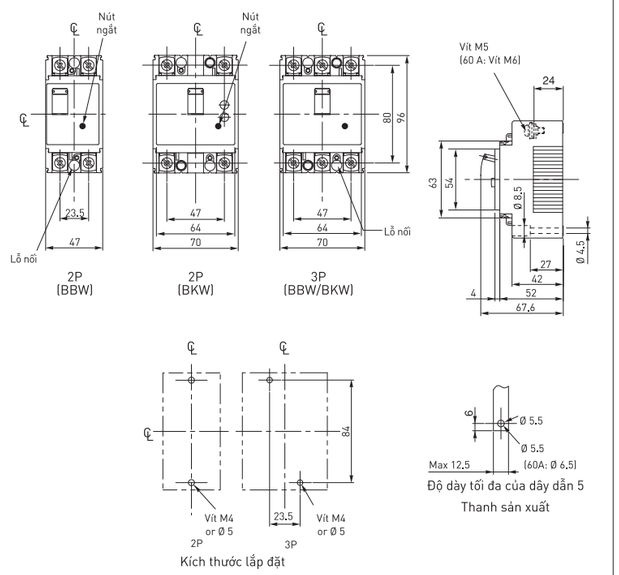

■ Đường cong đặc tính vận hành

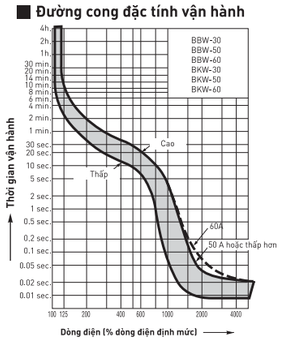

■ Đường cân bù nhiệt độ

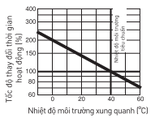

Lưu ý: Phương pháp được sử dụng để phát hiện quá tải là sử dụng điện từ, do đó đồ thị nhiệt độ sẽ tăng hoặc giảm so với thời gian dẫn điện, và sẽ không thay đổi trong dòng định mức.

Phụ kiện đi kèm tiêu chuẩn (loại kết nối trước)

Vít	Vít đầu tròn nhỏ M4 x 0.7 x 35

2. BBW-30C, BBW-50S, BBW-60S, BKW-30C, BKW-50C, BKW-50S, BKW-60S

Đơn vị: mm

Loại kết nối phía trước

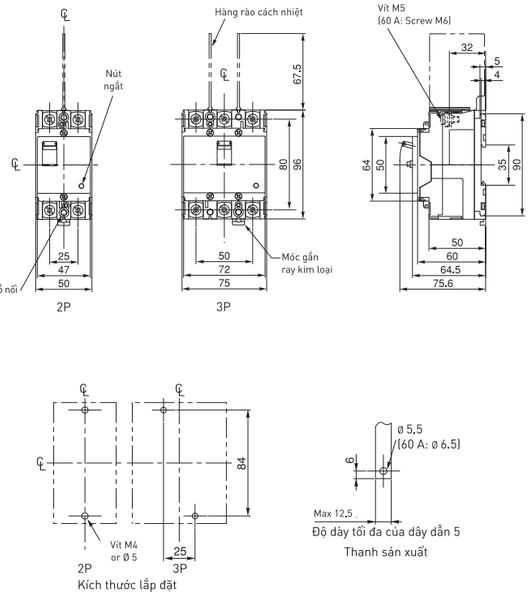

■ Đường cong đặc tính vận hành

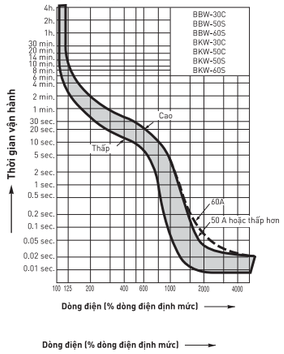

■ Đường cân bù nhiệt độ

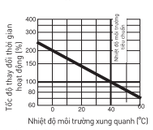

Lưu ý: Phương pháp được sử dụng để phát hiện quá tải là sử dụng điện từ, do đó đồ thị nhiệt độ sẽ tăng hoặc giảm so với thời gian dẫn điện, và sẽ không thay đổi trong dòng định mức.

Phụ kiện đi kèm tiêu chuẩn (loại kết nối trước)

Vít	Vít đầu tròn nhỏ M4 x 0,7 x 54
Hàng rào cách nhiệt	2 cực: 1, 3 cực: 2

Sơ Đồ Kích Thước

3. BBW-100, BKW-100

Đơn vị: mm

Loại kết nối phía trước

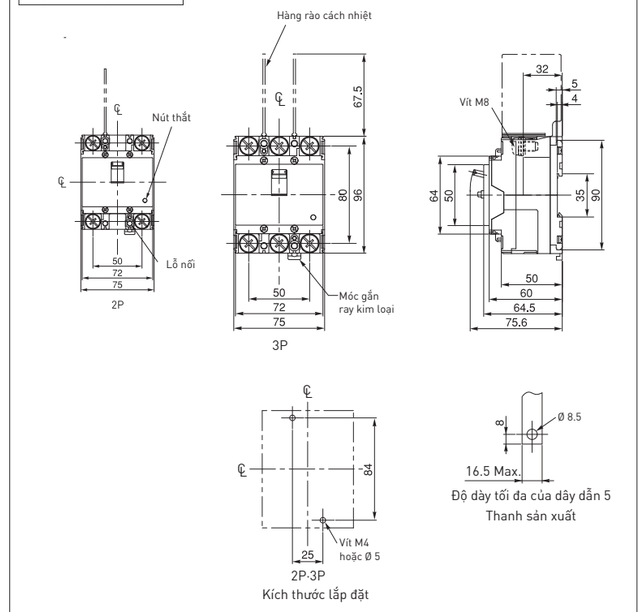

■ Đường cong đặc tính vận hành

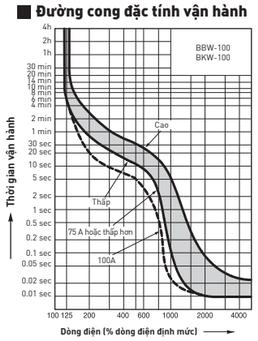

■ Đồ thị bù nhiệt độ

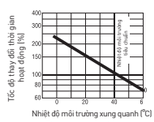

Lưu ý: Phương pháp được sử dụng để phát hiện quá tải là sử dụng điện từ, do đó đồ thị nhiệt độ sẽ tăng hoặc giảm so với thời gian dẫn điện, và sẽ không thay đổi trong dòng định mức.

Phụ kiện đi kèm tiêu chuẩn (loại kết nối trước)

Vít	Vít đầu tròn nhỏ M4 x 0.7 x 54
Hàng rào cách nhiệt	2 cực: 1, 3 cực: 2

4. BBW-400, BKW-400

Loại kết nối phía trước

Đơn vị: mm

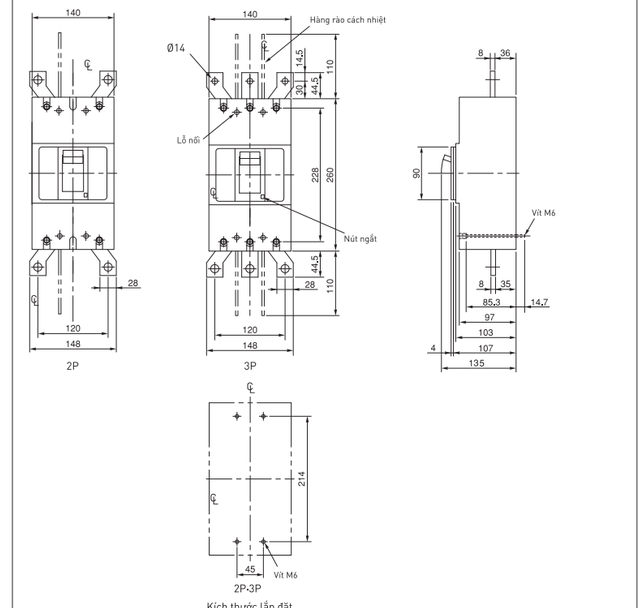

■ Đường cong đặc tính vận hành

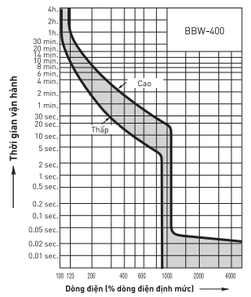

■ Đường cân bù nhiệt độ

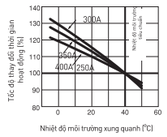

Phụ kiện đi kèm tiêu chuẩn (loại kết nối trước)

Vít	Vít đầu tròn nhỏ M6 x 1,0 x 100
Hàng rào cách nhiệt	2 pole: 2, 3 pole: 4

■ Đường cong đặc tính vận hành

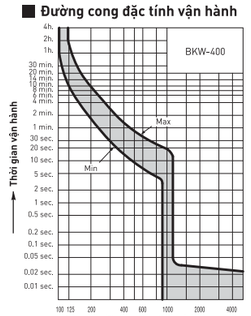

■ Đường cân bù nhiệt độ

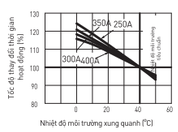

DÒNG SẢN PHẨM
TỦ ĐIỆN NẮP TRONG
từ Thổ Nhĩ Kỳ

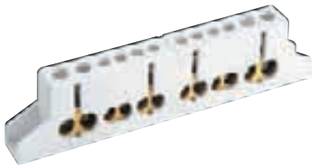

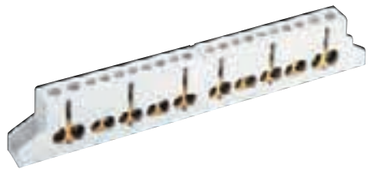

ĐẶC ĐIỂM:

- Phần nắp trong suốt, dễ dàng kiểm tra tình trạng thiết bị.
- Tính năng chống nước vượt trội đạt các tiêu chuẩn IP 40.
- Sản phẩm có tính chịu nhiệt tốt, lên đến 650°C.
- Đầu nối đất được trang bị lớp vỏ cách nhiệt.
- Tích hợp thước thuỷ cân bằng đơn giản giúp lắp đặt gọn gàng hơn (thước thuỷ cân bằng chỉ được tích hợp cho các tủ điện từ 16-36 đường).
- Hệ thống đóng mở chắc chắn giúp tăng tuổi thọ và bảo vệ thiết bị bên trong.

Loại Âm Tường *Flush Mounted Series*	Số Lượng Cầu Dao *Breaker Quantity*	Loại Gắn Nổi *Surface Mounted Series*	Số Lượng Cầu Dao *Breaker Quantity*
BQDT10211-VN	2	BQDT20211-VN	2
BQDT10411-VN	4	BQDT20411-VN	4
BQDT10611-VN	6	BQDT20611-VN	6
BQDT10811-VN	8	BQDT20811-VN	8
BQDT11211-VN	12	BQDT21211-VN	12
BQDT11611-VN	16	BQDT21611-VN	16
BQDT11811-VN	18	BQDT21811-VN	18
BQDT12411-VN	24	BQDT22411-VN	24
BQDT13611-VN	36	BQDT23611-VN	36

Kích thước Loại Gắn Nổi/ Dimensions of Surface Mounted Series

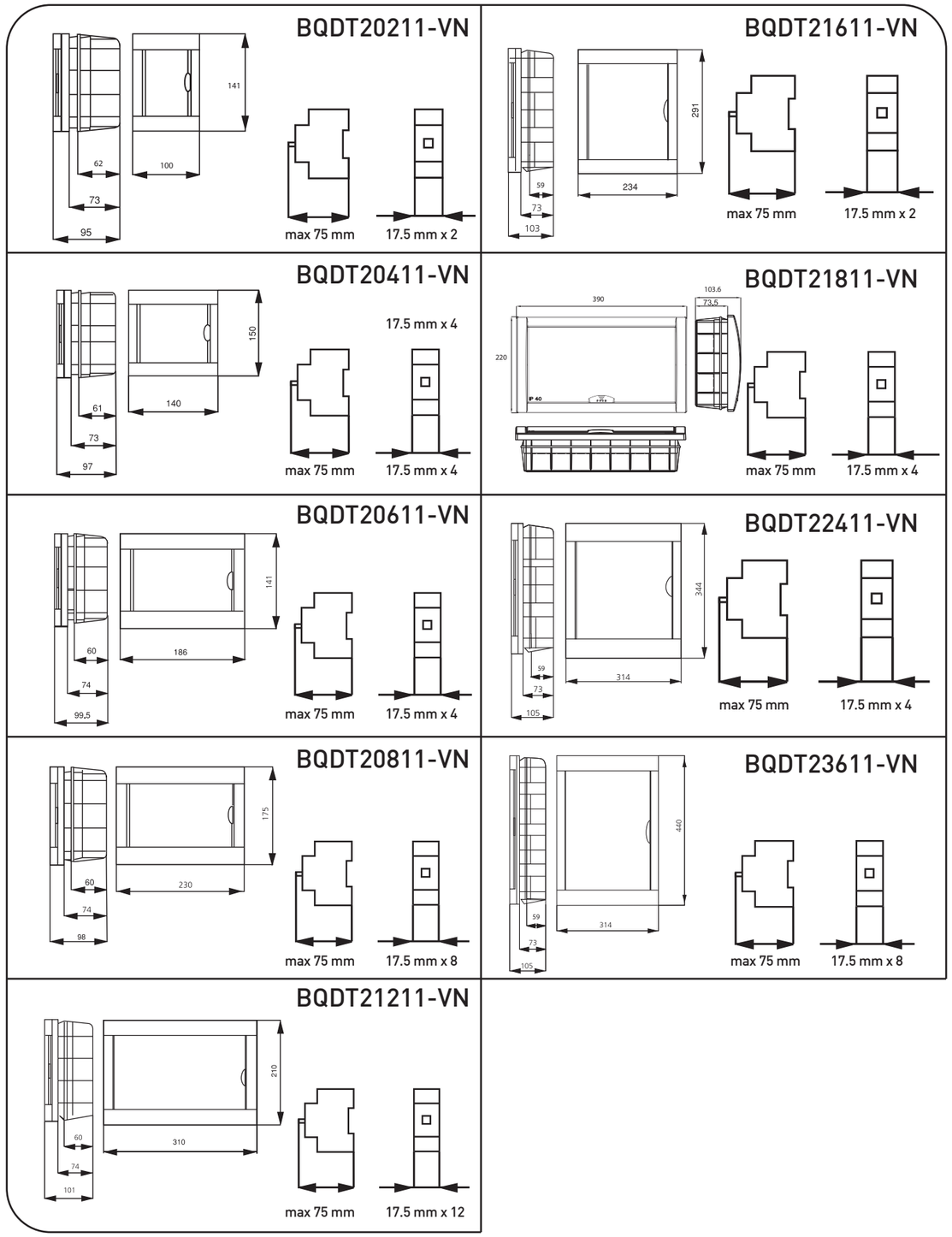

BQDT10211-VN

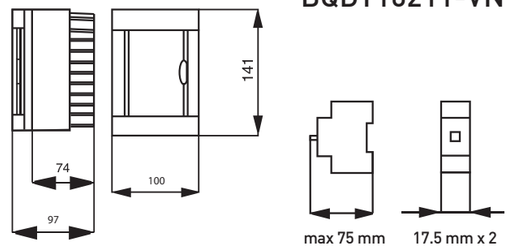

BQDT11611-VN

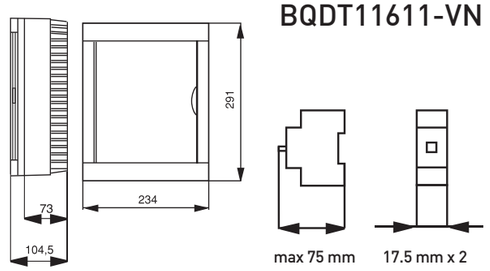

BQDT10411-VN

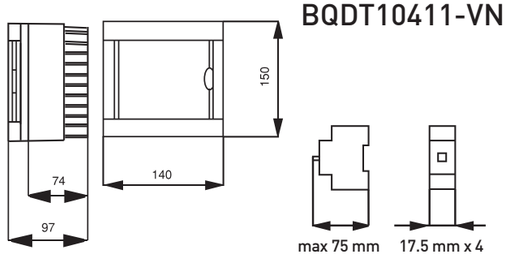

BQDT11811-VN

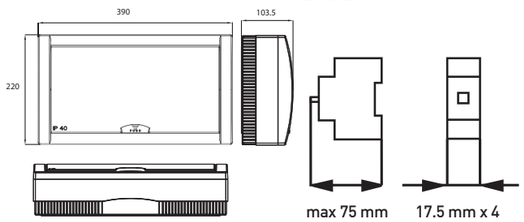

BQDT10611-VN

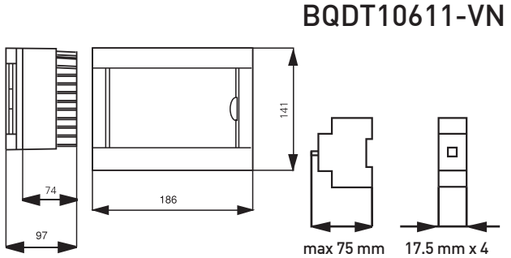

BQDT12411-VN

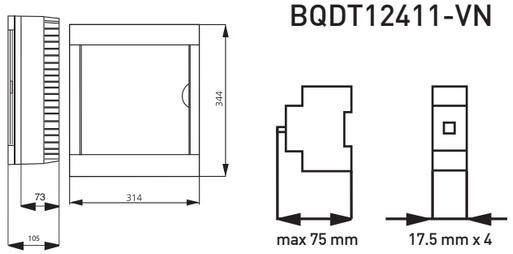

BQDT10811-VN

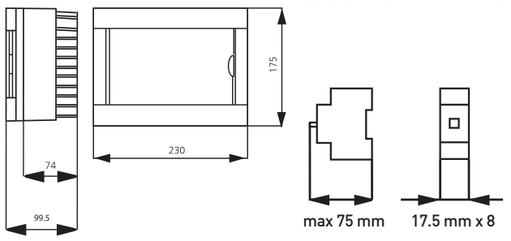

BQDT13611-VN

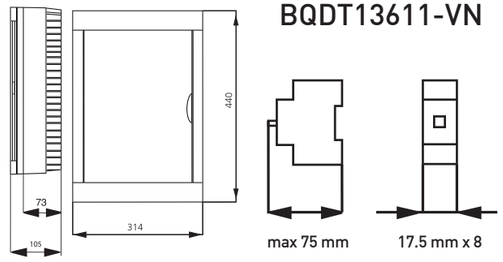

BQDT11211-VN

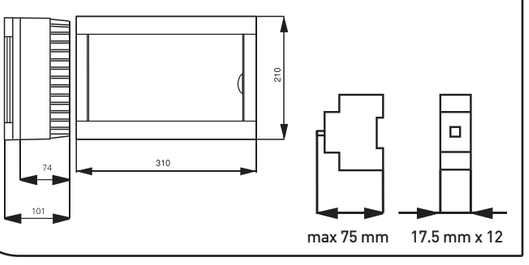

DÒNG SẢN PHẨM
TỦ ĐIỆN MỚI

Loại *Type*	Mã số *Item code*	Mô tả sản phẩm *Description*	Màu sắc *Color*	Chất liệu mặt che *Cover Material*	Chất liệu đế âm *Box Material*	Số đường *No. of Curcuit*	Độ dày đế âm *Thickness (Box)*	Số hàng MCB *Row*
WS type (Trắng, vỏ trong suốt *White, transparent cover*) 	BQDX08T11AV	Tủ điện âm tường 8 đường *Distribution box* *8 Flush Mounted*	Trắng & Đen *White & Black*	Nhựa / *plastic*	Sắt / *steel*	8	1.0 mm	1
	BQDX12T11AV	Tủ điện âm tường 12 đường *Distribu tion box 12 Flush Mounted*	Trắng & Đen *White & Black*	Nhựa / *plastic*	Sắt / *steel*	12	1.0 mm	1
	BQDX16T11AV	Tủ điện âm tường 16 đường *Distribution box* *16 Flush Mounted*	Trắng & Đen *White & Black*	Nhựa / *plastic*	Sắt / *steel*	16	1.0 mm	1
G type (Vàng ánh kim, vỏ trong suốt *Gold, transparent cover*) 	BQDX08G11AV	Tủ điện âm tường 8 đường *Distribution box* *8 Flush Mounted*	Màu vàng ánh kim *Gold*	Kim loại / *Alu*	Sắt / *steel*	8	1.0 mm	1
	BQDX12G11AV	Tủ điện âm tường 12 đường *Distribution box* *12 Flush Mounted*	Màu vàng ánh kim *Gold*	Kim loại / *Alu*	Sắt / *steel*	12	1.0 mm	1
	BQDX16G11AV	Tủ điện âm tường 16 đường *Distribution box* *16 Flush Mounted*	Màu vàng ánh kim *Gold*	Kim loại / *Alu*	Sắt / *steel*	16	1.0 mm	1

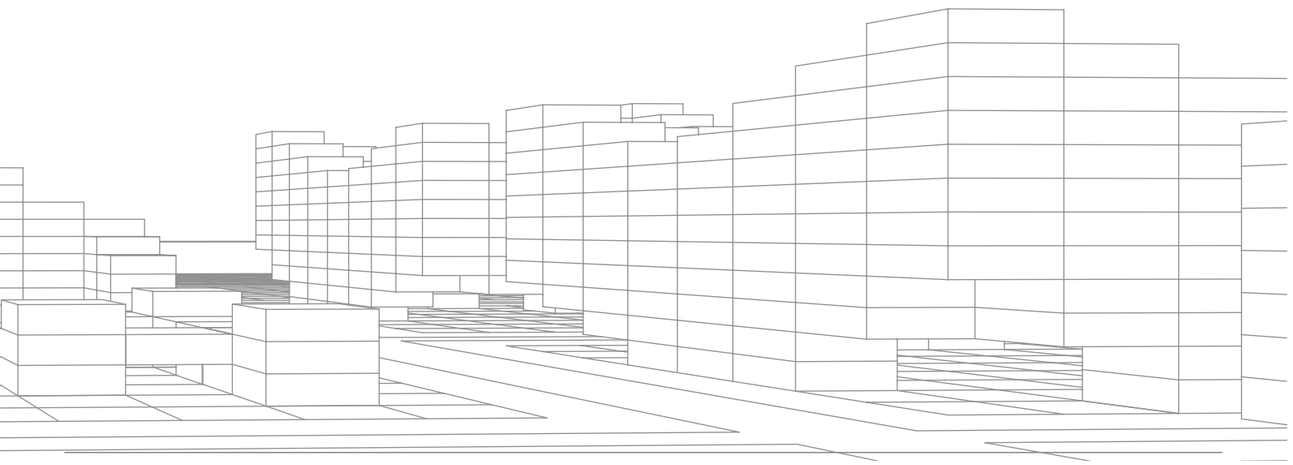

Những Lưu Ý Về Cách Sử Dụng Cầu Dao

LƯU Ý VỀ MÔI TRƯỜNG HOẠT ĐỘNG

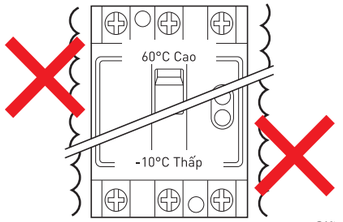

Giữ độ ẩm bằng hoặc thấp hơn 85%RH.

Nhiệt độ môi trường: -10°C đến + 60°C
Lưu ý: Trong khoảng -10°C đến + 50°C đối với việc sử dụng cầu dao dân dụng
Độ ẩm tương đối: 45% đến 85%
Độ cao tối đa: 2.000m so với mực nước biển

- Nếu nhiệt độ vượt quá 40°C, vui lòng tham khảo bảng hướng dẫn chỉ số hiện tại để đối chiếu với chỉ số cụ thể của cầu dao.
- Nếu được lắp đặt ngoài trời hoặc ở nơi có khí ẩm, cầu dao phải được đặt trong hộp phù hợp (không sử dụng ở những nơi có sương hoặc chất khí ngưng tụ).
- Chúng tôi khuyên bạn cầu đao cần được lắp đặt ở vị trí không tiếp xúc trực tiếp với ánh sáng mặt trời, vì điều này ảnh hưởng đến tính chính xác của cầu dao.

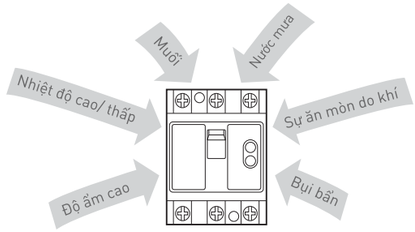

- Cầu dao phải được lắp đặt trong hộp phù hợp khi sử dụng tại nơi có bụi bẩn, v.v.
- Tránh lắp đặt trong môi trường axit hoặc kiềm, như nhà máy hóa chất hoặc nhà máy bia, v.v.
- Tránh lắp đặt ở những vị trí tiếp xúc với nước mưa hoặc nước phun.

- Tránh lắp đặt ở những vị trí rung, sốc hoặc xảy ra va đập, v.v.

LƯU Ý VỀ LẮP ĐẶT

Chúng tôi khuyên bạn lắp đặt cầu dao theo chiều vuông góc nhưng bạn cũng có thể lắp đặt theo những kiểu dưới đây.

Phương pháp lắp gắp khúc		
	Từ tính	Trong phạm vi vuông góc ±10°C
	Nhiệt và từ tính	Không hạn chế về hướng lắp đặt

Hướng dẫn lắp đặt cầu dao theo chiều đi từ tính.

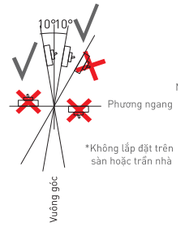

Mặt bên

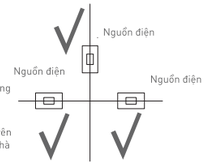

Góc chính diện

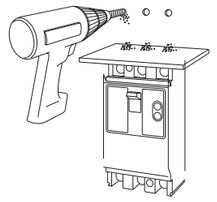

Khi khoan hoặc tách lớp cách nhiệt, hãy bọc cầu dao bằng băng keo hoặc giấy để tránh mùn cưa và các vật lạ khác rơi lọt vào các bộ phận của cầu dao.

LƯU Ý VỀ KẾT NỐI

1. Kết nối dây điện

- Khi kết nối bị kẹt, không được hàn hoặc buộc các đầu của dây.
- An toàn cần trọng buộc chặt dây điện. Nếu dây không được kết nối an toàn, sự quá nhiệt của thiết bị có thể gây ra hỏa hoạn. Nếu cực trung tính của bộ ngắt một pha, ba dây không được kết nối an toàn, điện áp không chính xác có thể gây ra thiệt hại cho tải.
- Không bôi trơn các ốc vít. Việc bôi trơn sẽ làm giảm ma sát của ốc vít và làm cho chúng dễ bị lỏng, dẫn đến tình trạng quá nhiệt.
- Dầu bôi trơn cũng có thể gây ra căng ốc vít, ngay cả khi được vặn chặt với mô-men quy định, do đó dẫn đến hư hỏng các ốc vít.
- Nối dây theo đường chạy song song.
- Chọn kích cỡ dây phù hợp để tải đúng dòng điện theo định mức.

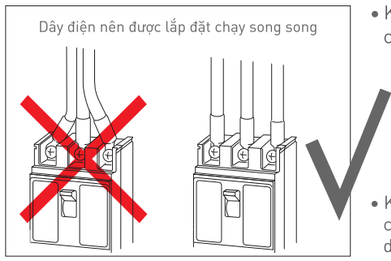

2. Kết nối thiết bị đầu cuối

- Khi kết nối trực tiếp với thiết bị đầu cuối, chèn dây đơn hoặc dây bị mắc thẳng vào thiết bị đầu cuối và sau đó siết chặt với mô-men quy định. Cũng có thể sử dụng các giá đỡ (lug) hoặc thanh cần (bar) cho thiết bị đầu cuối.

- Khi kết nối dây bị mắc kẹt, bạn nhớ tách các sợi trước khi đưa chúng vào thiết bị đầu cuối.

- Khi nối trực tiếp hai hoặc nhiều dây, tránh nối các kiểu khác, ngoài các hướng dẫn được liệt kê dưới đây. Không quá ba dây. Đối với dây bị mắc kẹt nói riêng, sử dụng giá đỡ thiết bị đầu cuối (lug) bất cứ nơi nào có thể. Sử dụng thiết bị đầu cuối không hàn trong trường hợp M6.
- Có thể nối dây khi kết nối hai dây.

	Dây đơn	Dây bện
M5	ø1.6 & ø1.6 mm ø1.6 & ø2.0 mm ø1.6 & ø2.6 mm ø2.0 & ø2.0 mm ø2.0 & ø2.6 mm ø2.6 & ø2.6 mm	3.5 mm^2 & 3.5 mm^2 3.5 mm^2 & 5.5 mm^2 3.5 mm^2 & 8 mm^2 5.5 mm^2 & 5.5 mm^2 5.5 mm^2 & 8 mm^2 8 mm^2 & 8 mm^2 8 mm^2 & 14 mm^2

Panasonic

SẢN PHẨM
CÔNG TẮC Ổ CẮM
2022

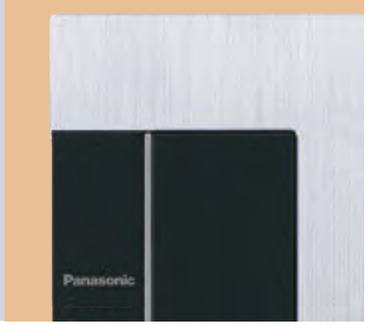

Panasonic®
Panasonic Electric Works Vietnam Co., Ltd

Quét QR code để cùng Youtube khám phá thêm nhiều nội dung hấp dẫn khác của Panasonic

Sản xuất và cung cấp bởi
Công ty TNHH Panasonic Electric Works Việt Nam
Số 01 VSIP II-A, Đường số 12, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore II-A, Phường Vĩnh Tân, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

LIÊN HỆ
Phòng trưng bày TP.HCM
Lầu 6, 675-677 Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP.HCM
Hotline: 19006711

VNMIX1 2022-IXG

All Rights Reserved©June 2022 COPYRIGHT Panasonic Electric Works Vietnam Co., Ltd

MỞ RA KỶ NGUYÊN MỚI

Trong hơn 25 năm có mặt tại thị trường Việt Nam, thương hiệu Panasonic đã mang lại dấu ấn mạnh trong lòng người tiêu dùng với các sản phẩm chất lượng từ Thiết bị gia dụng cho đến các Thiết bị nối dây. Giữ vai trò chủ chốt trong lịch sử hình thành và phát triển của tập đoàn suốt từ năm 1918, tính tiện nghi, an toàn và bền bỉ của Thiết bị điện Panasonic đã vinh danh trên toàn thế giới. Những nỗ lực không ngừng phát triển công nghệ sản phẩm và nâng cao dây chuyền sản xuất, cho phép Panasonic liên tục vượt qua giới hạn để mang lại các dòng sản phẩm đa dạng hơn, thỏa mãn mọi nhu cầu của người tiêu dùng Việt Nam.

Các dòng sản phẩm

THIẾT BỊ NỐI DÂY CỦA PANASONIC

MỤC LỤC

MINERVA
CHẠM NÉT **TINH TẾ**
KIẾN TẠO **CHUẨN MỰC** 06

Halumie MỚI
Vẻ đẹp từ ***MỌI GÓC NHÌN*** 18

Gen-X
TUYỆT TÁC
THIẾT KẾ & CÔNG NGHỆ 26

Refina
ĐA SẮC MÀU
ĐA PHONG CÁCH 30

FULL COLOR WIDE SERIES
TIÊU CHUẨN CỦA CHẤT LƯỢNG 40

FULL-COLOR
SERIES 46

MINERVA

CHẠM NÉT **TINH TẾ**
KIẾN TẠO **CHUẨN MỰC**

Vui lòng xem bảng giá
tại website

TỔNG QUAN THIẾT KẾ
Tạo sự đổ bóng hài hòa đẹp mắt
với không gian của ngôi nhà.

BỀ MẶT MƯỢT MÀ
Chất liệu cải tiến
bóng mịn mượt mà.

HÀI HÒA KHÔNG GIAN
Kiến tạo tổng thể hài hòa,
đậm chất sang trọng và tinh tế.

GÓC ĐẢO CHIỀU BẬT/TẮT NHỎ
Công tắc thanh mảnh thích nghi với
toàn bộ ngôi nhà.

MẶT TIẾP XÚC LỚN KHÔNG VIỀN
Tối đa hóa không gian vận hành
nhờ loại bỏ sự gò bó của khung viền.
Tạo cảm giác vận hành hoàn hảo.

MINERVA

SẢN PHẨM ĐÈN GẮN TƯỜNG SOI LỐI ĐI **Panasonic**

Ba màu sắc phù hợp với không gian nội thất

Vui lòng xem bảng giá tại website

Đặc biệt đối với dòng sản phẩm mới mặt vuông Minerva được trang bị thêm **sản phẩm đèn gắn tường soi lối đi có cảm biến hồng ngoại và chuyển động,** sản phẩm phù hợp gắn tại các khu vực cầu thang, lối đi bộ. Đèn tự động nhận biết chuyển động ở khoảng cách lên đến 2 mét với góc rộng 120 độ.

**Đèn sẽ không bật khi môi trường xung quanh đã đủ sáng.*

KHOẢNG CÁCH CẢM BIẾN

Theo chiều ngang

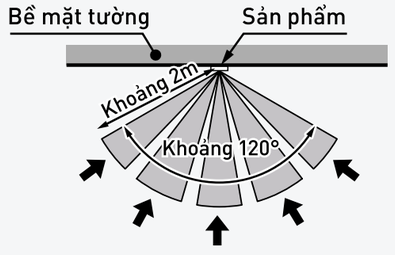

Theo chiều dọc

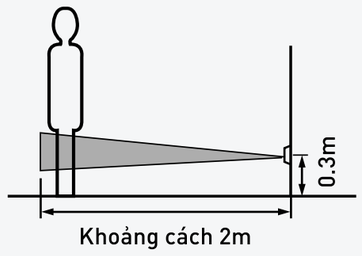

CHỨC NĂNG

Bật sáng khi phát hiện chuyển động trong vùng cảm biến

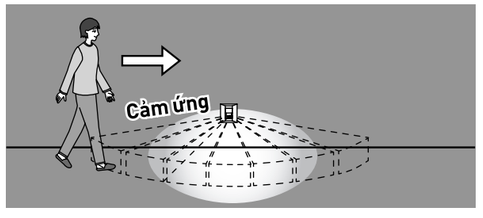

Tự động bật sáng khi phát hiện sự thay đổi nhiệt độ và ánh sáng trong môi trường xung quanh do chuyển động của con người.

Tự động tắt khi người rời khỏi vùng cảm biến

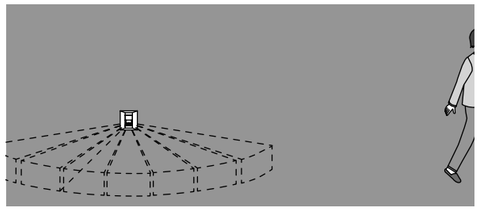

Tự động ngắt ánh sáng khi khu vực cảm biến trống sau 15 giây.

Chuẩn Kết Nối Quốc Tế
Dây cứng lõi đơn: 1.5-4mm²
Dây cứng nhiều lõi: 1.5-4mm²

★ **Chuẩn Bắt Vít**
Dây cứng lõi đơn, dây mềm và nhiều lõi: 1.5-4mm²

CÔNG TẮC VÀ THIẾT BỊ KHÁC

WMT501-VN
Công tắc B, 1 chiều, 1 thiết bị, 16AX 250V~
Switch B, Single Pole, 1-Gang 1-Device, 16AX 250V~

WMT503-VN
Công tắc B, 1 chiều, 2 thiết bị, 16AX 250V~
Switch B, Single Pole, 1-Gang 2-Devices, 16AX 250V~

WMT505-VN
Công tắc B, 1 chiều, 3 thiết bị, 16AX 250V~
Switch B, Single Pole, 1-Gang 3-Devices 16AX 250V~

WMT301
Ổ cắm TV
DIN Type TV terminal

WMT311-VN
Ổ cắm CATV
High Shield TV terminal (CATV)

WMT364-VN
Bộ ổ cắm TV và Ổ cắm CATV
DIN TV + CATV socket set

WMT507-VN
Công tắc B, 1 chiều, 4 thiết bị, 10AX 250V~
*Kích thước dây: 1.5~2.5mm² (Dây cứng lõi đơn và Dây nhiều lõi)
Switch B, Single Pole, 1-Gang 4-Devices, 10AX 250V~
*Applicable Wire: 1.5~2.5mm² (Solid and Stranded Wire Only)

★

WMT502-VN
Công tắc C, 2 chiều, 1 thiết bị, 16AX 250V~
Switch C, 2-Way, 1-Gang 1-Device, 16AX 250V~

WMT504-VN
Công tắc C, 2 chiều, 2 thiết bị, 16AX 250V~
Switch C, 2-Way, 1-Gang 2-Devices, 16AX 250V~

WMT403-VN
Ổ cắm điện thoại 4 cực
TEL Modular Jack (6P4C)

WMT421-VN
Ổ cắm data CAT5E
CAT5E DATA modular jack

WMT422-VN
Bộ 2 ổ cắm data CAT5E
Set 2 CAT5E DATA modular jack

WMT506-VN
Công tắc C, 2 chiều, 3 thiết bị, 16AX 250V~
Switch C, 2-Way, 1-Gang 3-Devices, 10AX 250V~

WMT508-VN
Công tắc C, 2 chiều, 4 thiết bị, 10AX 250V~
*Kích thước dây: 1.5~2.5mm² (Dây cứng lõi đơn và Dây nhiều lõi)
Switch C, 2-Way, 1-Gang 4-Devices, 10AX 250V~
*Applicable wire: 1.5~2.5mm² (Solid and Stranded Wire Only)

★

WMT594-VN
Công tắc E, đảo chiều, 1 thiết bị, 10AX 250V~
Switch E, 4-Way, 1-Gang 1-Device, 10AX 250V~

WMT427-VN
Bộ ổ cắm TV và
Ổ cắm data CAT5E

WMT428-VN
Bộ ổ cắm CATV và
Ổ cắm data CAT5E

WMT431-VN
Ổ cắm data CAT6
CAT6 DATA modular jack

WMT596-VN
Công tắc E, đảo chiều, 2 thiết bị, 10AX 250V~
Switch E, 4-Way, 1-Gang 2-Devices, 10AX 250V~

WMT707K-VN
Đèn gắn tường soi lối đi có cảm biến hồng ngoại và ánh sáng
*Kích thước dây: 0.75~1.5mm² (Dây cứng lõi đơn và Dây nhiều lõi)
Foot Light with Passive Infrared Sensor and Illuminance Sensor
*Applicable Wire: 0.75~1.5mm² (Solid and Stranded Wire Only)

WEC5781W-VN
Bộ công tắc thẻ
Electronic Key Card Switch

WMT432-VN
Bộ 2 ổ cắm data CAT6
Set 2 CAT6 DATA modular jack

WSBC7010SW-VN
Thiết bị chuyển tiếp 20A
*Kích thước dây:
Đầu vào: 2.5~6.0mm² (Dây đồng cứng)
Đầu ra: 1.5~2.5mm² (Dây mềm)
Cable Outlet with 20A Terminal Block

WMT540108-VN
Nút nhấn chuông
Bell Switch

MINERVA

Chuẩn Kết Nối Quốc Tế
Dây cứng lõi đơn: 1.5-4mm²
Dây cứng nhiều lõi: 1.5-4mm²

★ **Chuẩn Bắt Vít**
Dây cứng lõi đơn, dây mềm và nhiều lõi: 1.5-4mm²

WMT501MYZ-VN
Công tắc B, 1 chiều, 1 thiết bị, 16AX 250V~
Switch B, Single Pole, 1-Gang 1-Device, 16AX 250V~

WMT503MYZ-VN
Công tắc B, 1 chiều, 2 thiết bị, 16AX 250V~
Switch B, Single Pole, 1-Gang 2-Devices, 16AX 250V~

WMT505MYZ-VN
Công tắc B, 1 chiều, 3 thiết bị, 16AX 250V~
Switch B, Single Pole, 1-Gang 3-Devices 16AX 250V~

WMT507MYZ-VN
Công tắc B, 1 chiều, 4 thiết bị, 10AX 250V~
*Kích thước dây: 1.5~2.5mm² (Dây cứng lõi đơn và Dây nhiều lõi)
Switch B, Single Pole, 1-Gang 4-Devices, 10AX 250V~
*Applicable Wire: 1.5~2.5mm² (Solid and Stranded Wire Only)

★

WMT502MYZ-VN
Công tắc C, 2 chiều, 1 thiết bị, 16AX 250V~
Switch C, 2-Way, 1-Gang 1-Device, 16AX 250V~

WMT504MYZ-VN
Công tắc C, 2 chiều, 2 thiết bị, 16AX 250V~
Switch C, 2-Way, 1-Gang 2-Devices, 16AX 250V~

WMT506MYZ-VN
Công tắc C, 2 chiều, 3 thiết bị, 16AX 250V~
Switch C, 2-Way, 1-Gang 3-Devices, 10AX 250V~

WMT508MYZ-VN
Công tắc C, 2 chiều, 4 thiết bị, 10AX 250V~
*Kích thước dây: 1.5~2.5mm² (Dây cứng lõi đơn và Dây nhiều lõi)
Switch C, 2-Way, 1-Gang 4-Devices, 10AX 250V~
*Applicable wire: 1.5~2.5mm² (Solid and Stranded Wire Only)

★

WMT594MYZ-VN
Công tắc E, đảo chiều, 1 thiết bị, 10AX 250V~
Switch E, 4-Way, 1-Gang 1-Device, 10AX 250V~

WMT596MYZ-VN
Công tắc E, đảo chiều, 2 thiết bị, 10AX 250V~
Switch E, 4-Way, 1-Gang 2-Devices, 10AX 250V~

WMT707MYZK-VN
Đèn gắn tường soi lối đi có cảm biến hồng ngoại và ánh sáng
*Kích thước dây: 0.75~1.5mm² (Dây cứng lõi đơn và Dây nhiều lõi)
Foot Light with Passive Infrared Sensor and Illuminance Sensor
*Applicable Wire: 0.75~1.5mm² (Solid and Stranded Wire Only)

WEC5781MYZ-VN
Bộ công tắc thẻ
Electronic Key Card Switch

WSBC7010MYZ-VN
Thiết bị chuyển tiếp 20A
*Kích thước dây:
Đầu vào: 2.5~6.0mm² (Dây đồng cứng)
Đầu ra: 1.5~2.5mm² (Dây mềm)
Cable Outlet with 20A Terminal Block

WMT540108MYZ-VN
Nút nhấn chuông
Bell Switch

WMT301MYZ-VN
Ổ cắm TV
DIN Type TV terminal

WMT311MYZ-VN
Ổ cắm CATV
High Shield TV terminal (CATV)

WMT364MYZ-VN
Bộ ổ cắm TV và Ổ cắm CATV
DIN TV + CATV socket set

WMT403MYZ-VN
Ổ cắm điện thoại 4 cực
TEL Modular Jack (6P4C)

WMT421MYZ-VN
Ổ cắm data CAT5E
CAT5E DATA modular jack

WMT422MYZ-VN
Bộ 2 ổ cắm data CAT5E
Set 2 CAT5E DATA modular jack

WMT427MYZ-VN
Bộ ổ cắm TV và
Ổ cắm data CAT5E

WMT428MYZ-VN
Bộ ổ cắm CATV và
Ổ cắm data CAT5E

WMT431MYZ-VN
Ổ cắm data CAT6
CAT6 DATA modular jack

WMT432MYZ-VN
Bộ 2 ổ cắm data CAT6
Set 2 CAT6 DATA modular jack

MINERVA

Chuẩn Kết Nối Quốc Tế
Dây cứng lõi đơn: 1.5-4mm²
Dây cứng nhiều lõi: 1.5-4mm²

★ **Chuẩn Bắt Vít**
Dây cứng lõi đơn, dây mềm và nhiều lõi: 1.5-4mm²

WMT501MYH-VN
Công tắc B, 1 chiều, 1 thiết bị, 16AX 250V~
Switch B, Single Pole, 1-Gang 1-Device, 16AX 250V~

WMT503MYH-VN
Công tắc B, 1 chiều, 2 thiết bị, 16AX 250V~
Switch B, Single Pole, 1-Gang 2-Devices, 16AX 250V~

WMT505MYH-VN
Công tắc B, 1 chiều, 3 thiết bị, 16AX 250V~
Switch B, Single Pole, 1-Gang 3-Devices 16AX 250V~

WMT311MYH-VN
Ổ cắm CATV
High Shield TV terminal (CATV)

WMT364MYH-VN
Bộ ổ cắm TV và Ổ cắm CATV
DIN TV + CATV socket set

WMT403MYH-VN
Ổ cắm điện thoại 4 cực
TEL Modular Jack (6P4C)

WMT507MYH-VN
Công tắc B, 1 chiều, 4 thiết bị, 10AX 250V~
*Kích thước dây: 1.5~2.5mm² (Dây cứng lõi đơn và Dây nhiều lõi)
Switch B, Single Pole, 1-Gang 4-Devices, 10AX 250V~
*Applicable Wire: 1.5~2.5mm² (Solid and Stranded Wire Only)

★

WMT502MYH-VN
Công tắc C, 2 chiều, 1 thiết bị, 16AX 250V~
Switch C, 2-Way, 1-Gang 1-Device, 16AX 250V~

WMT504MYH-VN
Công tắc C, 2 chiều, 2 thiết bị, 16AX 250V~
Switch C, 2-Way, 1-Gang 2-Devices, 16AX 250V~

WMT421MYH-VN
Ổ cắm data CAT5E
CAT5E DATA modular jack

WMT422MYH-VN
Bộ 2 ổ cắm data CAT5E
Set 2 CAT5E DATA modular jack

WMT427MYH-VN
Bộ ổ cắm TV và
Ổ cắm data CAT5E

WMT506MYH-VN
Công tắc C, 2 chiều, 3 thiết bị, 16AX 250V~
Switch C, 2-Way, 1-Gang 3-Devices, 10AX 250V~

WMT508MYH-VN
Công tắc C, 2 chiều, 4 thiết bị, 10AX 250V~
*Kích thước dây: 1.5~2.5mm² (Dây cứng lõi đơn và Dây nhiều lõi)
Switch C, 2-Way, 1-Gang 4-Devices, 10AX 250V~
*Applicable wire: 1.5~2.5mm² (Solid and Stranded Wire Only)

★

WMT594MYH-VN
Công tắc E, đảo chiều, 1 thiết bị, 10AX 250V~
Switch E, 4-Way, 1-Gang 1-Device, 10AX 250V~

WMT428MYH-VN
Bộ ổ cắm CATV và
Ổ cắm data CAT5E

WMT431MYH-VN
Ổ cắm data CAT6
CAT6 DATA modular jack

WMT432MYH-VN
Bộ 2 ổ cắm data CAT6
Set 2 CAT6 DATA modular jack

WMT596MYH-VN
Công tắc E, đảo chiều, 2 thiết bị, 10AX 250V~
Switch E, 4-Way, 1-Gang 2-Devices, 10AX 250V~

WMT707MYHK-VN
Đèn gắn tường soi lối đi có cảm biến hồng ngoại và ánh sáng
*Kích thước dây: 0.75~1.5mm² (Dây cứng lõi đơn và Dây nhiều lõi)
Foot Light with Passive Infrared Sensor and Illuminance Sensor
*Applicable Wire: 0.75~1.5mm² (Solid and Stranded Wire Only)

WEC5781MYH-VN
Bộ công tắc thẻ
Electronic Key Card Switch

WSBC7010MYH-VN
Thiết bị chuyển tiếp 20A
*Kích thước dây:
Đầu vào: 2.5~6.0mm² (Dây đồng cứng)
Đầu ra: 1.5~2.5mm² (Dây mềm)
Cable Outlet with 20A Terminal Block

WMT540108MYH-VN
Nút nhấn chuông
Bell Switch

WMT301MYH-VN
Ổ cắm TV
DIN Type TV terminal

MINERVA

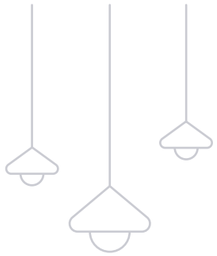

Chuẩn Kết Nối Quốc Tế
Dây cứng lõi đơn: 1.5-4mm²
Dây cứng nhiều lõi: 1.5-4mm²

★ **Chuẩn Bắt Vít**
Dây cứng lõi đơn, dây mềm và nhiều lõi: 1.5-4mm²

MẶT *TƯƠNG THÍCH VỚI THIẾT BỊ CỦA DÒNG FULL-COLOR WIDE SERIES

WMT6891-VN
Mặt kín đơn
1-TOUCH PLATE, 1-Gang Cover

WMT7811-VN
Mặt dùng cho 1 thiết bị
1-TOUCH PLATE, 1-Gang 1-Device

WMT7812-VN
Mặt dùng cho 2 thiết bị
1-TOUCH PLATE, 1-Gang Center 2-Devices

WMT7813-VN
Mặt dùng cho 3 thiết bị
1-TOUCH PLATE, 1-Gang 3-Devices

WMT6891MYZ-VN
Mặt kín đơn
1-TOUCH PLATE, 1-Gang Cover

WMT7811MYZ-VN
Mặt dùng cho 1 thiết bị
1-TOUCH PLATE, 1-Gang 1-Device

WMT7812MYZ-VN
Mặt dùng cho 2 thiết bị
1-TOUCH PLATE, 1-Gang Center 2-Devices

WMT7813MYZ-VN
Mặt dùng cho 3 thiết bị
1-TOUCH PLATE, 1-Gang 3-Devices

WMT6891MYH-VN
Mặt kín đơn
1-TOUCH PLATE, 1-Gang Cover

WMT7811MYH-VN
Mặt dùng cho 1 thiết bị
1-TOUCH PLATE, 1-Gang 1-Device

WMT7812MYH-VN
Mặt dùng cho 2 thiết bị
1-TOUCH PLATE, 1-Gang Center 2-Devices

WMT7813MYH-VN
Mặt dùng cho 3 thiết bị
1-TOUCH PLATE, 1-Gang 3-Devices

WBC8981SW-VN
Mặt có nắp che mưa chuẩn IP43 dành cho công tắc
Weatherproof Cover for BS-TYPE Switch Plastic IP43

WBC8991W-VN
Mặt có nắp che mưa chuẩn IP43 dành cho ổ cắm
Weatherproof Cover for BS-TYPE Receptacle Plastic IP43

Halumie

DÒNG SẢN PHẨM

Halumie

Vẻ đẹp từ

MỌI GÓC NHÌN

LUÔN ĐÁNG TIN CẬY VÀ ĐẸP

Được làm bằng vật liệu chống phai màu ngay cả khi liên tục tắm trong ánh sáng phòng hoặc ánh sáng mặt trời.

BỀ MẶT MƯỢT MÀ

Cơ chế chuyển đổi tiên tiến cho phép BẬT/TẮT mượt mà hơn. Được thiết kế để hoạt động dễ dàng nhất có thể.

THIẾT KẾ TINH GIẢN CHO KHÔNG GIAN SỐNG ĐỘNG

Thiết kế đơn giản và thanh lịch phù hợp với bất kỳ nội thất phòng.

Vui lòng xem bảng giá tại website

Halumie

Chuẩn Cắm Nhanh Loại 2
Dây cứng lõi đơn: 1.5-2.5mm²
Dây cứng nhiều lõi: 1.5-2.5mm²

Chuẩn Cắm Nhanh
Dây cứng lõi đơn: 1.5-2.5mm²

Chuẩn Kết Nối Quốc Tế
Dây cứng lõi đơn: 1.5-4mm²
Dây cứng nhiều lõi: 1.5-4mm²

Chuẩn Bắt Vít
Dây cứng lõi đơn, dây mềm và nhiều lõi: 1.5-4mm²

CÔNG TẮC

WEVH5511MYZK
WEVH5511-7MYZK ★
(Cắm nhanh)
Có chỉ dấu On/Off
Công tắc B, 1 chiều, loại lớn
250VAC - 16A

WEVH5521MYZK
WEVH5521-7MYZK ★
(Cắm nhanh/Bắt vít)
Có chỉ dấu On/Off
Công tắc B, 1 chiều, loại trung
250VAC - 16A

WEVH5152-51MYZ
WEVH5152-7MYZ ★
(Cắm nhanh/Bắt vít)
Công tắc C, 2 chiều,
có đèn báo khi OFF
250VAC - 16A

WEVH5151-51MYZ
WEVH5151-7MYZ ★
(Cắm nhanh/Bắt vít)
Công tắc B, 1 chiều,
có đèn báo khi OFF,
250VAC - 16A

WEVH5512MYZ
WEVH5512-7MYZ ★
(Cắm nhanh/Bắt vít)
Công tắc C, 2 chiều, loại lớn
250VAC - 16A

WEVH5522MYZ
WEVH5522-7MYZ ★
(Cắm nhanh/Bắt vít)
Công tắc C, 2 chiều, loại trung
250VAC - 16A

WEVH5532MYZ
WEVH5532-7MYZ ★
(Cắm nhanh/Bắt vít)
Công tắc C, 2 chiều, loại nhỏ
250VAC - 16A

WEVH5531MYZK
WEVH5531-7MYZK ★
(Cắm nhanh/Bắt vít)
Có chỉ dấu On/Off
Công tắc B, 1 chiều, loại nhỏ
250VAC - 16A

WEVH5542-7MYZ ★
Công tắc C, 2 chiều, loại đôi
Dùng với mặt
WEVH68020/WEVH68030
250VAC - 10A

WEVH5033-7MYZ ★
(Bắt vít)
Công tắc D, 2 tiếp điểm, có đèn báo
250VAC - 20A

Ổ CẮM VÀ THIẾT BỊ KHÁC

WEV1081MYZ
WEV1081-7MYZ ★
[Cắm nhanh/Bắt vít]
Ổ cắm đơn có màn che
250VAC-16A

WEV1181MYZ
WEV1181-7MYZ ★
[Cắm nhanh/Bắt vít]
Ổ cắm đơn có màn che
và dây nối đất
250VAC-16A

WEV1582MYZ
WEV1582-7MYZ ★
[Cắm nhanh/Bắt vít]
Ổ cắm đôi có màn che
và dây nối đất
250VAC-16A

WEVH5401-011MYZ
Nút nhấn chuông
250VAC - 10A

MẶT

WEVH68010MYZ
Mặt dùng cho 1 thiết bị

WEVH68020MYZ
Mặt dùng cho 2 thiết bị

WEVH68030MYZ
Mặt dùng cho 3 thiết bị

WEVH680290MYZ
Mặt dùng riêng
cho ổ đơn 3 chấu/MCB 2P

WEVH68910MYZ
Mặt kín đơn

WEVH8061MYZ
Mặt dùng cho HB

WEVH68040MYZ
Mặt dùng cho 4 thiết bị

WEVH68060MYZ
Mặt dùng cho 6 thiết bị

SẮP RA MẮT

WEV2501MYZ
Ổ cắm TV

WEV2364MYZ
Ổ cắm điện thoại 4 cực

WEV2488MYZ-CAT5
Ổ cắm data CAT5E

WEF11821MYZ-VN
Ổ cắm USB 2 cổng, 5V 3A

WEV1171MYZ
Ổ cắm đa năng có màn che
250VAC – 16A
Kết hợp với các mặt
-680290- và -68030-

Halumie

Chuẩn Cắm Nhanh Loại 2
Dây cứng lõi đơn: 1.5-2.5mm²
Dây cứng nhiều lõi: 1.5-2.5mm²

Chuẩn Cắm Nhanh
Dây cứng lõi đơn: 1.5-2.5mm²

Chuẩn Kết Nối Quốc Tế
Dây cứng lõi đơn: 1.5-4mm²
Dây cứng nhiều lõi: 1.5-4mm²

Chuẩn Bắt Vít
Dây cứng lõi đơn, dây mềm và nhiều lõi: 1.5-4mm²

CÔNG TẮC

WEVH5511MYHK
WEVH5511-7MYHK ★
(Cắm nhanh)
Có chỉ dấu On/Off
Công tắc B, 1 chiều, loại lớn
250VAC - 16A

WEVH5521MYHK
WEVH5521-7MYHK ★
(Cắm nhanh/Bắt vít)
Có chỉ dấu On/Off
Công tắc B, 1 chiều, loại trung
250VAC - 16A

WEVH5152-51MYH
WEVH5152-7MYH ★
(Cắm nhanh/Bắt vít)
Công tắc C, 2 chiều,
có đèn báo khi OFF
250VAC - 16A

WEVH5151-51MYH
WEVH5151-7MYH ★
(Cắm nhanh/Bắt vít)
Công tắc B, 1 chiều,
có đèn báo khi OFF,
250VAC - 16A

WEVH5512MYH
WEVH5512-7MYH ★
(Cắm nhanh/Bắt vít)
Công tắc C, 2 chiều, loại lớn
250VAC - 16A

WEVH5522MYH
WEVH5522-7MYH ★
(Cắm nhanh/Bắt vít)
Công tắc C, 2 chiều, loại trung
250VAC - 16A

WEVH5532MYH
WEVH5532-7MYH ★
(Cắm nhanh/Bắt vít)
Công tắc C, 2 chiều, loại nhỏ
250VAC - 16A

WEVH5531MYHK
WEVH5531-7MYHK ★
(Cắm nhanh/Bắt vít)
Có chỉ dấu On/Off
Công tắc B, 1 chiều, loại nhỏ
250VAC - 16A

WEVH5542-7MYH ★
Công tắc C, 2 chiều, loại đôi
Dùng với mặt
WEVH68020/WEVH68030
250VAC - 10A

WEVH5033-7MYH ★
(Bắt vít)
Công tắc D, 2 tiếp điểm, có đèn báo
250VAC - 20A

Ổ CẮM VÀ THIẾT BỊ KHÁC

WEV1081MYH
WEV1081-7MYH ★
[Cắm nhanh/Bắt vít]
Ổ cắm đơn có màn che
250VAC-16A

WEV1181MYH
WEV1181-7MYH ★
[Cắm nhanh/Bắt vít]
Ổ cắm đơn có màn che
và dây nối đất
250VAC-16A

WEV1582MYH
WEV1582-7MYH ★
[Cắm nhanh/Bắt vít]
Ổ cắm đôi có màn che
và dây nối đất
250VAC-16A

WEVH5401-011MYH
Nút nhấn chuông
250VAC - 10A

MẶT

WEVH68010MYH
Mặt dùng cho 1 thiết bị

WEVH68020MYH
Mặt dùng cho 2 thiết bị

WEVH68030MYH
Mặt dùng cho 3 thiết bị

WEVH680290MYH
Mặt dùng riêng
cho ổ đơn 3 chấu/MCB 2P

WEVH68910MYH
Mặt kín đơn

WEVH8061MYH
Mặt dùng cho HB

WEVH68040MYH
Mặt dùng cho 4 thiết bị

WEVH68060MYH
Mặt dùng cho 6 thiết bị

SẮP RA MẮT

WEV2501MYH
Ổ cắm TV

WEV2364MYH
Ổ cắm điện thoại 4 cực

WEV2488MYH-CAT5
Ổ cắm data CAT5E

WEF11821MYH-VN
Ổ cắm USB 2 cổng, 5V 3A

WEV1171MYH
Ổ cắm đa năng có màn che
250VAC – 16A
Kết hợp với các mặt
-680290- và -68030-

Halumie

Chuẩn Cắm Nhanh Loại 2
Dây cứng lõi đơn: 1.5-2.5mm²
Dây cứng nhiều lõi: 1.5-2.5mm²

Chuẩn Cắm Nhanh
Dây cứng lõi đơn: 1.5-2.5mm²

Chuẩn Kết Nối Quốc Tế
Dây cứng lõi đơn: 1.5-4mm²
Dây cứng nhiều lõi: 1.5-4mm²

★ **Chuẩn Bắt Vít**
Dây cứng lõi đơn, dây mềm và nhiều lõi: 1.5-4mm²

CÔNG TẮC

WEVH5511K
WEVH5511-7K ★
(Cảm nhanh/Bắt vít)
Công tắc B, 1 chiều
loại lớn, 16AX 250V~
Switch B, Single Pole
16AX 250V~

WEVH5521K
WEVH5521-7K ★
(Cảm nhanh/Bắt vít)
Công tắc B, 1 chiều
loại trung, 16AX 250V~
Switch B, Single Pole
16AX 250V~

WEVH5531K
WEVH5531-7K ★
(Cảm nhanh/Bắt vít)
Công tắc B, 1 chiều
loại nhỏ, 16AX 250V~
Switch B, Single Pole
16AX 250V~

WEVH5151-51
WEVH5151-7 ★
(Cảm nhanh/Bắt vít)
Công tắc B, 1 chiều
có đèn báo khi OFF, 16AX 250V~
Illuminated Switch B, Single Pole
16AX 250V~

WEVH5512
WEVH5512-7 ★
(Cảm nhanh/Bắt vít)
Công tắc C, 2 chiều
loại lớn, 16AX 250V~
Switch C, 2-Way
16AX 250V~

WEVH5522
WEVH5522-7 ★
(Cảm nhanh/Bắt vít)
Công tắc C, 2 chiều
loại trung, 16AX 250V~
Switch C, 2-Way
16AX 250V~

WEVH5532
WEVH5532-7 ★
(Cảm nhanh/Bắt vít)
Công tắc C, 2 chiều
loại nhỏ, 16AX 250V~
Switch C, 2-Way
16AX 250V~

WEVH5152-51
WEVH5152-7 ★
(Cảm nhanh/Bắt vít)
Công tắc C, 2 chiều
có đèn báo khi OFF, 16AX 250V~
Illuminated Switch C
2-Way, 16AX 250V~

WEVH5542-7 ★
Dùng với mặt **WEVH68030** và **WEVH68060**
Công tắc C, 2 chiều, 10AX 250V~
Switch C, 2-Way, 10AX 250V~

WEVH5033-7 ★
Công tắc D, 2 tiếp điểm
có đèn báo, 20A 250V~
Glow Switch D, 2 Poles, 20A 250V~

WEVH5003K
Công tắc D, 2 tiếp điểm
16AX 250V~
Switch D, 2 Poles, 16AX 250V~

WEVH5004
Công tắc E, đảo chiều
16A 250V~
Switch E, 4-Way, 16A 250V~

Ổ CẮM VÀ THIẾT BỊ KHÁC

WEV1081SW
WEV1081-7SW ★
(Cảm nhanh/Bắt vít)
Ổ cắm đơn có màn che, 16A 250V~
Universal Receptacle with
Safety Shutter, 16A 250V~

WEV1091SW
Ổ cắm đơn không
màn che, 16A 250V~
Universal Receptacle
16A 250V~

WEV1181SW
WEV1181-7SW ★
(Cảm nhanh/Bắt vít)
Ổ cắm đơn có màn che và
dây nối đất, 16A 250V~
Grounding Universal
Receptacle with
Safety Shutter
16A 250V~

WEV1582SW
WEV1582-7SW ★
(Cảm nhanh/Bắt vít)
Ổ cắm đôi có màn che và
dây nối đất, 16A 250V~
Grounding Duplex
Universal Receptacle
with Safety Shutter
16A 250V~

WEV2488SW-CAT5
Ổ cắm data CAT5E
CAT5E Data Modular Jack

WEV24886SW-CAT6
Ổ cắm data CAT6
CAT6 Data Modular Jack

WEV2364SW
Ổ cắm điện thoại 4 cực
Telephone Modular Jack (6P4C)

WEV2501SW
Ổ cắm anten Tivi, 75 Ohm
DIN Type Television Terminal

WEG3023SW
Lỗ ra dây điện thoại phi 9mm/16mm
Telephone Wire Chip Dia 9mm/16mm

WEG3020SW
Nút trống
Blank Chip

WEVH5401-011
Nút nhấn chuông, 10A 250V~
Bell push Button, 10A 250V~

WEG3032RSW (Red)
Đèn báo màu đỏ, 220V~
Pilot Lamp Red, 220V~

WEG2021SW
Ổ cắm HDMI
Connector for HDMI Connection

WEF108107-VN ★
Ổ cắm USB 2.4A
1-Port USB 2.4A

WEF11821W
Ổ cắm USB 3A
2-Port USB Fast Charger 3A

BỘ ĐIỀU CHỈNH ĐỘ SÁNG ĐÈN

WEG575151SW
Bộ điều chỉnh độ sáng đèn, 500W 220V~
Loại có chức năng bật tắt
*Kích thước dây: 1.0~2.5mm² (Dây cứng lõi đơn)
Dimmer Switch (Incandescent Light Control)
500W 220V~, *Off Function Type

MẶT

WEVH68010
Mặt dùng cho 1 thiết bị
1-Gang 1-Device Plate

WEVH68020
Mặt dùng cho 2 thiết bị
1-Gang 2-Devices Plate

WEVH68030
Mặt dùng cho 3 thiết bị
1-Gang 3-Devices Plate

WEG57912SW
Bộ điều chỉnh độ sáng đèn 200W 220-240V~
*Kích thước dây: 1.0~4.0mm²
(Dây cứng lõi đơn, dây mềm và dây nhiều lõi)
Dimmer Switch (Incandescent and LED Light Control) 200W (LED 50W) 220-240V~
*Push On/Off Function Type
★

WEVH680290
Mặt dùng riêng cho **WEV1181SW**
1-Gang Plate for **WEV1181SW**

WEVH68910
Mặt kín đơn
Single Cover Plate

WEVH8061
Mặt dùng cho HB
1-Gang Plate for HB breaker

WEF5791301SW-VN
Bộ điều chỉnh độ sáng cho đèn LED 100W có thể điều chỉnh độ sáng nhỏ nhất 220V~
Dimmer Switch with Minimum Brightness Adjustment (Incandescent and LED Light Control) 100W (LED 100W) 220V~
*Push On/Off Function Type

WEVH68040
Mặt dùng cho 4 thiết bị
2-Gang 4-Devices Plate

WEVH68060
Mặt dùng cho 6 thiết bị
2-Gang 6-Devices Plate

WEF5791501SW-VN
Bộ điều chỉnh độ sáng cho đèn LED 200W có thể điều chỉnh độ sáng nhỏ nhất 220V~
Dimmer Switch with Minimum Brightness Adjustment (Incandescent and LED Light Control) 240W (LED 200W) 220V~
*Off Function Type

Gen-X

TUYỆT TÁC
THIẾT KẾ & CÔNG NGHỆ

BỀ MẶT NỔI BẬT VỚI THIẾT KẾ TINH GIẢN
Thiết kế bất đối xứng lý tưởng sử dụng
tấm nhôm dày 2mm, chất lượng cao.

CHỐNG NÓNG, DỄ DÀNG SỬ DỤNG

THIẾT KẾ HIỆN ĐẠI VỚI
MẶT NHÔM CHẤT LƯỢNG CAO
Nút ấn dạng nảy mang đến
vẻ đẹp và trải nghiệm đỉnh cao.

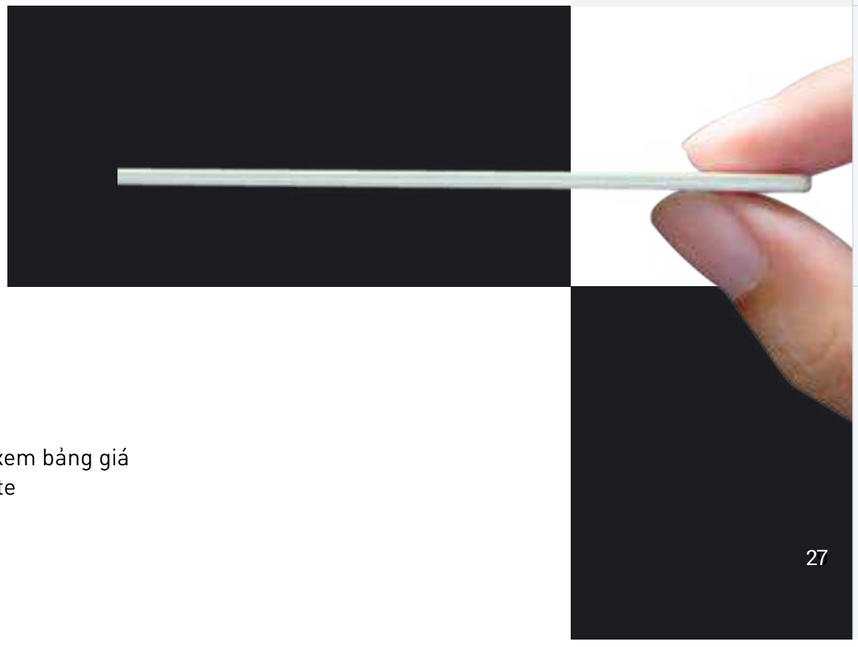

Vui lòng xem bảng giá
tại website

Gen-X

Chuẩn Kết Nối Quốc Tế
Dây cứng lõi đơn: 1.5-4mm²
Dây cứng nhiều lõi: 1.5-4mm²

Chuẩn Cắm Nhanh Loại 2
Dây cứng lõi đơn: 1.5-2.5mm²
Dây cứng nhiều lõi: 1.5-2.5mm²

★ **Chuẩn Bắt Vít**
Dây cứng lõi đơn, dây mềm và nhiều lõi: 1.5-4mm²

CÔNG TẮC

WTEGP51552S-1-G
Bộ 1 công tắc có đèn báo 16AX 250V~
Illuminated Switch C, 2-Way
1-Device with Plate (Neon Lamp: 220V~)

WTEGP52562S-1-G
Bộ 2 công tắc có đèn báo, 16AX 250V~
Illuminated Switch C, 2-Way
2-Devices with Plate (Neon Lamp: 220V~)

WTEGP53572S-1-G
Bộ 3 công tắc có đèn báo, 16AX 250V~
Illuminated Switch C, 2-Way
3-Devices with Plate (Neon Lamp: 220V~)

WTEGP54562S-1-G
Bộ 4 công tắc có đèn báo, 16AX 250V~
Illuminated Switch C, 2-Way
4-Devices with Plate (Neon Lamp: 220V~)

WTEGP55582S-1-G
Bộ 5 công tắc có đèn báo, 16AX 250V~
Illuminated Switch C, 2-Way
5-Devices with Plate (Neon Lamp: 220V~)

WTEGP56572S-1-G
Bộ 6 công tắc có đèn báo, 16AX 250V~
Illuminated Switch C, 2-Way
6-Devices with Plate (Neon Lamp: 220V~)

WTFBP51552S-1-G
Bộ 1 công tắc có đèn báo
BS-TYPE Illuminated Switch C, 2-Way
1-Device with Plate

WTFBP52562S-1-G
Bộ 2 công tắc có đèn báo
BS-TYPE Illuminated Switch C, 2-Way
2-Devices with Plate

WTFBP53572S-1-G
Bộ 3 công tắc có đèn báo
BS-TYPE Iluminated Switch C, 2-Way
3-Devices with Plate

Ổ CẮM VÀ THIẾT BỊ KHÁC

WEG15829B-G
Ổ cắm đôi có màn che và dây nối đất, 16A 250V~
Grounding Duplex Universal Receptacle with Safety Shutter, 16A 250V~

WEV2364B
Ổ cắm điện thoại 4 cực
Telephone Modular Jack (6P4C)

WEV2488B
Ổ cắm data CAT5E
CAT5E Data Modular Jack

WEV2501B
Ổ cắm Tivi
DIN Type Television Terminal

WEG3020B-G
Nút trống
Blank chip

WEG1181BK-G
Ổ cắm có màn che và dây nối đất, 16A 250V~
Grounding Universal Receptacle with Safety Shutter, 16A 250V~

EGG331
Nút chuông kín nước, 1A 220V~
Weatherproof Push Button for Door Chime, 1A 220V~

EGG335
Nút chuông kín nước, 1A 220V~
Weatherproof Push Button for Door Chime, 1A 220V~ (Dark Brown)

EBG888
Chuông điện, 220V~
2 kiểu chuông 9.5W, 50Hz, 82dB
Door chime, 220V~
Two Tone 9.5W, 50Hz, 82dB Chime

BỘ ĐIỀU CHỈNH ĐỘ SÁNG ĐÈN

WEG57912B-1
Bộ điều chỉnh độ sáng (Đèn sợi đốt và đèn LED)
200W (LED 50W) 220V-240V~, *Loại có nút nhấn On/Off
Dimmer Switch (Incandescent and LED Light Control)
200W (LED 50W) 220V-240V~
*Push On/Off Function Type

★

WEG57813B-1-G
Bộ điều chỉnh sáng tối (Đèn sợi đốt và đèn Halogen công suất thấp với biến áp 12V), 300W 220V~
Dimmer Switch (Incandescent and Low Voltage Halogen with Transformer 12V Light Control), 300W 220V~
*Off Function Type

★

WEG57816B-1-G
Bộ điều chỉnh sáng tối (Đèn sợi đốt và đèn Halogen công suất thấp với biến áp 12V), 500W 220V~
Dimmer Switch (Incandescent and Low Voltage Halogen with Transformer 12V Light Control), 500W 220V~
*Off Function Type

★

MẶT

WTEG6503S-1-G
Mặt đứng 3 thiết bị
1-Gang 3-Devices

WTFB6503S-1-G
Mặt đứng 3 thiết bị
1-Gang 3-Devices

WTEG6506S-1-G
Mặt dùng cho 6 thiết bị
2-Gang 6-Devices

WTEG6506S-G
Mặt dùng cho 6 thiết bị
2-Gang 6-Devices

FULL-COLOR
WIDE
SERIES
Refina

ĐA SẮC MÀU
ĐA PHONG CÁCH

Vui lòng xem bảng giá
tại website

8
MÀU

**Thoả sức thể hiện phong cách với 8 màu đa dạng,
phù hợp với mọi màu sắc và chất liệu tường**

Thiết kế sang trọng, đẳng cấp với nhiều tùy chọn màu sắc
góp phần tạo nên sức sống riêng cho từng thiết kế nội thất.

FULL-COLOR WIDE SERIES Refina

A - TYPE

Thỏa sức kết hợp với 8 sắc màu cho cả công tắc và mặt

Trắng Tuyết [S][W] | Trắng Ngọc [M][W][Z] | Trắng Ánh Kim [M][W] | Xám Ánh Kim [M][H] | Đen Ánh Kim [M][B] | Vàng Ánh Kim [M][Y] | Nâu Ánh Kim [M][F] | Nâu Đậm Ánh Kim [M][A]

2-3 ký tự cuối trong mã sản phẩm thể hiện màu sắc của sản phẩm

Chuẩn Kết Nối Quốc Tế
Dây cứng lõi đơn: 1.5-4mm²
Dây cứng nhiều lõi: 1.5-4mm²

★ **Chuẩn Bắt Vít**
Dây cứng lõi đơn, dây mềm và nhiều lõi: 1.5-4mm²

CÔNG TẮC

WEG5511 [M][H]
Công tắc B, 1 chiều
loại lớn, 16AX 250V~
Switch B, Single Pole, 16AX 250V~

WEG5512 [M][H]
Công tắc C, 2 chiều
loại lớn, 16AX 250V~
Switch C, 2-Way, 16AX 250V~

WEG5551 [M][H]
Công tắc B, 1 chiều, loại lớn
có đèn báo, 16AX 250V~
Illuminated Switch B, Single Pole
16AX 250V~ (Neon Lamp: 220V~)

WEG5552 [M][H]
Công tắc C, 2 chiều, loại lớn
có đèn báo, 16AX 250V~
Illuminated Switch C, 2-Way
16AX 250V~ (Neon Lamp: 220V~)

WEG5521 [M][H]
Công tắc B, 1 chiều
loại trung, 16AX 250V~
Switch B, Single Pole, 16AX 250V~

WEG5522 [M][H]
Công tắc C, 2 chiều
loại trung, 16AX 250V~
Switch C, 2-Way, 16AX 250V~

WEG5561 [M][H]
Công tắc B, 1 chiều, loại trung
có đèn báo, 16AX 250V~
Illuminated Switch B, Single Pole
16AX 250V~ (Neon Lamp: 220V~)

WEG5562 [M][H]
Công tắc C, 2 chiều, loại trung
có đèn báo, 16AX 250V~
Illuminated Switch C, 2-Way
16AX 250V~ (Neon Lamp: 220V~)

WEG5531 [M][H]
Công tắc B, 1 chiều
loại nhỏ, 16AX 250V~
Switch B, Single Pole, 16AX 250V~

WEG5532 [M][H]
Công tắc C, 2 chiều
loại nhỏ, 16AX 250V~
Switch C, 2-Way, 16AX 250V~

WEG5571 [M][H]
Công tắc B, 1 chiều, loại nhỏ
có đèn báo, 16AX 250V~
Illuminated Switch B, Single Pole
16AX 250V~ (Neon Lamp: 220V~)

WEG5572 [M][H]
Công tắc C, 2 chiều, loại nhỏ
có đèn báo, 16AX 250V~
Illuminated Switch C, 2-Way
16AX 250V~ (Neon Lamp: 220V~)

WEV5511SW
(Cảm nhanh/Bắt vít)
Công tắc B, 1 chiều, loại lớn, 16AX 250V~
Switch B, Single Pole, 16AX 250V~

WEV5512SW
(Cảm nhanh/Bắt vít)
Công tắc C, 2 chiều, loại lớn, 16AX 250V~
Switch C, 2-Way, 16AX 250V~

WEV5511-7SW
(Cảm nhanh/Bắt vít)
Công tắc B, 1 chiều, loại lớn, 16AX 250V~
Switch B, Single Pole, 16AX 250V~

★

WEV5512-7SW
(Cảm nhanh/Bắt vít)
Công tắc C, 2 chiều, loại lớn, 16AX 250V~
Switch C, 2-Way, 16AX 250V~

★

WEV5533-7SW
(Bắt vít)
Công tắc D, 2 tiếp điểm
có đèn báo, 20AX 250V~
Glow Switch D, 2 Poles, 20AX 250V~

★

WEV5521SW
(Cảm nhanh/Bắt vít)
Công tắc B, 1 chiều
loại trung, 16AX 250V~
Switch B, Single Pole, 16AX 250V~

WEV5522SW
(Cảm nhanh/Bắt vít)
Công tắc C, 2 chiều
loại trung, 16AX 250V~
Switch C, 2-Way, 16AX 250V~

WEV5521-7SW
(Cảm nhanh/Bắt vít)
Công tắc B, 1 chiều
loại trung, 16AX 250V~
Switch B, Single Pole, 16AX 250V~

★

WEV5522-7SW
(Cảm nhanh/Bắt vít)
Công tắc C, 2 chiều
loại trung, 16AX 250V~
Switch C, 2-Way, 16AX 250V~

★

WEC5542-7SW
Công tắc C, 2 chiều, loại đôi, 10AX 250V~
Dùng với mặt **WEV68030SW**
Switch C, 2-Way, 10AX 250V~
Combine with Plate **WEV68030SW**

★

WEV5531SW
(Cảm nhanh/Bắt vít)
Công tắc B, 1 chiều
loại nhỏ, 16AX 250V~
Switch B, Single Pole, 16AX 250V~

WEV5532SW
(Cảm nhanh/Bắt vít)
Công tắc C, 2 chiều
loại nhỏ, 16AX 250V~
Switch C, 2-Way, 16AX 250V~

WEV5531-7SW
(Cảm nhanh/Bắt vít)
Công tắc B, 1 chiều
loại nhỏ, 16AX 250V~
Switch B, Single Pole, 16AX 250V~

★

WEV5532-7SW
(Cảm nhanh/Bắt vít)
Công tắc C, 2 chiều
loại nhỏ, 16AX 250V~
Switch C, 2-Way, 16AX 250V~

★

FULL-COLOR WIDE SERIES Refina

A - TYPE

★ **Chuẩn Bắt Vít**
Dây cứng lõi đơn, dây mềm và nhiều lõi: 1.5-4mm²

Chuẩn Kết Nối Quốc Tế
Dây cứng lõi đơn: 1.5-4mm²
Dây cứng nhiều lõi: 1.5-4mm²

Chuẩn Cắm Nhanh Loại 2
Dây cứng lõi đơn: 1.5-2.5mm²
Dây cứng nhiều lõi: 1.5-2.5mm²

Ổ CẮM

WEV1081SW
(Cắm nhanh/Bắt vít)
Ổ cắm đơn có màn che, 16A 250V~
Universal Receptacle with Safety Shutter, 16A 250V~

WEV1081H

WEV1091SW
Ổ cắm đơn, 16A 250V~
Universal Receptacle, 16A 250V~

WEG1001SW
Ổ cắm đơn (dùng cho phích cắm dẹp), 16A 250V~
Flat Pin Receptacle, 16A 250V~

WEG1001H

WEG1090SW
Ổ cắm đơn (dùng cho phích cắm tròn), 16A 250V~
Round Pin Receptacle, 16A 250V~

WEG1090H

WEV1181SW
(Cắm nhanh/Bắt vít)
Ổ cắm đơn có màn che và dây nối đất, 16A 250V~
Grounding Universal Receptacle with Safety Shutter, 16A 250V~

WEV1181H

WEV1582SW
(Cắm nhanh/Bắt vít)
Ổ cắm đôi có màn che và dây nối đất, 16A 250V~
Grounding Duplex Universal Receptacle with Safety Shutter, 16A 250V~

WEV1582H

WEV1081-7SW ★
(Cắm nhanh/Bắt vít)
Ổ cắm đơn có màn che và dây nối đất, 16A 250V~
Grounding Universal Receptacle with Safety Shutter, 16A 250V~

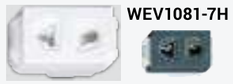
WEV1081-7H

WEV1181-7SW ★
(Cắm nhanh/Bắt vít)
Ổ cắm đơn có màn che và dây nối đất, 16A 250V~
Grounding Universal Receptacle with Safety Shutter, 16A 250V~

WEV1181-7H

WEV1582-7SW ★
(Cắm nhanh/Bắt vít) Ổ cắm đôi có màn che và dây nối đất, 16A 250V~
Grounding Duplex Universal Receptacle with Safety Shutter, 16A 250V~

WEV1582-7H

THIẾT BỊ KHÁC

WEF108107-VN ★
Ổ cắm USB 2.4A
1-Port USB 2.4A

WEF108107H-VN

WEF11821W
Ổ cắm USB 3A
2-Port USB Fast Charger 3A

WEF11821H

WEV2488SW-CAT5
Ổ cắm data CAT5E
CAT5E Data Modular Jack

WEV2488H-CAT5

WEV24886SW-CAT6
Ổ cắm data CAT6
CAT6 Data Modular Jack

WEV24886H-CAT6

WEV2364SW
Ổ cắm điện thoại 4 cực
Telephone Modular Jack (6P4C)

WEV2364H

WEV2501SW
Ổ cắm anten Tivi, 75 Ohm
DIN Type Television Terminal

WEV2501H

BỘ ĐIỀU CHỈNH ĐỘ SÁNG ĐÈN

WEG575151SW
Bộ điều chỉnh độ sáng đèn, 500W 220V~
Loại có chức năng bật tắt
*Kích thước dây: 1.0~2.5mm²
(Dây cứng lõi đơn)
Dimmer Switch (Incandescent Light Control)
500W 220V~, *Off Function Type

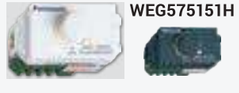
WEG575151H

WEG57912SW ★
Bộ điều chỉnh độ sáng đèn, 200W 220-240V~
*Kích thước dây: 1.0~4.0mm²
(Dây cứng lõi đơn, dây mềm và dây nhiều lõi)
Dimmer Switch (Incandescent and LED Light Control) 200W (LED 50W) 220-240V~
*Push On/Off Function Type

WEG57912H

WEF5791301SW-VN
Bộ điều chỉnh độ sáng cho đèn LED 100W có thể điều chỉnh độ sáng nhỏ nhất 220V~
Dimmer Switch with Minimum Brightness Adjustment (Incandescent and LED Light Control) 100W (LED 100W) 220V~
*Push On/Off Function Type

WEF5791301H-VN

WEF5791501SW-VN
Bộ điều chỉnh độ sáng cho đèn LED 200W có thể điều chỉnh độ sáng nhỏ nhất 220V~
Dimmer Switch with Minimum Brightness Adjustment (Incandescent and LED Light Control) 240W (LED 200W) 220V~
*Off Function Type

WEF5791501H-VN

MẶT		MINERVA	HALUMIE	GEN X	REFINA	WIDE	FULL COLOR
120±1.6 / 116±1.6	Mặt kín đôi Double Cover Plate	WEV68920SW					
120±1.6 / 18.3±0.3 / 45.5±0.3	Mặt dùng cho CB 1 tiếp 1-Gang for 1P1E MCB	WEV7001SW	WEV7001MW	WEV7001MH	WEV7001MB		
120±1.6 / 11.2±0.2 / 26+0.2	Mặt dùng cho HB 1-Gang for HB Breaker	WEV7061SW	WEV7061MW	WEV7061MH	WEV7061MB		
120±1.6 / 36.5±0.3 / 69.2+0.3	Mặt dùng cho 6 thiết bị 2-Gang 6-Devices	WEV68060SW	WEV68060MW	WEV68060MH	WEV68060MB		
120±1.6 / 36.5±0.3 / 23.2±0.3	Mặt dùng cho 4 thiết bị 2-Gang 4-Devices	WEV68040SW	WEV68040MW	WEV68040MH	WEV68040MB		
120±1.6	Mặt kín đơn 1-Gang Cover	WEV68910SW	WEV68910MW	WEV68910MH	WEV68910MB		
120 / 70 / 36.5 / 46.2	Mặt dùng cho 2 thiết bị 1-Gang Center 2-Devices	WEV68029SW	WEV68029MW	WEV68029MH	WEV68029MB	WEV68029MY	WEG68029MF
120 / 70 / 36.5 / 69.2	Mặt dùng cho 3 thiết bị 1-Gang 3-Devices	WEV68030SW	WEG68030MWZ	WEV68030MW	WEV68030MH	WEV68030MB	WEV68030MY
120 / 70 / 36.5 / 23.2 / 23.2	Mặt dùng cho 2 thiết bị 1-Gang 2-Devices	WEV68020SW	WEG68020MWZ	WEV68020MW	WEV68020MH	WEV68020MB	WEV68020MY
120 / 70 / 36.5 / 23.2	Mặt dùng cho 1 thiết bị 1-Gang 1-Device	WEV68010SW	WEG68010MWZ	WEV68010MW	WEV68010MH	WEV68010MB	WEV68010MY
Đơn vị: mm		[SW] Trắng Tuyết	[MWZ] Trắng Ngọc	[MW] Trắng Ánh Kim	[MH] Xám Ánh Kim	[MB] Đen Ánh Kim	[MY] Vàng Ánh Kim

MẶT		WIDE	FULL COLOR
Đơn vị: mm		[MF] Nâu Ánh Kim	[MA] Nâu Đậm Ánh Kim
		Mặt có nắp che mưa: Kim Loại IP23	Nhựa IP55
		WEG78029	WEG79029
		WEG7803	WEG7903
		WEG7802	WEG7902
		WEG7801	WEG7901

MẶT		FULL COLOR
Đơn vị: mm		[MA] Nâu Đậm Ánh Kim
		Mặt có nắp che mưa dạng vuông: Kim Loại IP55
		WEG8881K-VN
		Nhựa IP55
		WEG8981K-VN

2-3 ký tự cuối trong mã sản phẩm thể hiện màu sắc của sản phẩm

*IP: Chuẩn chống nước (khi đóng nắp)

FULL-COLOR WIDE SERIES Refina

BS - TYPE

Chuẩn Kết Nối Quốc Tế
Dây cứng lõi đơn: 1.5-4mm²
Dây cứng nhiều lõi: 1.5-4mm²

★ **Chuẩn Bắt Vít**
Dây cứng lõi đơn, dây mềm và nhiều lõi: 1.5-4mm²

Ổ CẮM VÀ THIẾT BỊ KHÁC

WEV1081-7H ★
(Cảm nhanh/Bắt vít)
Ổ cắm đơn có màn che, 16A 250V~
Universal Receptacle with
Safety Shutter, 16A 250V~
WEB7811MW (Plate)
Mặt vuông dành cho 1 thiết bị
1-Gang 1-Device

WEV1081H
(Cảm nhanh/Bắt vít)
Ổ cắm đơn có màn che, 16A 250V~
Universal Receptacle with
Safety Shutter, 16A 250V~
WEB7812MW (Plate)
Mặt vuông dành cho 2 thiết bị
1-Gang 2-Devices

WEV1181H
(Cảm nhanh/Bắt vít)
Ổ cắm đơn có màn che và
dây nối đất, 16A 250V~
Grounding Universal Receptacle
with Safety Shutter, 16A 250V~
WEB7812MW (Plate)
Mặt vuông dành cho 2 thiết bị
1-Gang 2-Devices

WEV1582-7H ★
(Cảm nhanh/Bắt vít)
Ổ cắm đôi có màn che và
dây nối đất, 16A 250V~
Grounding Duplex
Universal Receptacle with
Safety Shutter, 16A 250V~
WEB7813MW (Plate)
Mặt vuông dành cho 3 thiết bị
1-Gang 3-Devices

WEV1191H
Ổ cắm đơn có dây nối đất, 16A 250V~
GroundingUniversalReceptacle,16A250V~
WEG5151-51HK
Công tắc B, 1 chiều, có đèn
báo khi OFF, 16A 250V~
Illuminated Switch B, Single Pole
16A 250V~ (Neon Lamp 220V~)
WEB7813MW (Plate)
Mặt vuông dành cho 3 thiết bị
1-Gang 3-Devices

WEV2501H
Ổ cắm anten Tivi, 75 Ohm
DIN Type Television Terminal
WEV2364H
Ổ cắm điện thoại 4 cực
Telephone Modular Jack (6P4C)
WEB7812MW (Plate)
Mặt vuông dành cho 2 thiết bị
1-Gang 2-Devices

WEV2501H
Ổ cắm anten Tivi, 75 Ohm
DIN Type Television Terminal
WEB7811MW (Plate)
Mặt vuông dành cho 1 thiết bị
1-Gang 1-Device

WEV2364H
Ổ cắm điện thoại 4 cực
Telephone Modular Jack (6P4C)
WEB7811MW (Plate)
Mặt vuông dành cho 1 thiết bị
1-Gang 1-Device

WEV2488H
Ổ cắm data CAT5E
CAT5E Data Modular Jack
WEB7811MW (Plate)
Mặt vuông dành cho 1 thiết bị
1-Gang 1-Device

WEV24886H
Ổ cắm data CAT6
CAT6 Data Modular Jack
WEB7811MW (Plate)
Mặt vuông dành cho 1 thiết bị
1-Gang 1-Device

WEG575181H
Bộ điều chỉnh sáng tối, 800W 220V~
Dimmer Switch (Incandescent
Light Control), 800W 220V~
WEB7812MW (Plate)
Mặt vuông dành cho 2 thiết bị
1-Gang 2-Devices

WEV1081-7SW ★
(Cảm nhanh/Bắt vít)
Ổ cắm đơn có màn che, 16A 250V~
Universal Receptacle with
Safety Shutter, 16A 250V~
WEB7811SW (Plate)
Mặt vuông dành cho 1 thiết bị
1-Gang 1-Device

WEV1081-7SW ★
(Cảm nhanh/Bắt vít)
Ổ cắm đơn có màn che, 16A 250V~
Universal Receptacle with
Safety Shutter, 16A 250V~
WEV1181-7SW
(Cảm nhanh/Bắt vít) Ổ cắm đơn có
màn che và dây nối đất, 16A 250V~
Grounding Universal Receptacle
with Safety Shutter, 16A 250V~
WEB7813SW (Plate)
Mặt vuông dành cho 3 thiết bị
1-Gang 3-Devices

WEV1582-7SW ★
(Cảm nhanh/Bắt vít)
Ổ cắm đôi có màn che và
dây nối đất, 16A 250V~
Grounding Duplex
Universal Receptacle with
Safety Shutter, 16A 250V~
WEB7813SW (Plate)
Mặt vuông dành cho 3 thiết bị
1-Gang 3-Devices

WEV1081-7SW ★
(Cảm nhanh/Bắt vít)
Ổ cắm đơn có màn che, 16A 250V~
Universal Receptacle with
Safety Shutter, 16A 250V~
WEV5531-7SW
Công tắc B, 1 chiều, 16AX 250V~
Switch B, Single Pole, 16AX 250V~
WEB7812SW (Plate)
Mặt vuông dành cho 2 thiết bị
1-Gang 2-Devices

WEV2501SW
Ổ cắm anten Tivi, 75 Ohm
DIN Type Television Terminal
WEV2364SW
Ổ cắm điện thoại 4 cực
Telephone Modular Jack (6P4C)
WEB7812SW (Plate)
Mặt vuông dành cho 2 thiết bị
1-Gang 2-Devices

WEV2501SW
Ổ cắm anten Tivi, 75 Ohm
DIN Type Television Terminal
WEB7811SW (Plate)
Mặt vuông dành cho 1 thiết bị
1-Gang 1-Device

WEV2488SW
Ổ cắm data CAT5E
CAT5E Data Modular Jack
WEB7811SW (Plate)
Mặt vuông dành cho 1 thiết bị
1-Gang 1-Device

WEV24886SW
Ổ cắm data CAT6
CAT6 Data Modular Jack
WEB7811SW (Plate)
Mặt vuông dành cho 1 thiết bị
1-Gang 1-Device

WEV2364SW
Ổ cắm điện thoại 4 cực
Telephone Modular Jack (6P4C)
WEV2488SW
Ổ cắm data CAT5E
CAT5E Data Modular Jack
WEB7812SW (Plate)
Mặt vuông dành cho 2 thiết bị
1-Gang 2-Devices

WEG575181
Bộ điều chỉnh sáng tối, 800W 220V~
Dimmer Switch (Incandescent
Light Control), 800W 220V~
WEB7812SW (Plate)
Mặt vuông dành cho 2 thiết bị
1-Gang 2-Devices

WEG5151-51SWK
(Cảm nhanh/Bắt vít)
Công tắc B, 1 chiều, có đèn
báo khi OFF, 16AX 250V~
Illuminated Switch B
Single Pole, 16AX 250V~
WEB7811SW (Plate)
Mặt vuông dành cho 1 thiết bị
1-Gang 1-Device

WEG5001-7SW ★
(Cảm nhanh/Bắt vít)
Công tắc B, 1 chiều, 16AX 250V~
Switch B, Single Pole, 16AX 250V~
WEB7813SW (Plate)
Mặt vuông dành cho 3 thiết bị
1-Gang 3-Devices

WEG5401-7SW
Nút nhấn loại đơn, 10A 250V~
Push Button B, Single Pole
10A 250V~
WEB7811SW (Plate)
Mặt vuông dành cho 1 thiết bị
1-Gang 1-Device

WEBP1041SW-P
Bộ ổ cắm đa năng
1-Gang Multiple Receptacle

WBC8991SW-VN
Mặt có nắp che mưa
chuẩn IP43 dành cho công tắc
Weatherproof Cover for BS-TYPE
Switch Plastic IP43 (White)

WBC8991W-VN
Mặt có nắp che mưa
chuẩn IP43 dành cho ổ cắm
Weatherproof Cover for BS-TYPE
Receptacle Plastic IP43 (White)

WSBC7010SW-VN
Thiết bị chuyển tiếp 20A
*Kích thước dây:
Đầu vào: 2.5~6.0mm² (Dây đồng cứng)
Đầu ra: 1.5~2.5mm² (Dây mềm)
Cable Outlet with
20A Terminal Block

WEBFP57311W-VN
Bộ cảm biến hồng ngoại gắn tường
Passive Infrared Sensor with Plate
(Wall Flush Mount)

FULL-COLOR WIDE SERIES Refina

BS - TYPE

★ **Chuẩn Bắt Vít**
Dây cứng lõi đơn, dây mềm và nhiều lõi: 1.5-4mm²

2-3 ký tự cuối trong mã sản phẩm thể hiện màu sắc của sản phẩm

BỘ SẢN PHẨM CÔNG TẮC CÓ KÈM MẶT (Chuẩn bắt vít)		★ Bộ 1 công tắc B 1-Device 1Way SP Switch B 16AX 250V~	★ Bộ 2 công tắc B 2-Devices 1Way SP Switch B 16AX 250V~	★ Bộ 3 công tắc B 3-Devices 1Way SP Switch B 16AX 250V~	★ Bộ 1 công tắc C 1-Device 2Way SP Switch C 16AX 250V~	★ Bộ 2 công tắc C 2-Devices 2Way SP Switch C 16AX 250V~	★ Bộ 3 công tắc C 3-Devices 2Way SP Switch C 16AX 250V~
Trắng Tuyết	SW	WEBP515117SW	WEBP525217SW	WEBP535317SW	WEBP515127SW	WEBP525227SW	WEBP535327SW
Trắng Ngọc	MWZ	WEBP515117MWZ	WEBP525217MWZ	WEBP535317MWZ	WEBP515127MWZ	WEBP525227MWZ	WEBP535327MWZ
Trắng Ánh Kim	MW	WEBP515117MW	WEBP525217MW	WEBP535317MW	WEBP515127MW	WEBP525227MW	WEBP535327MW
Xám Ánh Kim	MH	WEBP515117MH	WEBP525217MH	WEBP535317MH	WEBP515127MH	WEBP525227MH	WEBP535327MH
Đen Ánh Kim	MB	WEBP515117MB	WEBP525217MB	WEBP535317MB	WEBP515127MB	WEBP525227MB	WEBP535327MB
Vàng Ánh Kim	MY	WEBP515117MY	WEBP525217MY	WEBP535317MY	WEBP515127MY	WEBP525227MY	WEBP535327MY
Nâu Ánh Kim	MF	WEBP515117MF	WEBP525217MF	WEBP535317MF	WEBP515127MF	WEBP525227MF	WEBP535327MF
Nâu Đậm Ánh Kim	MA	WEBP515117MA	WEBP525217MA	WEBP535317MA	WEBP515127MA	WEBP525227MA	WEBP535327MA

2-3 ký tự cuối trong mã sản phẩm thể hiện màu sắc của sản phẩm

MẶT 9 Đơn vị: mm	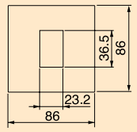 Mặt dùng cho 1 thiết bị 1-Gang 1-Device	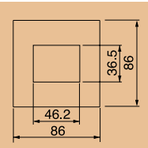 Mặt dùng cho 2 thiết bị 1-Gang 2-Devices	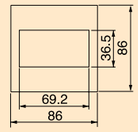 Mặt dùng cho 3 thiết bị 1-Gang 3-Devices
SW Trắng Tuyết	WEB7811SW	WEB7812SW	WEB7813SW
MWZ Trắng Ngọc	WEB7811MWZ	WEB7812MWZ	WEB7813MWZ
MW Trắng Ánh Kim	WEB7811MW	WEB7812MW	WEB7813MW
MH Xám Ánh Kim	WEB7811MH	WEB7812MH	WEB7813MH
MB Đen Ánh Kim	WEB7811MB	WEB7812MB	WEB7813MB
MY Vàng Ánh Kim	WEB7811MY	WEB7812MY	WEB7813MY
MF Nâu Ánh Kim	WEB7811MF	WEB7812MF	WEB7813MF
MA Nâu Đậm Ánh Kim	WEB7811MA	WEB7812MA	WEB7813MA
Mặt có nắp che mưa dạng vuông 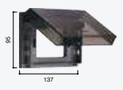 Nhựa IP55			WEG8981K-VN

FULL COLOR WIDE SERIES

TIÊU CHUẨN CỦA CHẤT LƯỢNG

Vui lòng xem bảng giá tại website

THIẾT KẾ ĐƠN GIẢN VÀ THANH LỊCH

Thiết kế phẳng, đường nét vuông vức đáp ứng nhu cầu sử dụng của mọi công trình.

CƠ CHẾ CHUYỂN MẠCH TIÊN TIẾN

Mang đến sự tiện lợi tối đa khi lắp đặt và sử dụng với tiêu chuẩn về chất lượng và an toàn của châu Âu - RoHS, IEC.

FULL COLOR
WIDE
SERIES

Chuẩn Cắm Nhanh Loại 2
Dây cứng lõi đơn: 1.5-2.5mm²
Dây cứng nhiều lõi: 1.5-2.5mm²

Chuẩn Cắm Nhanh
Dây cứng lõi đơn: 1.5-2.5mm²

Chuẩn Kết Nối Quốc Tế
Dây cứng lõi đơn: 1.5-4mm²
Dây cứng nhiều lõi: 1.5-4mm²

Chuẩn Bắt Vít ★
Dây cứng lõi đơn, dây mềm
và nhiều lõi: 1.5-4mm²

MINERVA
HALUMIE
GEN X
REFINA
WIDE
FULL COLOR

CÔNG TẮC

WEV5001SW
(Cắm nhanh/Bắt vít)
Công tắc B, 1 chiều, 16AX 250V~
Switch B, Single Pole, 16AX 250V~

WEV5001H

WEV5151-51SWK
(Cắm nhanh/Bắt vít) Công tắc B
1 chiều, có đèn báo khi OFF, 16AX 250V~
Illuminated Switch B, Single Pole
16AX 250V~ (Neon lamp: 220V~)

WEV5151-51HK

WEG5141SW
Công tắc B, 1 chiều,
có đèn báo khi ON, 6AX 250V~
Glow Switch B, Single Pole
2 Wire, 6AX 250V~

WEG5141H

WEV5001-7SW ★
(Cắm nhanh/Bắt vít)
Công tắc B, 1 chiều, 16AX 250V~
Switch B, Single Pole, 16AX 250V~

WEV5001-7H

WEG51517SW ★
(Cắm nhanh/Bắt vít) Công tắc B
1 chiều, có đèn báo khi OFF, 16AX 250V~
Illuminated Switch B, Single Pole
16AX 250V~ (Neon lamp: 220V~)

WEG51517H

WEV5002SW
(Cắm nhanh/Bắt vít)
Công tắc C, 2 chiều, 16AX 250V~
Switch C, 2-Way, 16AX 250V~

WEV5002H

WEG5152-51SWK
(Cắm nhanh/Bắt vít) Công tắc C
2 chiều, có đèn báo khi OFF, 16AX 250V~
Illuminated Switch C, 2-Way
16AX 250V~ (Neon lamp: 220V~)

WEG5152-51HK

WEV5002-7SW ★
(Cắm nhanh/Bắt vít)
Công tắc C, 2 chiều, 16AX 250V~
Switch C, 2-Way, 16AX 250V~

WEV5002-7H

WEG51527SW ★
(Cắm nhanh/Bắt vít) Công tắc C
2 chiều, có đèn báo khi OFF, 16AX 250V~
Illuminated Switch C, 2-Way
16AX 250V~ (Neon lamp: 220V~)

WEG51527H

WEG5003KSW
(Cắm nhanh/Bắt vít)
Công tắc D, 2 tiếp điểm, 16AX 250V~
Switch D, 2 Poles, 16AX 250V~

WEG5003KH

WEG5004KSW
(Cắm nhanh/Bắt vít)
Công tắc E, đảo chiều, 16AX 250V~
Switch E, 4-Way, 16AX 250V~

WEG5004KH

WEG5341SW
Công tắc B, 1 chiều
có đèn báo khi ON, 16A 250V~
Glow Switch B, Single Pole
3 Wire, 16A 250V~

WEG5341H

WEV5033-7SW ★
Công tắc D, 2 tiếp điểm
có đèn báo, 20A 250V~
Switch D, 2 Poles, 20A 250V~

WEV5033-7H

Ổ CẮM VÀ THIẾT BỊ KHÁC

WEG3032GSW (Green)
Đèn báo màu xanh lá, 220V~
Pilot Lamp Green, 220V~

WEG3032GH (Green)

WEG3032SW (White)
Đèn báo màu trắng, 220V~
Pilot Lamp White, 220V~

WEG3032WH (White)

WEG3032RSW (Red)
Đèn báo màu đỏ, 220V~
Pilot Lamp Red, 220V~

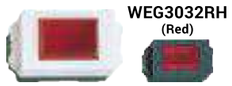
WEG3032RH (Red)

WEG5400-7 ★
Bộ cảm biến hồng ngoại
gắn tường, 10A 250V~
Push Button NC Contact Type
10A 250V~

WEG3023SW
Lỗ ra dây điện thoại phi 9mm/16mm
Telephone Wire Chip
for 9mm Diameter 16mm Diameter

WEG3023H

WEG3020SW
Nút trống
Blank Chip

WEG3020H

WEV1081SW
(Cắm nhanh/Bắt vít)
Ổ cắm đơn có màn che và
dây nối đất, 16A 250V~
Grounding Universal Receptacle
with Safety Shutter, 16A 250V~

WEV1081H

WEV1081-7SW ★
(Cắm nhanh/Bắt vít)
Ổ cắm đơn có màn che, 16A 250V~
Universal Receptacle with
Safety Shutter, 16A 250V~

WEV1081-7H

WEV1091SW
Ổ cắm đơn, 16A 250V~
Universal Receptacle
16A 250V~

WEG1001SW
Ổ cắm đơn (dùng cho
phích cắm dẹp), 16A 250V~
Flat Pin Receptacle, 16A 250V~

WEG1001H

WEG1090SW
Ổ cắm đơn (dùng cho
phích cắm tròn), 16A 250V~
Round Pin Receptacle, 16A 250V~

WEG1090H

WEV1181SW
(Cắm nhanh/Bắt vít)
Ổ cắm đơn có màn che
và dây nối đất, 16A 250V~
Grounding Universal Receptacle
with Safety Shutter, 16A 250V~

WEV1181H

WEV1181-7SW ★
(Cắm nhanh/Bắt vít)
Ổ cắm đơn có màn che
và dây nối đất, 16A 250V~
Grounding Universal Receptacle
with Safety Shutter, 16A 250V~

WEV1181-7H

WEV1582SW
(Cắm nhanh/Bắt vít)
Ổ cắm đôi có màn che
và dây nối đất, 16A 250V~
Grounding Duplex Universal Receptacle
with Safety Shutter, 16A 250V~

WEV1582H

WEV1582-7SW ★
(Cắm nhanh/Bắt vít)
Ổ cắm đôi có màn che
và dây nối đất, 16A 250V~
Grounding Duplex Universal Receptacle
with Safety Shutter, 16A 250V~

WEV1582-7H

WEV2488SW-CAT5
Ổ cắm data CAT5E
CAT5E Data Modular Jack

WEV2488H-CAT5

WEV24886SW-CAT6
Ổ cắm data CAT6
CAT6 Data Modular Jack

WEV24886H-CAT6

WEV2364SW
Ổ cắm điện thoại 4 cực
Telephone Modular Jack (6P4C)

WEV2364H

WEV2501SW
Ổ cắm anten Tivi, 75 Ohm
DIN Type Television Terminal

WEV2501H

WEG5401-7SW
Nút nhấn loại đơn, 10A 250V~
Push Button B, Single Pole, 10A 250V~

WEG5401-7H

WEGP1041SW-1
Bộ ổ cắm đa năng chuẩn A, 16A 250V~
1-Gang multiple Receptacle, 16A 250V~
(A Type Plate)

WEG2021SW
Ổ cắm HDMI
Connetor for HDMI Connection

WEG2021H

WEF108107-VN ★
Ổ cắm USB 2.4A
1-Port USB 2.4A

WEF108107H-VN

WEF11821W
Ổ cắm USB 3A
2-Port USB Fast Charger 3A

WEF11821H

EGG331
Nút chuông kín nước, 1A 220V~
Weatherproof Push Button for
Door Chime, 1A 220V~

EGG335
Nút chuông kín nước, 1A 220V~
Weatherproof Push Button for
Door Chime, 1A 220V~ (Dark Brown)

EBG888
Chuông điện, 220V~
2 kiểu chuông 9.5W, 50Hz, 82dB
Door chime, 220V~
Two Tone 9.5W, 50Hz, 82dB Chime

FULL COLOR
WIDE
SERIES

Chuẩn Cắm Nhanh Loại 2
Dây cứng lõi đơn: 1.5-2.5mm²
Dây cứng nhiều lõi: 1.5-2.5mm²

Chuẩn Cắm Nhanh
Dây cứng lõi đơn: 1.5-2.5mm²

Chuẩn Kết Nối Quốc Tế
Dây cứng lõi đơn: 1.5-4mm²
Dây cứng nhiều lõi: 1.5-4mm²

Chuẩn Bắt Vít
Dây cứng lõi đơn, dây mềm và nhiều lõi: 1.5-4mm²

BỘ ĐIỀU CHỈNH ĐỘ SÁNG ĐÈN

WEF5791301SW-VN
Bộ điều chỉnh độ sáng cho đèn LED 100W có thể điều chỉnh độ sáng nhỏ nhất 220V~
Dimmer Switch with Minimum Brightness Adjustment (Incandescent and LED Light Control) 100W (LED 100W) 220V~
*Push On/Off Function Type

WEF5791301H-VN

WEF5791501SW-VN
Bộ điều chỉnh độ sáng cho đèn LED 200W có thể điều chỉnh độ sáng nhỏ nhất 220V~
Dimmer Switch with Minimum Brightness Adjustment (Incandescent and LED Light Control) 240W (LED 200W) 220V~
*Off Function Type

WEF5791501H-VN

WEG575151SW
Bộ điều chỉnh độ sáng đèn, 500W 220V~
Loại có chức năng bật tắt
*Kích thước dây: 1.0~2.5mm²
(Dây cứng lõi đơn)
Dimmer Switch (Incandescent Light Control) 500W 220V~, *Off Function Type

WEG575151H

WEG575181
Bộ điều chỉnh độ sáng đèn, 800W 220V~
*Kích thước dây: 1.0~2.5mm²
(Dây cứng lõi đơn)
Dimmer Switch (Incandescent Light Control), 800W 220V~
*Off Function Type

WEG575181H

WEG57912SW ★
Bộ điều chỉnh độ sáng đèn, 200W 220-240V~
*Kích thước dây: 1.0~4.0mm²
(Dây cứng lõi đơn, dây mềm và dây nhiều lõi)
Dimmer Switch (Incandescent and LED Light Control) 200W (LED 50W) 220-240V~
*Push On/Off Function Type

WEG57912H

FOR HOTEL

WSBC9120SW-VN
Ổ cắm chuyên dùng cho máy cạo râu
Shaver Receptacle
In: 220V-240V~, Out: 230V/115V~

WEC5781W-VN
Bộ công tắc thẻ
Electronic Key Card Switch

WEG5001SWK-031
Công tắc B hiển thị "Xin dọn phòng" dùng cho khách sạn, 16AX 250V~
Hotel Use Switch B for Indication "Make up Room", 16AX 250V~

WEG5401-011SW
Nút nhấn chuông, 10A 250V~
Entrance Bell, 10A 250V~

WEG5002SWK-031
Công tắc C hiển thị "Đừng làm phiền" dùng cho khách sạn, 16AX 250V~
Hotel Use Switch C for Indication "Don't Disturb", 16AX 250V~

WEG3032G-031
Đèn báo "Xin dọn phòng" Xanh Lá 220V~
Pilot Lamp for Indication "Make up Room" Green 220V~

WEG3032R-021
Đèn báo "Đừng làm phiền" Đỏ 220V~
Pilot Lamp for Indication "Don't Disturb" Red 220V~

SƠ ĐỒ MẠCH ĐIỆN DÀNH CHO ĐÈN BÁO "XIN DỌN PHÒNG" - "ĐỪNG LÀM PHIỀN"

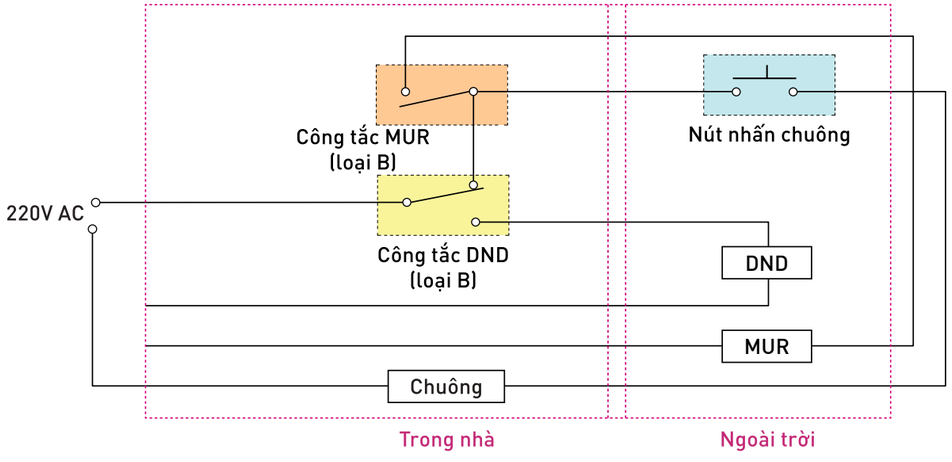

		MINERVA	HALUMIE	GEN X	REFINA	WIDE	FULL COLOR
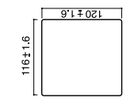	Mặt kín đôi Double Cover Plate	WEV68920SW					
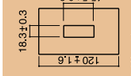	Mặt dùng cho CB 1 tiếp 1-Gang for 1P1E MCB	WEV7001SW	WEV7001MW	WEV7001MH	WEV7001MB		
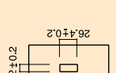	Mặt dùng cho HB 1-Gang for HB Breaker	WEV7061SW	WEV7061MW	WEV7061MH	WEV7061MB		
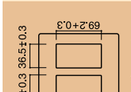	Mặt dùng cho 6 thiết bị 2-Gang 6-Devices	WEV68060SW	WEV68060MW	WEV68060MH	WEV68060MB		
	Mặt dùng cho 4 thiết bị 2-Gang 4-Devices	WEV68040SW	WEV68040MW	WEV68040MH	WEV68040MB		
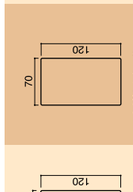	Mặt kín đơn 1-Gang Cover	WEV68910SW	WEV68910MW	WEV68910MH	WEV68910MB		
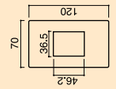	Mặt dùng cho 2 thiết bị 1-Gang Center 2-Devices	WEV680290SW	WEV680290MW	WEV680290MH	WEV680290MB	WEG680290MWZ	WEG680290MY WEG680290MF WEG680290MA
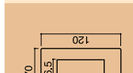	Mặt dùng cho 3 thiết bị 1-Gang 3-Devices	WEV68030SW	WEV68030MW	WEV68030MH	WEV68030MB	WEG68030MWZ	WEG68030MY WEG68030MF WEG68030MA
	Mặt dùng cho 2 thiết bị 1-Gang 2-Devices	WEV68020SW	WEV68020MW	WEV68020MH	WEV68020MB	WEG68020MWZ	WEG68020MY WEG68020MF WEG68020MA
	Mặt dùng cho 1 thiết bị 1-Gang 1-Device	WEV68010SW	WEV68010MW	WEV68010MH	WEV68010MB	WEG68010MWZ	WEG68010MY WEG68010MF WEG68010MA
		WEG65029-1	WEG66029-1	WEG66029-1			
		WEG65503-1	WEG66603-1	WEG66603-1			
		WEG65502-1	WEG66602-1	WEG66602-1			
		WEG65501-1	WEG66601-1	WEG66601-1			
		WEG65591-1	WEG66691-1	WEG66691-1			

2-3 ký tự cuối trong mã sản phẩm thể hiện màu sắc của sản phẩm

*IP: Chuẩn chống nước (khi đóng nắp)

MẶT

Đơn vị: mm

Mặt cơ bản: SW Trắng Tuyết

Mặt kim loại: Nhôm; Không Gỉ

Mặt mầu ánh kim: MW Trắng Ngọc; MW Trắng Ánh Kim; MH Xám Ánh Kim; MB Đen Ánh Kim; MY Vàng Ánh Kim; MF Nâu Ánh Kim; MA Nâu Đậm Ánh Kim

Mặt có nắp che mưa: Kim Loại IPX3; Nhựa IP55

Mặt có nắp che mưa dạng vuông: Kim Loại IP55; Nhựa IP55

FULL-COLOR
SERIES

Vui lòng xem bảng giá
tại website

Chuẩn mực cho mọi không gian

CƠ CHẾ CHỊU NHIỆT MỚI NHẤT, DỄ SỬ DỤNG
Một thiết kế cơ bản của Panasonic với cơ chế bật tắt đơn giản, không gặp sự cố.

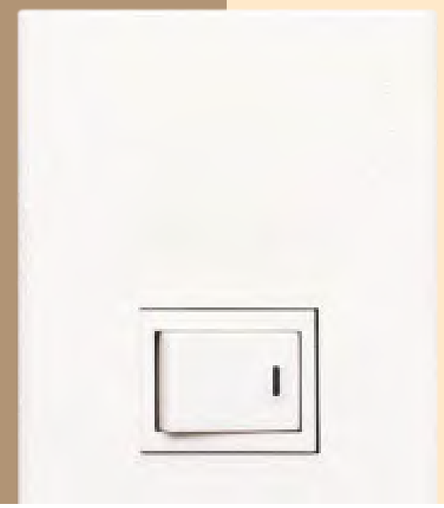

Thiết kế tối giản phù hợp
với bất kỳ nội thất phòng

FULL-COLOR
SERIES

A - TYPE

Chuẩn Cắm Nhanh
Dây cứng lõi đơn: 1.5-2.5mm²

CÔNG TẮC

WNV5001-7W
Công tắc B, 1 chiều
16AX 250V~
Switch B, Single Pole
16AX 250V~

WNG5061W-701
Công tắc B, 1 chiều
loại nổi, 16AX 250V~
Appellation Switch B,
Single Pole, 16AX 250V~

WNG5021W-7
Công tắc B, 1 chiều
loại đôi, 10AX 250V~
Twin Switch B, Single Pole
10AX 250V~

WN5241W-801
Công tắc B, 1 chiều
có đèn báo khi ON, 4A 300V~
Appellation Glow Switch B
Single Pole, 4A 300V~

WNG5051W-751
Công tắc B, 1 chiều
có đèn báo khi OFF, 16AX 250V~
Illuminated Appellation Switch B
Single Pole, 16AX 250V~
(Neon lamp: 220V~)

WNG5401W-7K
Công tắc B, 1 chiều, 10A 300V~
Push Button B, Single Pole
10A 300V~

WSG3001
Công tắc B, 1 chiều, loại nổi, 10A 300V~
Surface Mounting Switch B
Single Pole, 10A 300V~

WNV5002-7W
Công tắc C, 2 chiều, 16AX 250V~
Switch C, 2-Way, 16AX 250V~

WNG5052W-751
Công tắc C, 2 chiều
có đèn báo khi OFF, 16AX 250V~
Illuminated Appellation Switch C, 2-Way
16AX 250V~ (Neon lamp: 220V~)

WNG5003W-7
Công tắc D, 2 tiếp điểm, 10AX 250V~
Switch D, 2 Poles, 10AX 250V~

WNG5343W-761
Công tắc D có đèn báo, 20AX 250V~
Dùng cho máy nước nóng (có chữ)
Glow Switch D, 2 Poles, 20AX 250V~
for Water Heater

WBG5414699W-SP
Công tắc D có đèn báo, 20AX 250V~
Dùng cho máy lạnh, máy nước nóng
(không có chữ)
Glow Switch D, 2 Poles, 20AX 250V~
for Water Heater

WBG5414699W
Công tắc D có đèn báo, 20AX 250V~
Dùng cho máy lạnh (có chữ)
Glow Switch D, 2 Poles, 20AX 250V~ for A/C

WNG5004W-7
Công tắc E, đảo chiều, 10AX 250V~
Switch E, 4-Way, 10AX 250V~

WNH5611-801
Công tắc dạng dài, 10A 250V~
Tablet Switch, 10A 250V~

Ổ CẮM VÀ THIẾT BỊ KHÁC

WNV1081-7W
Ổ cắm đơn có màn che, 16A 250V~
Universal Receptacle with
Safety Shutter, 16A 250V~

WNV1091-7W
Ổ cắm đơn, 10A 250V~
Universal Receptacle
10A 250V~

WN1090-7K-W
Ổ cắm đơn (dùng cho
phích cắm tròn), 10A 250V~
Round Pin Receptacle, 10A 250V~

WN1001-7K-W
Ổ cắm đơn (dùng cho
phích cắm dẹp), 10A 250V~
Flat Pin Receptacle, 10A 250V~

WN1101-7W
Ổ cắm đơn có dây nối đất
(phích cắm dẹp), 10A 250V~
Grounding Flat Pin Receptacle
10A 250V~

WNG15923-7W
Ổ cắm đôi có dây nối đất, 16A 250V~
Grounding Duplex Universal
Receptacle, 16A 250V~

NR3170W-8
Ổ cắm data CAT6
CAT6 Data Modular Jack

NRV3160W
Ổ cắm data tiêu chuẩn RJ45 - CAT5E
Data Modular Jack RJ45 - CAT5E

WNTG15649W
Ổ cắm điện thoại 4 cực
Telephone Modular Jack (6P4C)

WZV1201W
Ổ cắm TV, 75 Ohm
Television Terminal

WN3020W
Nút trống
Blank chip

WN3023W
Lỗ ra dây điện thoại
Telephone Wire Chip

WKG1092-250
Ổ cắm đôi loại nổi, 10A 250V~
Surface Mounting Universal
Duplex Receptacle, 10A 250V~

WKG1091-250
Ổ cắm đơn, 10A 250V~
Surface Mounting Universal
Receptacle, 10A 250V~

MẶT CÓ NẮP CHE MƯA Đơn vị: mm	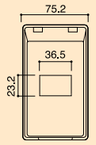 **Mặt dùng cho 1 thiết bị** **1-Gang 1-Device**	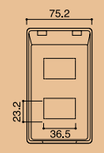 **Mặt dùng cho 2 thiết bị** **1-Gang 2-Devices**	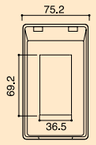 **Mặt dùng cho 3 thiết bị** **1-Gang 3-Devices**	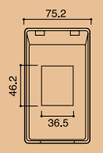 **Mặt dùng cho 2 thiết bị** **1-Gang Center** **2-Devices**
Kim Loại **Metal** 	WN7801K-8	WN7802K-8	WN7803K-8	WN7821K-8
Nhựa **Plastic** 	WN7901-8	WN7902-8	WN7903-8	WN7921-8

*IP: Chuẩn chống nước (khi đóng nắp)

ƯU ĐIỂM

Công Tắc, Ổ Cắm Panasonic

Công tắc

Phương Pháp Đảo Chiều Lõi Lò Xo
Tiết kiệm năng lượng tối ưu

Nhựa Urea Resin
Giảm thiểu hồ quang điện, chống cháy lan từ sản phẩm

Chức Năng Cắm Nhanh
Cải thiện chất lượng và thời gian thi công

Tập đoàn Panasonic coi trọng thiết kế an toàn theo chất lượng Nhật Bản

Tập đoàn Panasonic liên tục phát triển kỹ thuật tiên phong để có những sản phẩm an toàn và cho các thế hệ sau. Trong đó có sự phát triển công tắc và ổ cắm an toàn vượt trội, bảo vệ gia đình và ngôi nhà của bạn khỏi những nguy hiểm từ việc sốc điện và hỏa hoạn. Chúng tôi sẽ tiếp tục nghiên cứu, phát triển và đổi mới kỹ thuật để đáp ứng nhu cầu của khách hàng trên toàn thế giới.

Nhựa Urea Resin

Phương Pháp Đảo Chiều Lõi Lò Xo

- **Giảm thiểu hồ quang điện sinh ra**
- **Giảm nóng chảy sản phẩm**

Đây là phương pháp đảo chiều lõi lò xo đề xuất bởi Panasonic, lực đặt lên bộ tiếp điểm ổn định để thiết bị không trở nên nóng. Bằng cách giữ lưỡi gà cố định, **dòng hồ quang được giảm thiểu.**

Khi bạn bật công tắc, chuyển động đóng xảy ra được gọi là sự nhảy tiếp xúc. Thiết bị điện sẽ tổn hại nếu hiện tượng nhảy tiếp xúc xảy ra nhiều lần.

Phương pháp đảo chiều lõi lò xo giảm thiểu hiện tượng này.

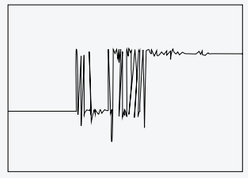

Khác

Vì khoảng thời gian trong một lần chuyển mạch dài, dòng hồ quang được sinh ra đáng kể. Tiếp điểm dễ dàng chảy ra, năng lượng tiêu tán cao.

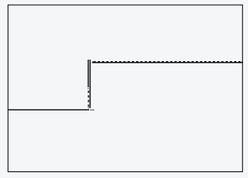

Panasonic

thời gian chuyển mạch ngắn khi công tắc bật sang trạng thái ON. Chỉ một phần năng lượng nhỏ được sinh ra trong trường hợp này. Tiếp điểm khó bị chảy vì thế **năng lượng tiêu tán ít**.

ƯU ĐIỂM

Công Tắc, Ổ Cắm
Panasonic

TIẾP ĐIỂM HỢP KIM BẠC 16A

Lõi lò xo hợp kim bạc

- Áp lực tiếp xúc cao
- Thời gian đáp ứng nhanh
- Giảm sinh hồ quang
- Tuổi thọ cao

Tiếp điểm mạ bạc

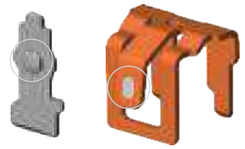

CÔNG TẮC
40.000 lần ~ 13 năm
(ON/OFF 8 lần/ngày)

Ổ CẮM
10.000 lần ~ 14 năm
(Cắm/rút 2 lần/ngày)

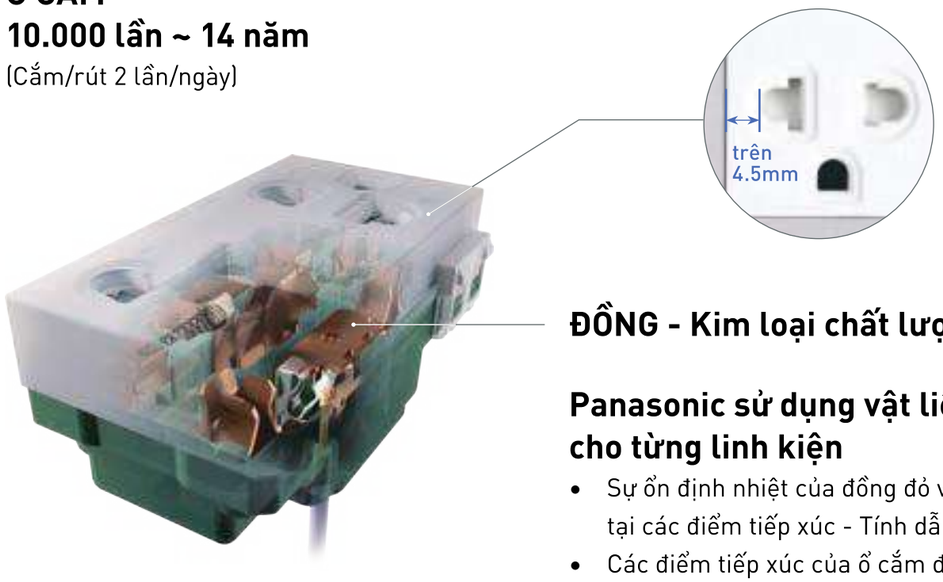

ĐỒNG - Kim loại chất lượng cao

Panasonic sử dụng vật liệu tối ưu cho từng linh kiện

- Sự ổn định nhiệt của đồng đỏ và đồng thau tại các điểm tiếp xúc - Tính dẫn điện cao
- Các điểm tiếp xúc của ổ cắm được làm bằng đồng thau - Suất dẫn điện tốt

AN TOÀN

Đảm bảo an toàn
nhờ ổ cắm chất lượng
hàng đầu

Khả năng gây cháy căn hộ khi sử dụng các sản phẩm ổ cắm kém chất lượng

Ngàm của ổ cắm bị lỏng do cắm & rút nhiều lần

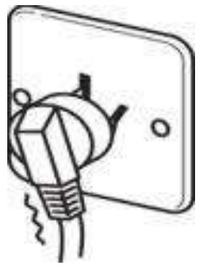

Liên kết giữa chân pin và ngàm ổ cắm không còn được siết chặt (lực liên kết kém).

Dòng hồ quang sinh ra, dẫn đến gia nhiệt trên tiếp điểm và chất liệu gần đó và sau đó gây ra cháy.

NOTES
Ghi chú

SPD Chỉ số kỹ thuật

Mã sản phẩm	BBDT2321BV
Điện thế hoạt động thông thường (Un)	230V
Điện thế hoạt động tối đa (Uc)	320V (50/60Hz)
Dòng điện bảo vệ thông thường (8/20μs)(In)	20 kA
Dòng điện bảo vệ tối đa (8/20μs) (Imax)	40 kA
Điện thế bảo vệ (Up)	≤ 1.5 kV
Nhiệt độ hoạt động tối đa	-10°C~+60°C
Độ ẩm hoạt động tối đa	85%RH,or less (không ngưng tụ)
Dây dẫn điện phù hợp	Dây đơn: ø1.5 to 5.5 mm Dây nhiều lõi: 1.5 to 35 mm²
Tiêu chuẩn kháng nước	IP20
Khối lượng	200g

Cách hoạt động SPD

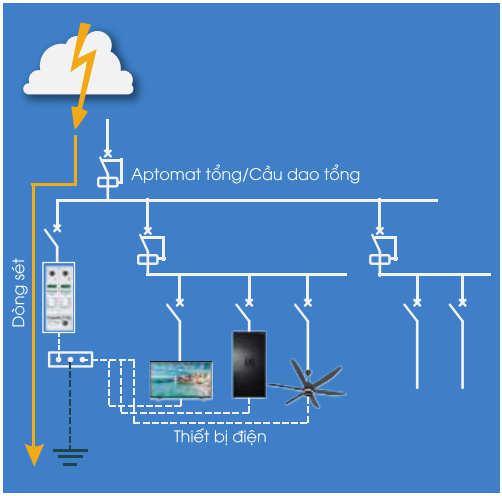

SPD Hình vẽ kỹ thuật

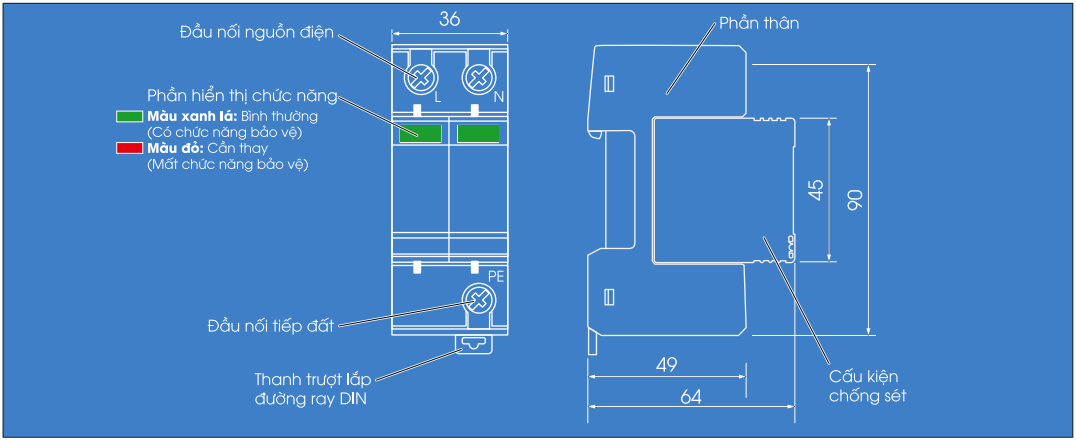

● **Cách tháo lắp**

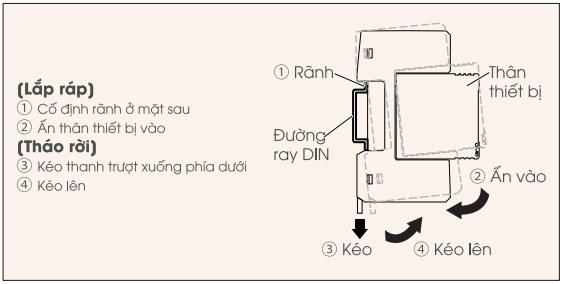

● **Vd Cách thi công**

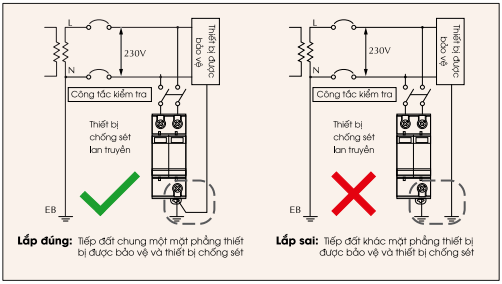

* Check ngay QR code Youtube để biết thêm thông tin về SPD

Văn Phòng Đại Diện

Công Ty TNHH Panasonic Life Solutions Việt Nam
Địa chỉ: Lầu 5, Toà nhà An Phú Plaza, 117-119 Lý Chính Thắng, P.7, Q.3, TP.Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (028) 38 134 591
Website: www.panasonic.net/ls/vn
Youtube: www.youtube.com/PanasonicLifeSolutionsVietnam

Panasonic

Bạn có biết ?

Có hơn 2.000.000 cú sét đánh mỗi năm tại Việt Nam, là một trong những quốc gia có tỉ lệ sét đánh cao nhất.

SPD có thể !

Bảo vệ thiết bị điện trong nhà khỏi tác hại do sét đánh gián tiếp

Chuyển hướng dòng điện quá áp xuống mặt đất khi dòng sét di chuyển theo đường điện đến SPD

THIẾT BỊ CHỐNG SÉT LAN TRUYỀN

" Bảo vệ hệ thống điện gia đình "

SPD - **S**urge **P**rotection **D**evice

KIỂM TRA SAU KHI LẮP ĐẶT VÀ CÀI ĐẶT NÚT ĐIỀU CHỈNH

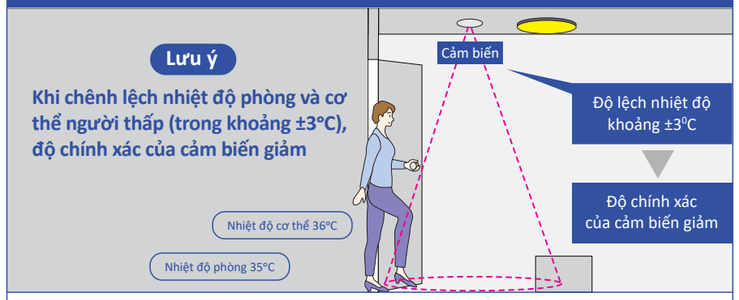

1. Điều chỉnh góc độ cảm biến

1. Điều chỉnh nút vặn theo hình dưới đây: (Cảm biến chính)

Thời gian mở đèn tối đa

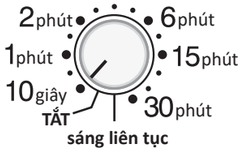

Mức cảm biến độ sáng

2. Đảm bảo phụ tải điện đã tắt khi rời khỏi phạm vi cảm biến (Cảm biến chính)
3. Tiếp cận từ phạm vi thăm dò đến nơi cần cảm biến, xem đèn LED đỏ có chớp không (cảm biến chính, cảm biến phụ)

※Nếu đèn không chớp, cần điều chỉnh phương hướng phát hiện của thiết bị.

[Khi cài đặt thời gian "continuous ON (sáng liên tục)", cần đợi đèn tắt đi rồi mới tiến hành xác định phạm vi cảm biến.]

2. Điều chỉnh thời gian mở và độ sáng

1. Điều chỉnh thời gian mở đèn tối đa: (Cảm biến chính)

Thời gian mở

Cài đặt thời gian tối đa (khoảng 30 phút) đối với nơi có nhiều người đi lại, thiết bị chiếu sáng thường xuyên BẬT/TẮT.

Lưu ý:
1.) Nếu thời gian cài đặt ngắn, thường xuyên BẬT/TẮT đèn sẽ làm giảm tuổi thọ của bóng đèn.
2.) Vị trí và thời gian cài đặt để điều chỉnh cần phải theo hướng dẫn.

2. Cài đặt độ sáng để công tắc cảm ứng nhiệt tự động khởi động

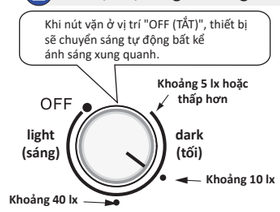

Mức cảm biến độ sáng

- Nếu cần đèn sáng trong môi trường sáng, điều chỉnh nút vặn về hướng "light".
- Nếu cần đèn sáng trong môi trường tối, điều chỉnh nút vặn về hướng "dark".

Lưu ý:
1.) Nếu điều chỉnh nút xoay từ "dark/tối" sang "light/sáng", cần chờ 10 giây.
2.) Độ sáng kiến nghị: Khoảng 10 lx.

3. Lắp đặt tấm che

Khi lắp đặt tấm che, cần căn đúng vị trí hình mũi tên trong tấm che khớp với vị trí mũi tên.

Scan QR code để xem clip hướng dẫn "Thiết Bị Cảm Biến - Cách lắp đặt và sử dụng" tại kênh Youtube Panasonic Life Solutions Vietnam.

KHÔNG ĐƯỢC LẮP ĐẶT Ở VỊ TRÍ NHƯ HÌNH BÊN DƯỚI

※ Thiết bị có thể cảm ứng sự thay đổi nhiệt độ trong môi trường gây ra bởi khí nóng,... Không phải thiết bị hỏng

❌ Có đèn dây tóc hoặc thiết bị chiếu sáng trong phạm vi cảm biến

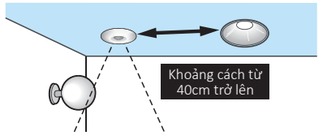

❌ Nơi có gió thổi từ máy lạnh

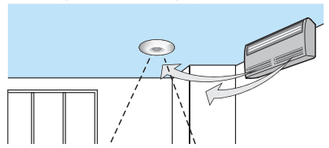

❌ Nơi nhiệt độ thay đổi nhanh

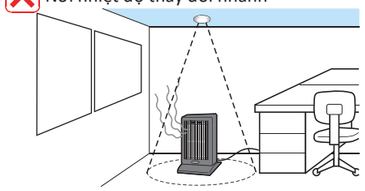

❌ Nền nhà phản sáng

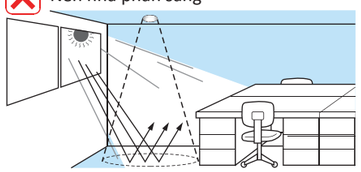

❌ Nơi có vật thể rung động hoặc di chuyển

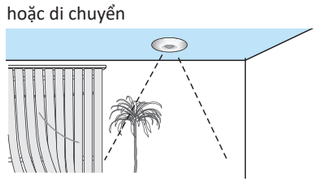

Panasonic

THIẾT BỊ CẢM BIẾN HỒNG NGOẠI

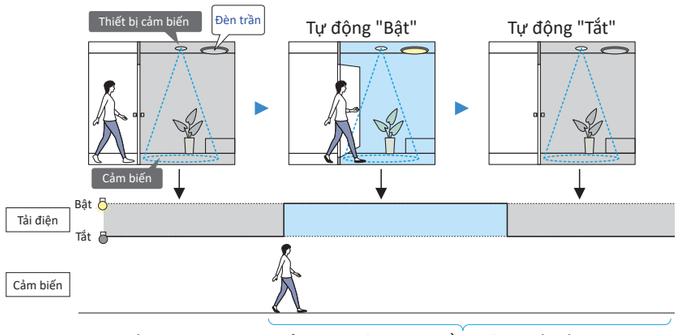

Thiết bị phát hiện chuyển động của người bằng cảm biến hồng ngoại và tự động bật đèn "Bật" và "Tắt" theo thời gian cài đặt.

Loại chính phụ

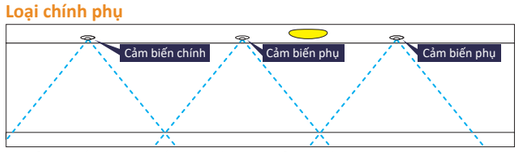

(1 cảm biến chính kết nối tối đa 4 cảm biến phụ)

CÁC HIỆN TƯỢNG SAU KHÔNG PHẢI DO SẢN PHẨM HỎNG

- Thiết bị sẽ không cảm nhận được khi nhiệt độ phòng và nhiệt độ cơ thể gần như nhau.
- Xảy ra tình trạng đèn TẮT/MỞ không như dự tính.

Đèn TẮT

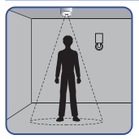

Người trong trạng thái tĩnh (tốc độ phát hiện 0.3 m/s đến 1 m/s)

Xung quanh quá sáng

Đèn MỞ

Bị ảnh hưởng bởi sóng điện từ khác

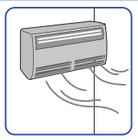

Có gió từ máy lạnh hoặc máy sưởi

Có vật rung động

Có hơi nước từ máy tạo độ ẩm

LOẠI CHÍNH PHỤ

		Cảm Biến Chính		Cảm Biến Phụ
Loại Sản Phẩm / Mã Sản Phẩm		Loại 8A **WTKF24816-VN** **Kết nối tối đa 6 cảm biến phụ* 	Loại 3A **WTKG2411** **Kết nối tối đa 4 cảm biến phụ* 	**WTKG2911**
Kích Thước Hành Lang Lắp Đặt (mm)		Φ70 (+5)		
Công Suất		8A AC 220V - 240V	3A AC 220V - 240V	DC 12V
Công Suất Tiêu Thụ Nguồn Điện		Ít hơn 1W	Ít hơn 2W	Ít hơn 2W
Dung Lượng Của Tải điện (W)	**Đèn Sợi Đốt**	1760	660	-
	Đèn Huỳnh Quang	880	330	-
	Đèn LED	880	330	-
	Quạt	880	330	-
Độ Trễ Khi Tự Tắt		Có thể tùy chỉnh 10 giây - 30 phút		Phụ thuộc vào cảm biến chính
Kích Thước (mm)		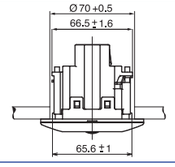	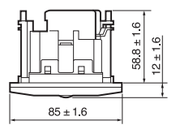 Ø85 x 12 + 58.8 (L=70.8)	
Độ Phủ		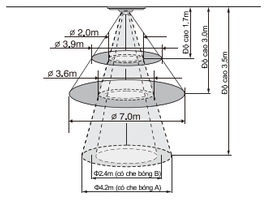	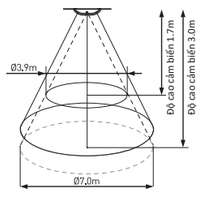	

PHƯƠNG PHÁP NỐI DÂY (DÀNH CHO LOẠI CHÍNH PHỤ)

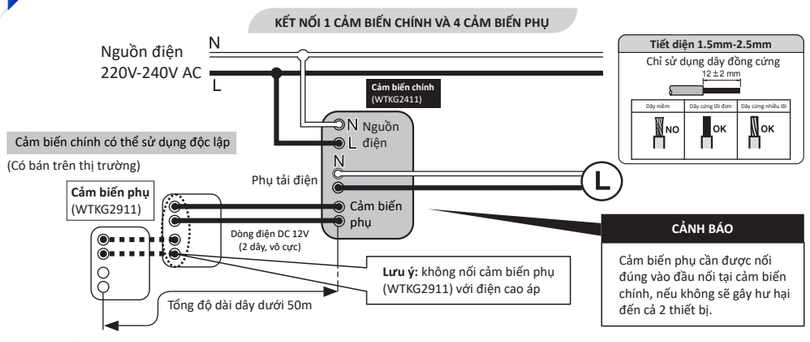

LƯU Ý VỀ CÁC PHƯƠNG PHÁP NỐI DÂY SAI

Đấu dây không chính xác sẽ gây ra sự cố do đoản mạch hoặc rò điện từ mạch điện tử của thiết bị.

CHI TIẾT ĐẦU NỐI

Vui lòng kiểm tra tên của các đầu nối trước khi lắp đặt để tránh việc đấu dây sai.

WTKF24816-VN

WTKG2411

WTKG2911

Nguồn điện Tải điện Cảm biến phụ

LOẠI ĐỘC LẬP

		Cảm Biến Gắn Trần		Cảm Biến Gắn Tường
Loại Sản Phẩm / Mã Sản Phẩm		Lắp âm trần **WTKG2310** 	Lắp nổi **WTKF23113-VN** 	Lắp nổi **WEBFP57311W-VN**
Kích Thước Hành Lang Lắp Đặt (mm)		Φ70 (+5)		75 X 75
Công Suất		3A AC 220V - 240V		2A AC 220V - 240V
Công Suất Tiêu Thụ Nguồn Điện		Ít hơn 2W		Ít hơn 1.2W
Dung Lượng Của Tải Điện (W)	**Đèn Sợi Đốt**	660		440
	Đèn Huỳnh Quang	330		110
	Đèn LED	330		110
	Quạt	330		-
Độ Trễ Khi Tự Tắt		Cố định 1 phút	Có thể tùy chỉnh 10 giây - 30 phút	Có thể tùy chỉnh ±30 giây – 3 phút
Kích Thước (mm)		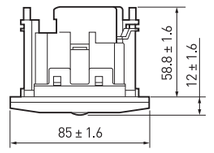 Ø85 x 12 + 58.8 (L=70.8)	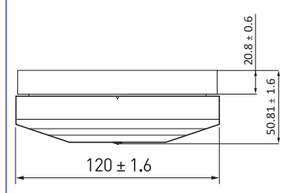	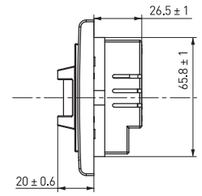
Độ Phủ		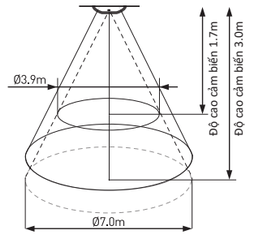	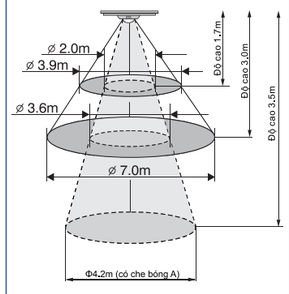	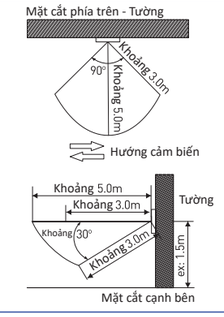
Chi Tiết Đấu Nối				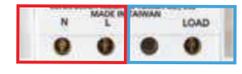

Vui lòng kiểm tra tên của các đầu nối trước khi lắp đặt để tránh việc đấu dây sai.

Nguồn điện Tải điện

SƠ ĐỒ NỐI DÂY

Loại gắn trần	Loại gắn tường